

Phân Tổng Luận Cho Phúc Đức



Cung Phúc Đức được xem là Cung nghiên cứu xem bản thân mình có nhiều cơ hội hay không, tốt hay xấu trong sinh hoạt suốt đời. Lối xếp đặt của người xưa Cung Phúc Đức luôn luôn xung chiếu với Cung Tài Bạch, điều này cho thấy rõ sự giàu hay nghèo đều đã được định sẵn bởi chính nhân quả, nghiệp báo của mình và giòng họ gây nên từ bao đời trước.

Cho nên, việc đặt mồ mả của ông bà tổ tiên chỉ là một phần nào ảnh hưởng đến mình, mà còn chính hành động của mình tốt hay xấu đối với xã hội muôn loài như thế nào thì mới có thể cải sửa được.

Ví dụ: Cung Phúc Đức cho thấy họ hàng hoặc mình bị mù, mắt kém, chính mình phải tạo phước giúp đỡ người khiếm thị, tạo sự học hành cho trẻ mồ côi. Nếu vận số của mình bị nghèo thì chịu khó tham gia vào các sơ quan từ thiện, hoặc có tâm vui mừng khi thấy người khác giàu có, không đố kỵ, ghen tức, mới mong có kết quả tốt, đây chính là số mạng tốt hay xấu đều tùy thuộc vào bàn tay của mình. Đây chính là ý nghĩa của câu Đức Năng Thắng Số vậy.

Nếu bạn thấy trong lá số Tử Vi của mình có Cung Phúc Đức Vô Chính Diệu, tức là Cung không có 14 chính tinh Tử Vi, Thiên Cơ, Vũ Khúc, Thiên Đồng, Liêm Trinh, Thiên Thủ, Thái Âm, Tham Lang, Cự Môn, Thiên Tương, Thiên Lương, Thất Sát, Phá Quân.

Ví dụ: Cung Phúc Đức nằm tại Cung Mùi Vô Chính Diệu, Cung Sửu là cung xung chiếu, có sao Vũ Khúc, Tham Lang, thì lấy sao Vũ Khúc, Tham Lang này để mà luận giải cho Cung Phúc Đức của mình.

Phân luận giải Cung Phúc Đức qua 12 Cung trên đây chỉ là phân tổng quát, bạn cần phải nghiên cứu thêm những điều sau.

Ngoài 14 chính tinh, dù tốt hay xấu, vượng địa hay hắc địa, một Cung Phúc Đức chủ sự may mắn, có nhiều cơ hội tránh tai nạn, làm giàu nhanh chóng, sống lâu, đều phải có thêm các sao Thiên Khôi, Thiên Việt, Tả Phù, Hữu Bật, Tam Thai, Bát Tọa, Văn Xương, Văn Khúc, Thai Phụ, Phong Cáo, Ân Quang, Thiên Quý, Thiên Quan, Thiên Phúc, Đào Hoa, Hồng Loan, Hỉ Thần, Thanh Long, Bạch Hổ, Lộc Tồn, Thiên Mã, Hóa

Khoa, Hóa Quyền, Hóa Lộc. Phúc Đức càng lớn tức là khi có nhiều sao tốt ở trên hội tụ càng nhiều. Dù sao chính tinh có bị hãm địa, nhưng nhờ các sao tốt này thì chắc chắn cuộc đời sẽ có cơ hội vươn lên.

Trái lại, dù Cung Phúc Đức có các sao miếu địa, vượng địa, đắc địa, mà lại có thêm các sao Thiên Hình, Thiên Riêu, Địa Không, Địa Kiếp, Hóa Kỵ, Kình Dương, Đà La, Đại Hao, Tiểu Hao, Thiên Khốc, Thiên Cơ, Sao Tử, sao Tuyệt, TUẤN TRIỆT, Kiếp Sát, Cô Thần Quả Tú, Đầu Quân, Linh Tinh, Hỏa Tinh, thì dù cuộc đời có lên nhanh, sự giàu sang chắc chắn không vẹn toàn cho đến cuối đời, nếu về già vẫn giàu có thì nội bộ gia đình của mình cũng có người chết non, bệnh tật nan y khó chữa, duyên nợ vợ chồng trắc trở, con cái công danh không ra gì, chơi bời, cô độc, góa bụa, bệnh tật.

Cung Tý thuộc Hành Dương Thủy, là loại nước nóng, hướng chính Bắc, nên hợp với tuổi thuộc mạng Mộc, Thủy, Kim, khắc mạng Hỏa, mạng Thổ.

Cung Tý thuộc quẻ Khảm, về ngũ hành là Thủy, có biểu tượng và ý nghĩa là nước, chất lỏng, mưa, mặt trăng.

- Về người là con trai thứ, hoặc con trai giữa, tánh người thì khôn ngoan, thâm trầm, sắc bén, trí sâu, tánh dấu diếm, bí mật, chòi hiềm hóc.
- Nếu đau bệnh thường ở vùng lỗ tai, máu huyết, thận, bong bóng, bàn tay.
- Làm ăn hợp tháng 11, mùa đông, phương Bắc.
- Hợp thức ăn loại hải sản, là con heo, con cá, trái cây có nước như trái dừa, rượu, quán cà phê.
- Hợp màu sắc đen.
- Về nhà cửa và nơi làm việc hợp nhà sàn ở gần sông, biển, rạch, nơi có nước, vị mặn, vùng có khí lạnh, hoặc vùng thờ nhân thần, tức là thờ những người khai quốc công thần.

Nếu có sao Linh Tinh, Hỏa Tinh, là phúc đức kém, giảm thọ, có người yếu tử, tật nguyền, đời dễ gặp rủi ro.

Nhưng nếu có sao Linh Tinh, Hỏa Tinh đứng giáp hai bên, tức là một sao ở Cung Hợi, một sao ở Cung Sửu, là số vất vả, ly hương, dễ gặp cảnh mồ côi, hoặc cô độc, xa cách

người thân, gia đạo ly tán, sức khỏe kém, dễ lao lực, lao tâm, nếu không thì cũng có tật nguyền, trong người có thương tích.

Cung Thủ thuộc Âm Thổ, hợp mạng Hỏa, Thổ, mạng Kim. Khắc mạng Mộc, mạng Thủy. Nhưng bất luận tuổi nào, cần phải có sao Mộc thì mới tốt.

Cung Dần là Cung Dương Mộc, hợp mạng Mộc, mạng Hỏa, khắc mạng Thổ, mạng Thủy, mạng Kim, nếu có thành công thì cũng lắm gian nan. Người tuổi Đinh, tuổi Tân phát tài về ngành cơ khí, vận chuyển, công kỹ nghệ.

Cung Dần thuộc quẻ Cấn, về ngũ hành là Thổ, có biểu tượng và ý nghĩa là mây mù, hợp vùng đồi núi, nơi có đá.

- Về người tượng trưng cho con trai út, người giúp việc, bảo vệ, gác cổng, quản gia.
- Làm ăn hợp tháng Giêng, mùa xuân, hướng Đông Bắc, vùng có khí hậu ấm.
- Nếu có bệnh thường ở ngón tay, lỗ mũi, cái lưng, xương cốt, đau bao tử.
- Hợp màu sắc vàng, nâu.
- Hợp các loại thức ăn có vị ngọt, các loại lúa, đậu.
- Về nhà cửa và nơi làm việc hợp ở những nơi như chõ cùng tận, ngỏ tắt.
- Về súc vật là các loại như chó, cọp, chuột, beo.

Nếu có sao Bạch Hổ, Tham Lang, Liêm Trinh thì hay gặp tai nạn xe cộ, súc vật cắn, nuôi súc vật không có lợi, tù dày, bệnh lao tổn.

Nếu có sao Địa Không, Địa Kiếp, tọa thủ, và xung chiếu, là phúc đức kém, người bôn ba, đi xa, ra ngoài phải chật vật tranh đấu mới có, dễ có thương tích, tai nạn. Nếu có sao Linh Tinh, Hỏa Tinh, là người có sắc tướng nghiêm, quyết đoán, tính tình đôi khi có sự khắc nghiệt.

Nhưng nếu có sao Linh Tinh, Hỏa Tinh đứng giáp hai bên, tức là một sao ở Cung Mão, một sao ở Cung Sửu, là phúc đức kém, số vất vả, ly hương, dễ gặp cảnh mồ côi, hoặc cô độc, xa cách người thân, gia đạo ly tán, sức khỏe kém, dễ lao lực, lao tâm, nếu không thì cũng có tật nguyền, trong người có thương tích.

Cung Mão là Cung Âm Mộc, hợp mạng Mộc, mạng Thủy, mạng Hỏa. Khắc mạng Kim, mạng Thổ. Bất luận tuổi gì, mạng đóng ở cung này thì phải bôn ba, đi xa mới thành công.

Cung Mão thuộc quẻ Chấn, về ngũ hành là Mộc, có biểu tượng và ý nghĩa là sấm sét.

- Là người trưởng nam, người có tay nghề khéo, thông minh. Dù nam hay nữ có Cung Mệnh đóng tại cung này thường vất vả buổi ban đầu, nay đây mai đó, dễ ly hương, xuất ngoại, đa tình, đa cảm.
- Hợp các ngành nghề có sự lưu động, công tác xa.
- Nếu đau bệnh thường gặp ở gan, mắt, gân, tóc, mật.
- Hợp tháng giêng, tháng hai, mùa xuân, hướng chánh Đông.
- Về súc vật là các loài rắn, các loại thú biết bay, bò sát.
- Thức ăn có vị chua, các món ăn thuộc đậu, hạt, các loại nẩy mầm, hoặc củ.
- Về nhà cửa và nơi làm việc hợp các nơi đông đảo, phồn hoa, đô hội, chợ búa. Nơi có thời tiết nắng ấm.
- Về vật dụng là cái điện thoại, các loại đồ vật tạo ra âm thanh, cái lò bếp, ông táo.
- Về tinh thần là tình cảm nội bộ gia đình, người thân. Nên gặp Kình Dương, Đà La, Địa Không, Địa Kiếp, Linh Tinh, Hỏa Tinh là gia đạo ly tán, mồ côi, cô độc, có thương tích, bất hòa, hay cãi nhau, duyên nợ chắp nối, góá bụa, số gian truân. Đời hay gặp sự đảo lộn bất ngờ ngoài dự tính.
- Hợp màu xanh lá cây.

Cung Thìn là Cung Dương Thổ, là loại đất nóng, hợp mạng Thổ, mạng Hỏa mạng Kim. Khắc mạng Mộc, mạng Thủy, rất cần Kình Dương làm kinh tế giỏi, mưu lược.

Cung Ty là Cung Âm Hỏa, hợp mạng Mộc, mạng Hỏa, mạng Thổ, khắc mạng Thủy, mạng Kim. Cung Mệnh ở cung này đáng sợ nhất là có Địa Không, Địa Kiếp đồng cung hoặc giáp Địa Không, Địa Kiếp. Nhưng tuổi Thìn, Tuất, được cách này thì làm giàu nhanh chóng, bôn ba xứ người.

Cung Ty thuộc quẻ Tốn, về ngũ hành là Mộc, có biểu tượng và ý nghĩa là Gió, cái quạt.

- Về người là con gái trưởng, tu sĩ, sản khoa, nhi khoa, khoa tâm thần, tâm lý.
- Hợp ngành nghề tiếp thị, quảng cáo, uốn tóc, thẩm mỹ, thủ công, làm môi giới, cho vay, bảo hiểm, nhà báo, viết văn, phóng viên, hay lưu động, đi xa.
- Về tính tình, là người có tính ngang bướng, hay thay đổi, có niềm tin về thần thánh, tôn giáo, có tư tưởng thoát trần, thích hợp những sinh hoạt tâm linh, huyền bí. Hợp các người có dáng cao, nhanh nhẹn.
- Nếu đau bệnh thường xuất hiện ở tứ chi, thần kinh, những bệnh về tim và máu.
- Làm ăn gì thì hợp vào khoảng thời gian giữa xuân sang hè, hướng Đông Nam.
- Hợp các loại vật dụng có hình thù dài như tre, trúc, cây thông, vải vóc, gậy đánh golf, billard.
- Thức ăn có vị chua, các món ăn thuộc loài gia cầm, rau trái.
- Hợp màu xanh lục.
- Nhà cửa, nơi làm việc hợp gần ngã tư, vùng có nhiều đường đi xen kẽ, giao nhau như bàn cờ, hoặc nhà cao tầng có nhiều hành lang, có vườn hoa, gần chùa, nhà thờ, miếu thần, đài tưởng niệm, vườn bách thú.

Nếu có sao Địa Không, Địa Kiếp đồng cung, là phúc đức kém, người bôn ba, đi xa, ra ngoài phải chật vật tranh đấu mới có, dễ có thương tích, tai nạn. Nhưng lại tốt cho các tuổi Thìn, Tuất, Sửu, Mùi.

Nếu có sao Địa Không, Địa Kiếp đứng giáp hai bên, một sao ở Cung Ngọ, một sao ở Cung Thìn, là phúc đức kém, số rất vất vả, ly hương, sanh ra đời đã gặp nhiều bất hạnh, đau yếu, mồ côi, cô độc, gia đạo ly tán, nếu không thì cũng có tật nguyền, có thương tích.

Nếu có sao Linh Tinh, Hỏa Tinh, tính tình đôi khi có sự khắc nghiệt. Hợp các nghề công nghệ tinh xảo, y học, bán quán.

Cung Ngọ là Cung Dương Hỏa, là loại lửa nóng, hợp mạng Hỏa, mạng Thổ. Khắc mạng Kim, mạng Thủy. Người mạng Mộc, tuy hợp nhưng đời hay gặp lầm chuyện trái ngang.

Người mạng Thổ phát tài nhanh nhưng l้า tai nạn.

Cung Ngọ thuộc quẻ Ly, về ngũ hành là Hỏa, có biểu tượng và ý nghĩa là Lửa, điện, cầu vòng.

- Về người là con gái thứ, mắt có tướng lạ. Gặp sao Thái Dương giáp Linh Tinh, Hỏa Tinh, hay có bệnh về mắt, khoa nhän.
- Tánh tình nhạy cảm, thông minh, khiêm tốn. Vóc dáng sáng sủa.
- Nếu đau bệnh thường gặp ở mắt, bệnh tim mạch.
- Làm ăn gì thì hợp vào khoảng tháng 5, mùa hạ. Hợp hướng Nam.
- Nghề nghiệp thích hợp là văn học, nghệ thuật. Nếu có thêm Linh Tinh, Hỏa Tinh là nghề có liên quan đến hàng không, hàng hải.
- Thức ăn có vị đắng, các món ăn thuộc loài gia cầm, bò sát, các loại ở dưới nước như rùa, cua.
- Về nhà cửa, nơi làm việc hợp các nơi sáng sủa, nhiều cửa sổ. Đáng nhà cửa phía trên có hình nhọn, chớp nón, vùng đất của Long Thần, tức là vùng có thờ thần, hoặc mang tên đường người nữ linh thiêng. Ví dụ: nhà ở đường Hai Bà Trưng, Bùi Thị Xuân. Vùng thờ bà Chúa núi Sam, Bà Đen....
- Hợp màu đỏ, hồng.

Nếu có sao Linh Tinh, Hỏa Tinh, là phúc đức kém, giảm thọ, có người yếu tử, tật nguyền, đời dẽ gặp rủi ro.

Nhưng nếu có sao Linh Tinh, Hỏa Tinh đứng giáp hai bên, tức là một sao ở Cung Mùi, một sao ở Cung Tỵ, là số vất vả, ly hương, dễ gặp cảnh mồ côi, hoặc cô độc, xa cách người thân, gia đạo ly tán, sức khỏe kém, dễ lao lực, lao tâm, nếu không thì cũng có tật nguyền, trong người có thương tích.

Cung Mùi là Cung Âm Thổ, thuộc loại đất lạnh. Hợp mạng Hỏa, mạng Thổ, mạng Kim. Khắc mạng Mộc, mạng Thủy. Bất luận là tuổi gì đều phải có sao Mộc thì mới hay, bền vững.

Cung Thân là cung Dương Kim, thuộc loại Kim cứng, hạp mạng Kim, mạng Thủy, mạng Thổ. Khắc mạng Mộc, mạng Hỏa.

Cung Thân thuộc quẻ Khôn, về ngũ hành là Thổ, có biểu tượng và ý nghĩa là đất, sương, thôn dã.

- Về người là mẹ, người nữ lớn tuổi, người quản gia, người làm khoa sản, chăm sóc trẻ em, chủ nông trại, tánh tình hiền lành, nhu thuận, hay giúp đỡ người khác.
- Nếu đau bệnh thường gặp ở bộ phận tiêu hóa.
- Làm ăn gì thì hợp tháng 7, hướng Tây Nam, cuối hè sang thu, thời tiết ẩm, mát.
- Về súc vật là trâu, bò, gia súc.
- Về vật dụng, tinh vật là vải, ngũ cốc, các loại làm bằng đất, cái gối.
- Hợp màu sắc vàng, nâu, màu đất.
- Về mùi vị và thức ăn là đồ ngọt, các loại lòng gia súc, gia cầm, các loại củ.
- Về ngũ quan là cái miệng.
- Về nhà cửa và nơi làm việc hợp vùng thôn dã, hoặc nhà có vườn, có cây bao quanh, trang trại, dáng nhà hình vuông và thấp.

Nếu có sao Địa Không, Địa Kiếp, tọa thủ, và xung chiếu, là phúc đức kém, người bôn ba, đi xa, ra ngoài phải chật vật tranh đấu mới có, dễ có thương tích, tai nạn.

Nhưng nếu có sao Linh Tinh, Hỏa Tinh đứng giáp hai bên, tức là một sao ở Cung Dậu, một sao ở Cung Mùi, là phúc đức kém, số vất vả, ly hương, dễ gặp cảnh mồ côi, hoặc cô độc, xa cách người thân, gia đạo ly tán, sức khỏe kém, dễ lao lực, lao tâm, nếu không thì cũng có tật nguyền, trong người có thương tích.

Cung Dậu là cung Âm Kim, thuộc loại Kim lỏng, hạp mạng Kim, mạng Thủy, mạng Thổ, khắc mạng Mộc, mạng Hỏa. Người tuổi Dậu nếu có sao Thiên Hình thì dễ bị tù, hoặc thời thế không thuận lợi cho mình.

Cung Dậu thuộc quẻ Đoài, về ngũ hành là Kim, có biểu tượng và ý nghĩa là mưa, trăng, sao, ao, đầm, bơi lội.

- Về người là con gái út, người nữ nhở tuổi, vợ nhở, người làm môi giới, người làm nghệ thuật, có tài năng, khéo tay, nghề tinh xảo, tánh tình vui vẻ, hòa thuận, hòa nhã, khéo ăn nói.
- Nếu đau bệnh thường gặp ở hệ hô hấp, tai, mũi, họng.
- Làm ăn gì thì hợp tháng 8, hướng chánh Tây, mùa thu, thời tiết mát.
- Về súc vật là con dê, con nai.
- Về vật dụng, tinh vật là con dao, các loại bình chứa nước như chén ăn cơm, tô canh, bình bát của khất sĩ.
- Hợp màu sắc trắng.
- Về mùi vị và thức ăn là đồ cay, các loại thức ăn có nước như cá lẩu, phở, hủ tíu.
- Về ngũ quan là cuống họng, đàm, hệ hô hấp.
- Về nhà cửa và nơi làm việc hợp ở những nơi có ao hồ, đầm lầy, thung lũng, giếng, rạch, sông, hòn non bộ, gần hồ bơi, rừng thiên nhiên, khu du lịch, thánh địa, giáo xứ.

Cung Tuất là Cung Dương Thổ, thuộc loại đất nóng. Hợp mạng Hỏa, mạng Thổ, mạng Kim; Khắc mạng Thủy, mạng Mộc.

Cung Hợi là Cung Âm Thủy, thuộc loại nước lạnh, nên nếu có Linh Tinh, Hỏa Tinh, thì làm nghề cơ điện lạnh, tạo gen di truyền, vi sinh vật, men, nấm, ủ, rất nổi tiếng. Hợp mạng Thủy, mạng Kim, mạng Mộc. Khắc mạng Hỏa, mạng Thổ.

Cung Hợi thuộc quẻ Càn, về ngũ hành là Kim, có biểu tượng và ý nghĩa là Trời, bầu trời, băng đá.

- Về người là cha, người đàn ông lớn tuổi, ông già, người lãnh đạo, người làm quan, trí thức, trung trực, chuộng sự thông thái, tánh tình quả quyết nhưng độ lượng bao dung, hay làm phước.
- Nếu đau bệnh thường gặp ở hệ thần kinh, đầu, hệ hô hấp, mắt, xương, da, lông.
- Làm ăn gì thì hợp tháng 9 và tháng 10, hướng Tây Bắc, mùa đông.

- Về súc vật là voi, sư tử, ngựa, đua ngựa, nuôi ngựa, các loài chim.
- Về vật dụng, tinh vật là vàng ngọc, châu báu, cửa cải quý giá, các loại có hình tròn, hình cầu sáng bóng, hình bán nguyệt, vòng cung, cái gương soi hình tròn, vợt cầu lông, tennis, cây vợt, bóng bầu dục, bóng đá, bóng bàn, bóng rổ.
- Hợp màu sắc trắng.
- Về mùi vị và thức ăn là đồ cay, bánh canh, mì ống, các loại thịt, trái cây.
- Về nhà cửa và nơi làm việc hợp ở vùng thủ đô, trung tâm thương mại, biệt thự, lầu cao, gần các dinh có chức quyền.

Nếu có sao Địa Không, Địa Kiếp đồng cung là phúc đức kém, người bôn ba, đi xa, ra ngoài phải chật vật tranh đấu mới có, dễ có thương tích, tai nạn.

Nếu có sao Địa Không, Địa Kiếp đứng giáp hai bên, một sao ở Cung Tuất, một sao ở Cung Tý là phúc đức kém, số vất vả, ly hương, ít khi nào được yên thân, mồ côi, cô độc, xa cách người thân, nếu không như vậy cũng là người không có sức khỏe tốt, tiền bạc hay bị tiêu hao, nghề nghiệp không ổn định, hay thay đổi, ít ngồi yên tại chỗ, phải xoay trở, duyên nợ lận đận, hay gặp chuyện phiền lòng.

Phân Tổng Luận Cho Mệnh



Có thể nói, Cung Mệnh là cung quan trọng nhất của sinh mạng, vận số, nó như là gốc rễ to lớn, bền chặt của cây cối; cho nên bao giờ Cung Bổn Mạng cũng phải mạnh và vững, tức là tối thiểu trong Cung Mệnh phải có sao tốt hợp với Ngũ Hành mạng của mình.

Ví dụ: Mạng Mộc, tối thiểu phải có sao Mộc tốt, Cung tọa thủ có Hành tương sinh với Hành của mạng, cung tọa thủ cũng phải là cung có Ngũ Hành tương sinh với mình và

nhất là phải tránh xa các sao hung là Thiên Hinh, Thiên Riêu, Địa Không, Địa Kiếp, Kinh Dương, Đà La, Linh Tinh, Hỏa Tinh, Hóa Kỵ, TUẤN, TRIỆT hội tụ. Các sao xấu này càng hội tụ nhiều thì đời càng vất vả, gian nan, chí không thành, danh không toại. Tất nhiên, Cung Mệnh còn cần phải có Cung an Thân, Cung Phúc Đức tốt, hợp cách Cục, thì mới toàn mĩ.

Ta có thể ví dụ Cung Mệnh tốt mà Cung Điền xấu thì cũng là người tài giỏi, tuy gian nan nhưng vẫn có sự nghiệp. Còn Cung Mệnh xấu mà Cung Điền tốt, thì chỉ là người phụ việc cho các nhà giàu mà thôi.

Trường hợp Cung Mệnh vô chính diệu là người khôn ngoan sắc sảo, gia đạo thường có hai giòng, hoặc mồ côi, lúc còn trẻ thì vất vả, khó làm điều gì một lần mà xong ngay, xa nhà sớm, dễ gặp đau ốm, hoặc bệnh tật. Ngoài sự luận giải này ta phải lấy các chính tinh ở cung xung chiếu để luận giải thêm mới chính xác được.

Cung Mệnh vô chính diệu rất cần sao TUẤN, TRIỆT án ngữ, hoặc có Thiên Không, Địa Không hội họp.

Cung Mệnh vô chính diệu mà có Đà La một mình tọa thủ, gọi là cách Đà La độc thủ, là cách của người làm nên nghiệp bá, đôi lúc hoạnh tài, khá giả gặp vận may. Nhưng nếu bị sao TUẤN hoặc TRIỆT đóng án ngữ, thì không còn tốt đẹp được nữa, trong cái may có cái rủi.

Cách Cung Mệnh vô chính diệu, và sự tương quan giữa Cung Mệnh và Cung an Thân sẽ được diễn giải ở phần Cung an Thân.

Cung Tý thuộc Hành Dương Thủy, là loại nước nóng, hướng chính Bắc, nên hợp với tuổi thuộc mạng Mộc, Thủy, Kim, khắc mạng Hỏa, mạng Thổ.

Cung Tý thuộc quẻ Khảm, về ngũ hành là Thủy, có biểu tượng và ý nghĩa là nước, chất lỏng, mưa, mặt trăng.

- Về người là con trai thứ, hoặc con trai giữa, tính người thì khôn ngoan, thâm trầm, sắc bén, trí sâu, tính dấu diếm, bí mật, chổ hiểm hóc.
- Nếu đau bệnh thường ở vùng lỗ tai, máu huyết, thận, bong bóng, bàn tay.
- Làm ăn hợp tháng 11, mùa đông, phương Bắc.
- Hợp thức ăn loại hải sản, là con heo, con cá, trái cây có nước như trái dừa, rượu, quán

cà phê.

- Hợp màu sắc đen.
- Về nhà cửa và nơi làm việc hợp nhà sàn ở gần sông, biển, rạch, nơi có nước, vị mặn, vùng có khí lạnh, hoặc vùng thờ nhân thần, tức là thờ những người khai quốc công thần.

Nếu có sao Linh Tinh, Hỏa Tinh, là người có sắc tướng nghiêm, quyết đoán, tánh tình đôi khi có sự khắc nghiệt, cô độc, có thương tật.

Nhưng nếu có sao Linh Tinh, Hỏa Tinh đứng giáp hai bên, tức là một sao ở Cung Hợi, một sao ở Cung Sửu, là số vất vả, ly hương, dễ gặp cảnh mồ côi, hoặc cô độc, xa cách người thân, gia đạo ly tán, sức khỏe kém, dễ lao lực, lao tâm, nếu không thì cũng có tật guyên, trong người có thương tích.

Có sao Đào Hoa thì công danh sớm.

Có sao Thiên Hình, Thiên Riêu, Địa Không, Địa Kiếp, thì tha phuơng lận đận mới thành công.

Cung Thủ thuộc Âm Thổ, hạp mạng Hỏa, Thổ, mạng Kim. Khắc mạng Mộc, mạng Thủy. Nhưng bất luận tuổi nào, cần phải có sao Mộc thì mới tốt.

Nếu có sao Địa Không, Địa Kiếp tọa thủ và hợp chiếu, là số vất vả, khó giữ được tiền của, công danh lận đận, trong người có thương tích, ít nhất là có bệnh nhẹ như đau mắt, cận thị, viễn thị, có tài nghệ đặc biệt, hoặc có nghề tay trái khéo léo.

Cung Dần là Cung Dương Mộc, hạp mạng Mộc, mạng Hỏa, khắc mạng Thổ, mạng Thủy, mạng Kim, nếu có thành công thì cũng lắm gian nan. Người tuổi Đinh, tuổi Tân phát tài về ngành cơ khí, vận chuyển, công kỹ nghệ.

Cung Dần thuộc quẻ Cấn, về ngũ hành là Thổ, có biểu tượng và ý nghĩa là mây mù, hạp vùng đồi núi, nơi có đá.

- Về người tượng trưng cho con trai út, người giúp việc, bảo vệ, gác cổng, quản gia.
- Làm ăn hợp tháng Giêng, mùa xuân, hướng Đông Bắc, vùng có khí hậu ấm.
- Nếu có bệnh thường ở ngón tay, lỗ mũi, cái lưng, xương cốt, đau bao tử.

- Hợp màu sắc vàng, nâu.
- Hợp các loại thức ăn có vị ngọt, các loại lúa, đậu.
- Về nhà cửa và nơi làm việc hợp ở những nơi như chỗ cung tận, ngõ tắt.
- Về súc vật là các loại như chó, cọp, chuột, beo.

Nếu có sao Bạch Hổ, Tham Lang, Liêm Trinh thì hay gặp tai nạn xe cộ, súc vật cắn, nuôi súc vật không có lợi, tù đày, bệnh lao tổn.

Nếu có sao Địa Không, Địa Kiếp, tọa thủ, và xung chiếu, là người bôn ba, đi xa, ra ngoài phải chật vật tranh đấu mới có, dễ có thương tích, tai nạn. Nếu có sao Linh Tinh, Hỏa Tinh, là người có sắc tướng nghiêm, quyết đoán, tánh tình đôi khi có sự khắc nghiệt.

Nhưng nếu có sao Linh Tinh, Hỏa Tinh đứng giáp hai bên, tức là một sao ở Cung Mão, một sao ở Cung Sửu, là số vất vả, ly hương, dễ gặp cảnh mồ côi, hoặc cô độc, xa cách người thân, gia đạo ly tán, sức khỏe kém, dễ lao lực, lao tâm, nếu không thì cũng có tật nguyền, trong người có thương tích.

Cung Mão là Cung Âm Mộc, hạp mạng Mộc, mạng Thủy, mạng Hỏa. Khắc mạng Kim, mạng Thổ. Bất luận tuổi gì, mạng đóng ở cung này thì phải bôn ba, đi xa mới thành công.

Cung Mão thuộc quẻ Chấn, về ngũ hành là Mộc, có biểu tượng và ý nghĩa là sấm sét.

- Là người trưởng nam, người có tay nghề khéo, thông minh. Dù nam hay nữ có Cung Mệnh đóng tại cung này thường vất vả buổi ban đầu, nay đây mai đó, dễ ly hương, xuất ngoại, đa tình, đa cảm.
- Hợp các ngành nghề có sự lưu động, công tác xa.
- Nếu đau bệnh thường gặp ở gan, mắt, gân, tóc, mật.
- Hợp tháng giêng, tháng hai, mùa xuân, hướng chính Đông.
- Về súc vật là các loài rắn, các loại thú biết bay, bò sát.
- Thức ăn có vị chua, các món ăn thuộc đậu, hạt, các loại nẩy mầm, hoặc củ.

- Về nhà cửa và nơi làm việc hợp các nơi đông đảo, phồn hoa, đô hội, chợ búa. Nơi có thời tiết nắng ấm.
- Về vật dụng là cái điện thoại, các loại đồ vật tạo ra âm thanh, cái lò bếp, ông táo.
- Về tinh thần là tình cảm nội bộ gia đình, người thân. Nên gặp Kình Dương, Đà La, Địa Không, Địa Kiếp, Linh Tinh, Hỏa Tinh là gia đạo ly tán, mồ côi, cô độc, có thương tích, bất hòa, hay cãi nhau, duyên nợ chắp nối, góa bụa, số gian truân. Đời hay gặp sự đảo lộn bất ngờ ngoài dự tính.
- Hợp màu xanh lá cây.

Cung Thìn là Cung Dương Thổ, là loại đất nóng, hạp mạng Thổ, mạng Hỏa mạng Kim. Khắc mạng Mộc, mạng Thủy, rất cần Kình Dương làm kinh tế giỏi, mưu lược.

Nếu có sao Địa Không, Địa Kiếp tọa thủ và hợp chiếu, là số vất vả, khó giữ được tiền của, công danh lận đận, trong người có thương tích, ít nhất là có bệnh nhẹ như đau mắt, cận thị, viễn thị, có tài nghệ đặc biệt, hoặc có nghề tay trái khéo léo.

Cung Ty là Cung Âm Hỏa, hạp mạng Mộc, mạng Hỏa, mạng Thổ, khắc mạng Thủy, mạng Kim. Cung Mệnh ở cung này đáng sợ nhất là có Địa Không, Địa Kiếp đồng cung hoặc giáp Địa Không, Địa Kiếp. Nhưng tuổi Thìn, Tuất, được cách này thì làm giàu nhanh chóng, bôn ba xứ người.

Cung Ty thuộc quẻ Tốn, về ngũ hành là Mộc, có biểu tượng và ý nghĩa là Gió, cái quạt.

- Về người là con gái trưởng, tu sĩ, sản khoa, nhi khoa, khoa tâm thần, tâm lý.
- Hợp ngành nghề tiếp thị, quảng cáo, uốn tóc, thẩm mỹ, thủ công, làm mô hình, cho vay, bảo hiểm, nhà báo, viết văn, phóng viên, hay lưu động, đi xa.
- Về tính tình, là người có tính ngang bướng, hay thay đổi, có niềm tin về thần thánh, tôn giáo, có tư tưởng thoát trần, thích hợp những sinh hoạt tâm linh, huyền bí. Hợp các người có dáng cao, nhanh nhẹn.
- Nếu đau bệnh thường xuất hiện ở tứ chi, thần kinh, những bệnh về tim và máu.
- Làm ăn gì thì hợp vào khoảng thời gian giữa xuân sang hè, hướng Đông Nam.

- Hợp các loại vật dụng có hình thù dài như tre, trúc, cây thông, vải vóc, gậy đánh golf, billard.
- Thức ăn có vị chua, các món ăn thuộc loài gia cầm, rau trái.
- Hợp màu xanh lục.

- Nhà cửa, nơi làm việc hợp gần ngã tư, vùng có nhiều đường đi xen kẽ, giao nhau như bàn cờ, hoặc nhà cao tầng có nhiều hành lang, có vườn hoa, gần chùa, nhà thờ, miếu thần, đài tưởng niệm, vườn bách thú.

Nếu có sao Địa Không, Địa Kiếp đồng cung, là người bôn ba, đi xa, ra ngoài phải chật vật tranh đấu mới có, dễ có thương tích, tai nạn. Nhưng lại tốt cho các tuổi Thìn, Tuất, Sửu, Mùi.

Nếu có sao Địa Không, Địa Kiếp đứng giáp hai bên, một sao ở Cung Ngọ, một sao ở Cung Thìn, là số rất vất vả, ly hương, sanh ra đời đã gặp nhiều bất hạnh, đau yếu, mồ côi, cô độc, gia đạo ly tán, nếu không thì cũng có tật nguyền, có thương tích.

Nếu có sao Linh Tinh, Hỏa Tinh, tánh tình đôi khi có sự khắc nghiệt. Hợp các nghề công nghệ tinh xảo, y học, bán quán.

Cung Ngọ là Cung Dương Hỏa, là loại lửa nóng, hạp mạng Hỏa, mạng Thổ. Khắc mạng Kim, mạng Thủy. Người mạng Mộc, tuy hạp nhưng đời hay gặp lầm chuyện trái ngang. Người mạng Thổ phát tài nhanh nhưng lầm tai nạn.

Cung Ngọ thuộc quẻ Ly, về ngũ hành là Hỏa, có biểu tượng và ý nghĩa là Lửa, điện, cầu vòng.

- Về người là con gái thứ, mắt có tướng lạ. Gặp sao Thái Dương giáp Linh Tinh, Hỏa Tinh, hay có bệnh về mắt, khoa nhän.
- Tánh tình nhạy cảm, thông minh, khiêm tốn. Vóc dáng sáng sủa.
- Nếu đau bệnh thường gặp ở mắt, bệnh tim mạch.
- Làm ăn gì thì hạp vào khoảng tháng 5, mùa hạ. Hợp hướng Nam.
- Nghề nghiệp thích hợp là văn học, nghệ thuật. Nếu có thêm Linh Tinh, Hỏa Tinh là nghề có liên quan đến hàng không, hàng hải.

- ❑ Thức ăn có vị đắng, các món ăn thuộc loài gia cầm, bò sát, các loại ở dưới nước như rùa, cua.
- ❑ Về nhà cửa, nơi làm việc hợp các nơi sáng sửa, nhiều cửa sổ. Đáng nhà cửa phía trên có hình nhọn, chóp nón, vùng đất của Long Thần, tức là vùng có thờ thần, hoặc mang tên đường người nữ linh thiêng. Ví dụ: nhà ở đường Hai Bà Trưng, Bùi Thị Xuân. Vùng thờ bà Chúa núi Sam, Bà Đen....
- ❑ Hợp màu đỏ, hồng.

Nếu có sao Linh Tinh, Hỏa Tinh đứng giáp hai bên, tức là một sao ở Cung Mùi, một sao ở Cung Ty, là số vất vả, ly hương, dễ gặp cảnh mồ côi, hoặc cô độc, xa cách người thân, gia đạo ly tán, sức khỏe kém, dễ lao lực, lao tâm, nếu không thì cũng có tật nguyền, trong người có thương tích.

Cung Mùi là Cung Âm Thổ, thuộc loại đất lạnh. Hợp mạng Hỏa, mạng Thổ, mạng Kim. Khắc mạng Mộc, mạng Thủy. Bất luận là tuổi gì đều phải có sao Mộc thì mới hay, bền vững.

Nếu có sao Địa Không, Địa Kiếp tọa thủ và hợp chiếu, là số vất vả, khó giữ được tiền của, công danh lận đận, trong người có thương tích, ít nhất là có bệnh nhẹ như đau mắt, cận thị, viễn thị, có tài nghệ đặc biệt, hoặc có nghề tay trái khéo léo.

Cung Thân là cung Dương Kim, thuộc loại Kim cứng, hợp mạng Kim, mạng Thủy, mạng Thổ. Khắc mạng Mộc, mạng Hỏa.

Cung Thân thuộc quẻ Khôn, về ngũ hành là Thổ, có biểu tượng và ý nghĩa là đất, sương, thôn dã.

- ❑ Về người là mẹ, người nữ lớn tuổi, người quản gia, người làm khoa sản, chăm sóc trẻ em, chủ nông trại, tính tình hiền lành, nhu thuận, hay giúp đỡ người khác.
- ❑ Nếu đau bệnh thường gặp ở bộ phận tiêu hóa.
- ❑ Làm ăn gì thì hợp tháng 7, hướng Tây Nam, cuối hè sang thu, thời tiết ấm, mát.
- ❑ Về súc vật là trâu, bò, gia súc.
- ❑ Về vật dụng, tinh vật là vải, ngũ cốc, các loại làm bằng đất, cái gối.

- Hợp màu sắc vàng, nâu, màu đất.
- Về mùi vị và thức ăn là đồ ngọt, các loại lòng gia súc, gia cầm, các loại củ.
- Về ngũ quan là cái miệng.
- Về nhà cửa và nơi làm việc hợp vùng thôn dã, hoặc nhà có vườn, có cây bao quanh, trang trại, dáng nhà hình vuông và thấp.

Nếu có sao Địa Không, Địa Kiếp, tọa thủ, và xung chiếu, là người bôn ba, đi xa, ra ngoài phải chật vật tranh đấu mới có, dễ có thương tích, tai nạn.

Nếu có sao Linh Tinh, Hỏa Tinh, là người có sắc tướng nghiêm, quyết đoán, tánh tình đôi khi có sự khắc nghiệt.

Nhưng nếu có sao Linh Tinh, Hỏa Tinh đứng giáp hai bên, tức là một sao ở Cung Dậu, một sao ở Cung Mùi, là số vất vả, ly hương, dễ gặp cảnh mồ côi, hoặc cô độc, xa cách người thân, gia đạo ly tán, sức khỏe kém, dễ lao lực, lao tâm, nếu không thì cũng có tật guyên, trong người có thương tích.

Cung Dậu là cung Âm Kim, thuộc loại Kim lỏng, hạp mạng Kim, mạng Thủy, mạng Thổ, khắc mạng Mộc, mạng Hỏa. Người tuổi Dậu nếu có sao Thiên Hình thì dễ bị tù, hoặc thời thế không thuận lợi cho mình.

Cung Dậu thuộc quẻ Đoài, về ngũ hành là Kim, có biểu tượng và ý nghĩa là mưa, trăng, sao, ao, đầm, bơi lội.

- Về người là con gái út, người nữ nhỏ tuổi, vợ nhở, người làm mô giới, người làm nghệ thuật, có tài năng, khéo tay, nghệ tinh xảo, tánh tình vui vẻ, hòa thuận, hòa nhã, khéo ăn nói.
- Nếu đau bệnh thường gặp ở hệ hô hấp, tai, mũi, họng.
- Làm ăn gì thì hợp tháng 8, hướng chánh Tây, mùa thu, thời tiết mát.
- Về súc vật là con dê, con nai.
- Về vật dụng, tĩnh vật là con dao, các loại bình chứa nước như chén ăn cơm, tô canh, bình bát của khất sĩ.

- Hợp màu sắc trắng.
- Về mùi vị và thức ăn là đồ cay, các loại thức ăn có nước như cá lẩu, phở, hủ tíu.
- Về ngũ quan là cuống họng, đàm, hệ hô hấp.
- Về nhà cửa và nơi làm việc hợp ở những nơi có ao hồ, đầm lầy, thung lũng, giếng, rạch, sông, hòn non bộ, gần hồ bơi, rừng thiên nhiên, khu du lịch, thánh địa, giáo xứ.

Cung Tuất là Cung Dương Thổ, thuộc loại đất nóng. Hợp mạng Hỏa, mạng Thổ, mạng Kim; Khắc mạng Thủy, mạng Mộc.

Nếu có sao Địa Không, Địa Kiếp tọa thủ và hợp chiếu, là số vất vả, khó giữ được tiền của, công danh lận đận, trong người có thương tích, ít nhất là có bệnh nhẹ như đau mắt, cận thị, viễn thị, có tài nghệ đặc biệt, hoặc có nghề tay trái khéo léo.

Cung Hợi là Cung Âm Thủy, thuộc loại nước lạnh, nên nếu có Linh Tinh, Hỏa Tinh, thì làm nghề cơ điện lạnh, tạo gen di truyền, vi sinh vật, men, nấm, ủ, rất nổi tiếng. Hợp mạng Thủy, mạng Kim, mạng Mộc. Khắc mạng Hỏa, mạng Thổ.

Cung Hợi thuộc quẻ Càn, về ngũ hành là Kim, có biểu tượng và ý nghĩa là Trời, bầu trời, băng đá.

- Về người là cha, người đàn ông lớn tuổi, ông già, người lãnh đạo, người làm quan, trí thức, trung trực, chuộng sự thông thái, tánh tình quả quyết nhưng độ lượng bao dung, hay làm phước.
- Nếu đau bệnh thường gặp ở hệ thần kinh, đầu, hệ hô hấp, mắt, xương, da, lông.
- Làm ăn gì thì hợp tháng 9 và tháng 10, hướng Tây Bắc, mùa đông.
- Về súc vật là voi, sư tử, ngựa, đua ngựa, nuôi ngựa, các loài chim.
- Về vật dụng, tinh vật là vàng ngọc, châu báu, cửa cải quý giá, các loại có hình tròn, hình cầu sáng bóng, hình bán nguyệt, vòng cung, cái gương soi hình tròn, vợt cầu lông, tennis, cây vợt, bóng bầu dục, bóng đá, bóng bàn, bóng rổ.
- Hợp màu sắc trắng.

- ❖ Về mùi vị và thức ăn là đồ cay, bánh canh, mì ống, các loại thịt, trái cây.
- ❖ Về ngũ quan là lỗ mũi.
- ❖ Về nhà cửa và nơi làm việc hợp ở vùng thủ đô, trung tâm thương mại, biệt thự, lầu cao, gần các dinh có chức quyền.

Nếu có sao Địa Không, Địa Kiếp đồng cung là người bôn ba, đi xa, ra ngoài phải chật vật tranh đấu mới có, dễ có thương tích, tai nạn.

Nếu có sao Địa Không, Địa Kiếp đứng giáp hai bên, một sao ở Cung Tuất, một sao ở Cung Tý là số vất vả, ly hương, ít khi nào được yên thân, mồ côi, cô độc, xa cách người thân, nếu không như vậy cũng là người không có sức khỏe tốt, tiền bạc hay bị tiêu hao, nghề nghiệp không ổn định, hay thay đổi, ít ngồi yên tại chỗ, phải xoay trở, duyên nợ lận đận, hay gặp chuyện phiền lòng.

Tổng Luận Cho Cung An Thân

Cung an Thân là cung quan trọng thứ nhì sau Cung Bổn Mạng, dùng để đoán hậu vận, kết quả cuối cuộc đời như thế nào, tốt hay xấu. Cung an Thân đóng vào cung nào thì sự quan trọng của cung đó được gia tăng, cần phải luận giải kỹ càng.

Cung Bổn Mạng và Cung an Thân đều sáng sủa tốt đẹp: Cuộc đời êm ả, toại nguyện, tránh được nhiều tai nạn nguy hiểm, thường gặp vận may.

Cung Bổn Mạng sáng sủa tốt đẹp, Cung an Thân mờ ám, có nhiều sao xấu lại khắc hành của Bản Mệnh, hoặc có các Thất Sát Tinh, Bại Tinh khắc với các sao của Bổn Mạng: Thời tuổi trẻ tốt đẹp, may mắn. Nhưng càng lớn tuổi thì gặp nhiều gian nguy trắc trở, hậu vận xấu.

Cung Bổn Mạng mờ ám, có nhiều sao xấu, Cung an Thân có nhiều sao sáng sủa tốt đẹp: Thời tuổi trẻ lao đao khổ sở, đau ốm, tai nạn, mồ côi, long đong. Càng lớn tuổi vận hạn tốt đẹp êm ả.

Trường hợp Cung an Thân vô chính diệu cần lưu ý các điểm như sau:

Dùng các chính tinh ở cung xung chiếu để luận giải, coi như các chính tinh này đóng ở Cung an Thân.

Nhưng nếu Cung an Thân có các sao Bại Tinh, hoặc Thất Sát Tinh đồng hành với bản

mệnh, thì các sao này được gọi là sao tọa thủ để luận giải trước tiên, sau mới đến các chính tinh ở cung xung chiếu.

Nếu Cung an Thân có các sao chính tinh hợp chiếu, mà trong đó có sao đồng hành với bản mệnh, thì sao này dùng để luận giải trước tiên, sau mới đến các chính tinh ở cung xung chiếu.

Trường hợp Cung Bổn Mạng và Cung an Thân đều vô chính diệu: Đời khó việc gì làm nên, khó làm một lần mà xong, hay thay đổi công danh, chức vụ, nghề nghiệp, cái gì cũng biết nhưng không đắc dụng lâu dài, hay gặp trắc trở, hoạn nạn, bệnh tật, tàn tật, có ám tật, hay bị chèn ép, lo âu, phiền muộn. Trong trường hợp này Cung Mệnh phải có sao TRIỆT đóng án ngữ, Cung an Thân phải có sao TUÂN đóng án ngữ, thì cuộc đời mới gặp sự toại nguyện, hậu vận sung sướng tốt đẹp.

Trường hợp Cung Bổn Mạng có chính tinh tọa thủ, Cung an Thân vô chính diệu: Tác dụng giải đoán Cung Bổn Mạng bao giờ cũng ưu tiên hơn là Cung an Thân. Dù Cung an Thân có nhiều sao sáng sửa tốt đẹp, cũng không thể giàu có lớn được, vận hội xoay chuyển rất chậm, có tiếng mà không có miếng. Trường hợp này cần phải có sao TUÂN đóng án ngữ ở Cung an Thân mới tốt.

Trường hợp Mệnh, Thân đồng cung đều vô chính diệu, đóng tại bốn Cung Thìn, Tuất, Sửu, Mùi: Đời vất vả lao đao, khó làm nên, hay gặp tai ương, tai nạn. Trong trường hợp này cần phải có sao TUÂN hoặc sao TRIỆT đóng án ngữ mới tốt, giải trừ được tai nạn, hậu vận dư dả chút ít. Nếu không thì phải cần nhiều sao tốt đẹp như Tả Phù, Hữu Bật, Hóa Khoa, Hóa Quyền, Hóa Lộc, Văn Xương, Văn Khúc, Thiên Khôi, Thiên Việt, Kình Dương, Đà La, Linh Tinh, Hỏa Tinh đắc địa đồng hành với bản mệnh: Cũng có thời oanh liệt, thành công nhưng không bền.

Trường hợp Mệnh, Thân đồng cung đều vô chính diệu, đóng tại bốn Cung Tý, Ngọ, Mão, Dậu: Số gian khó, khó tụ tài, phải ly hương, bôn ba, không có việc gì bền vững, kể cả vấn đề tình cảm, góa bụa, cô độc, phải có tật nguyền mới sống lâu. Trường hợp này phải có sao TUÂN hoặc TRIỆT đóng án ngữ mới đỡ xấu.

Trường hợp Cung Bổn Mạng vô chính diệu, Cung an Thân có chính tinh tọa thủ, thuộc cách Thiên Cơ, Thái Âm, Thiên Đồng, Thiên Lương, Cự Môn, Thái Dương, Cung Phúc Đức bị Địa Không, Địa Kiếp xâm phạm, hoặc cả hai cung Mệnh, Thân đều có Địa Không hoặc Địa Kiếp tọa thủ: Tuổi trẻ lận đận, kém sức khỏe, mồ côi, hoặc con hai dòng, trong đời phải có lần gặp tai nạn, bệnh tật nặng, có tật, có tài, nhưng phải thay đổi nghề, sau khá giả bằng các nghề khéo léo, tinh vi trong kỹ thuật, mỹ thuật, y học.

Cung Bổn Mạng có sao TUÂN đóng án ngữ, Cung an Thân có sao TRIỆT đóng án ngữ: Phải thuộc cách Thiên Cơ, Thái Âm, Thiên Đồng, Thiên Lương mới tốt đẹp. Các cách khác tuy khá giả nhưng không bền, hay gặp tai ương, trở lực.

Cung Mệnh có Địa Không tọa thủ, Cung an Thân có Địa Kiếp tọa thủ, được gọi là cách Mệnh Địa Không, Thân Địa Kiếp: Có chí, khôn ngoan, thời trẻ tuổi công danh, chức vụ khó bền vững, ly hương, dễ gặp trắc trở hoặc đau yếu, lớn tuổi mới khả. Nếu Cung Mệnh vô chính diệu lại có Đại Hao, Tiểu Hao hội họp, càng lớn tuổi càng có sự nghiệp. Nhưng nếu Cung Bổn Mạng hoặc Cung an Thân có các sao Thiên Đồng, Thiên Lương, Phá Quân thì sự nghiệp không bền, hay gặp tai nạn, nợ nần, túng thiếu, gia đạo không yên, giảm thọ. Dù không có các sao này, nhưng khi lưu hạn vận đến gặp các sao này, cũng sanh tai biến, họa hại, sự nghiệp đỗ vỡ.

Cung Mệnh có Địa Kiếp tọa thủ, Cung an Thân có Địa Không tọa thủ, được gọi là cách Mệnh Địa Kiếp, Thân Địa Không: Làm gì cũng không bền, thành bại thất thường. Nếu Cung Bổn Mạng vô chính diệu lại gặp Thất Sát Tinh, Đào Hoa, Hồng Loan tọa thủ hoặc chiếu: Giảm thọ, người nữ rất lận đận về tình duyên, ly hương, vất vả, không nơi cư trú ổn định. Trong trường hợp này Cung Bổn Mạng hoặc Cung an Thân phải có các Sao Tử Vi, Thái Dương, Thái Âm hoàn toàn đắc địa, miếu địa, hoặc vượng địa tọa thủ, thì dù có gặp trắc ngại, lao đao, cuộc đời cũng được sung túc, no ấm, có quý nhân giúp đỡ tiền bạc, nơi ăn chốn ở, nhờ con, nhờ cháu, hoặc được chính phủ, các cơ quan từ thiện trợ cấp chu đáo.

Cung Bổn Mạng hoặc Cung an Thân có Thiên Hình tọa thủ gặp sao TUÂN hay TRIỆT đóng án ngữ: Số ly hương, cuộc đời phải có sự gãy đỗ một lần về công danh, sự nghiệp, tình cảm.

Thân cư Thiên Di gặp sao TUÂN hay TRIỆT đóng án ngữ: Số ly hương, nhưng khi lớn tuổi, quay về cố hương làm ăn chắc chắn sẽ thành công may mắn, trở lại chốn xưa. Nhưng nếu có thêm Địa Không, Địa Kiếp, Hao, Hóa Kỵ thì thất bại, muốn quay về cũng không được, lại thành công ở xứ người, chết tại xứ người.

Thân cư Phu Thủ: Công danh, tài lộc, nơi ăn chốn ở đều phụ thuộc vào Cung Phu Thủ tốt hay xấu để giải đoán hậu vận.

Thân cư Tài Hóa Lộc, Thân cư Quan Lộc, Thân cư Phúc Đức cũng vậy.

Phân Tổng Luận Cho Quan Lộc



Xem Cung Quan Lộc, ngoại trừ Cung Mệnh, Cung Phúc, cần phải hết sức lưu ý đến Cung Phu Thê tốt hay xấu, Cung Nô Bộc tốt hay xấu. Đây là ý nghĩa câu giàu vì bạn, sang vì vợ. Ngoài ra còn phải xem thêm Cung Tật Ách nữa.

Dù Cung Quan Lộc có chính tinh gì, chức vụ có lớn lao, có được người nể trọng, có tài, dẽ thăng quan tiến chức, bắt buộc phải có thêm các nhóm sao Thiên Khôi, Thiên Việt, Tả Phù, Hữu Bật, Văn Xương, Văn Khúc, Hóa Khoa, Hóa Quyền, Hóa Lộc, Tam Thai, Bát Tọa, Thai Phụ, Phong Cáo, Thiên Mã có ngũ hành đồng với hành của Mệnh, Tướng, Quốc Ân.

Cung Quan Lộc dù có các chính tinh tốt đẹp, nhưng nếu có thêm các bộ sao Kinh Dương, Đà La, Địa Không, Địa Kiếp, Linh Tinh, Hỏa Tinh, TUÂN, TRIỆT, Thiên Riêu, Hóa Kỵ, Phục Bình, Thiên Khốc, Thiên Hư, Đại Hao, Tiểu Hao, Lực Sĩ, thì sự tốt đẹp về chức vụ sẽ bị giảm, công danh lận đận, bị bãi chức do làm liều, hoặc không được người trên nâng đỡ.

Cần lưu ý các trường hợp như sau:

- Cung Quan Lộc vô chính diệu thì lấy các sao chính tinh ở Cung xung chiếu mà xem, nhưng đường công danh, hậu vận, sự nghiệp, chức vụ, về già mới tốt.
- Cung Quan Lộc giáp Liêm Trinh, Thất Sát, về già mới có công danh.
- Cung Quan Lộc giáp Tam Thai, Bát Tọa, thì ngay thời tuổi trẻ đã có công danh, học hành tốt, nhưng lại cũng giáp Liêm Trinh, Thất Sát, thì tuy tuổi trẻ thành danh, cũng phải bị gãy đổ, nửa đời sau mới yên ổn, hoặc đang học ngành nghề này phải chuyển qua ngành nghề khác mới tốt.

Cung Quan Lộc mà có các sao chính tinh miếu địa, vượng địa, đắc địa, nếu gặp TUÂN, TRIỆT thì sự thuận lợi về công danh bị giảm, hay gặp trờ ngại, vất vả. Ngoại trừ Sao Tử Vi dù bị TUÂN, TRIỆT, lúc nào cũng có cơ hội để vươn lên, sao Thiên Thủ bị TUÂN, TRIỆT, thì là người nhút nhát, ba phải, nhưng có chức vụ.

Sao Thiên Tướng mà bị TUÂN, TRIỆT, công danh sụp đổ rất nặng, hoặc có tai nạn, bệnh tật, làm gián đoạn. Sao Vũ Khúc, Tham Lang, ở Thìn, Tuất, Sửu, Mùi, phải cần có Linh Tinh, Hỏa Tinh, Kình Dương, Đà La, mới phát hết uy lực tốt đẹp của Cung Quan Lộc, nhưng nếu có thêm Địa Không, Địa Kiếp, thì thành bại thất thường, chỉ nên buôn bán, kinh doanh, làm thơ, mà giàu.

Sao Vũ Khúc, Tham Lang, ở Thìn, Tuất, Sửu, Mùi, rất cần sao Mộc tốt đẹp, nên dù Thiên Cơ, Thiên Lương, Tang Môn, Tướng Quân, ở bất cứ cung nào ngoài Cung Quan, bị Kình Dương, Đà La, Địa Không, Địa Kiếp, Linh Tinh, Hỏa Tinh, Hóa Kỵ, xâm phạm, công danh cũng không bền vững, hậu vận chỉ là tầm thường.

Cung Tý thuộc Hành Dương Thủy, là loại nước nóng, hướng chính Bắc, nên hợp với tuổi thuộc mạng Mộc, Thủy, Kim, khắc mạng Hỏa, mạng Thổ.

Cung Tý thuộc quẻ Khảm, về ngũ hành là Thủy, có biểu tượng và ý nghĩa là nước, chất lỏng, mưa, mặt trăng.

- Về người là con trai thứ, hoặc con trai giữa, tính người thì khôn ngoan, thâm trầm, sắc bén, trí sâu, tính dấu diếm, bí mật, chòi hiềm hóc.
- Nếu đau bệnh thường ở vùng lỗ tai, máu huyết, thận, bong bóng, bàn tay.
- Làm ăn hợp tháng 11, mùa đông, phương Bắc.
- Hợp thức ăn loại hải sản, là con heo, con cá, trái cây có nước như trái dừa, rượu, quán cà phê.
- Hợp màu sắc đen.
- Về nhà cửa và nơi làm việc hợp nhà sàn ở gần sông, biển, rạch, nơi có nước, vị mặn, vùng có khí lạnh, hoặc vùng thờ nhân thần, tức là thờ những người khai quốc công thần.

Nếu có sao Linh Tinh, Hỏa Tinh, Tham Lang, Vũ Khúc, Thiên Mã, có uy quyền, danh chức, nếu không làm nghề vận tải, cơ khí, cơ xưởng, máy móc, điện toán cũng phát tài.

Nhưng nếu có sao Linh Tinh, Hỏa Tinh đứng giáp hai bên, tức là một sao ở Cung Hợi, một sao ở Cung Sửu, là số công danh vất vả, ly hương, lên nhanh xuống nhanh, dễ bị bệnh thần kinh, gãy cảnh mô côi, hoặc cô độc, xa cách người thân, gia đạo ly tán, sức khỏe kém, dễ lao lực, lao tâm, nếu không thì cũng có tật nguyền, trong người có thương tích.

Có sao Đào Hoa thì công danh sớm.

Có sao Thiên Hình, Thiên Riêu, Địa Không, Địa Kiếp, thì tha phuơng lận đận mới thành công.

Cung Thủ thuộc Âm Thổ, hạp mạng Hỏa, Thổ, mạng Kim. Khắc mạng Mộc, mạng Thủy. Nhưng bất luận tuổi nào, cần phải có sao Mộc thì mới tốt.

Cung Dần là Cung Dương Mộc, hạp mạng Mộc, mạng Hỏa, khắc mạng Thổ, mạng Thủy, mạng Kim, nếu có thành công thì cũng lắm gian nan. Người tuổi Đinh, tuổi Tân phát tài về ngành cơ khí, vận chuyển, công kỹ nghệ.

Cung Dần thuộc quẻ Cấn, về ngũ hành là Thổ, có biểu tượng và ý nghĩa là mây mù, hạp vùng đồi núi, nơi có đá.

- Về người tượng trưng cho con trai út, người giúp việc, bảo vệ, gác cổng, quản gia.
- Làm ăn hợp tháng Giêng, mùa xuân, hướng Đông Bắc, vùng có khí hậu ấm.
- Nếu có bệnh thường ở ngón tay, lỗ mũi, cái lưng, xương cốt, đau bao tử.
- Hợp màu sắc vàng, nâu.
- Hợp các loại thức ăn có vị ngọt, các loại lúa, đậu.
- Về nhà cửa và nơi làm việc hợp ở những nơi như chõ cùng tận, ngõ tắt.
- Về súc vật là các loại như chó, cọp, chuột, beo.

Nếu có sao Bạch Hổ, Tham Lang, Liêm Trinh thì có danh chức, võ nghiệp, ngành kỹ thuật, y học, cơ giới, cơ khí, vận chuyển, công kỹ nghệ, hay gặp tai nạn xe cộ, công danh, tù đày, lao khổ, có thương tích.

Nếu có sao Địa Không, Địa Kiếp, tọa thủ, và xung chiếu, là người có công danh lén nhanh xuống nhanh, chỉ hạp với các sao Phá Quân, Vũ Khúc, Thiên Tướng, Thất Sát. Còn các sao khác thì có công danh là có tai ương họa hại, mất chức, bị đàm tiếu, khổ sở, hay thay đổi, bôn ba, đi xa, ra ngoài phải chật vật tranh đấu mới có, dễ có thương tích, tai nạn. Nếu có sao Linh Tinh, Hỏa Tinh, là người có sắc tướng nghiêm, quyết đoán, tánh tình đôi khi có sự khắc nghiệt, hạp các nghề công kỹ nghệ tinh xảo.

Nhưng nếu có sao Linh Tinh, Hỏa Tinh đứng giáp hai bên, tức là một sao ở Cung Mão, một sao ở Cung Sửu, là người có tài năng nhưng số vất vả, ly hương, dẽ gặp cảnh mồ côi, hoặc cô độc, xa cách người thân, gia đạo ly tán, sức khỏe kém, bệnh thần kinh, dẽ lao lực, lao tâm, nếu không thì cũng có tật nguyền, trong người có thương tích.

Cung Mão là Cung Âm Mộc, hạp mạng Mộc, mạng Thủy, mạng Hỏa. Khắc mạng Kim, mạng Thổ. Bất luận tuổi gì, mạng đóng ở cung này thì phải bôn ba, đi xa mới thành công.

Cung Mão thuộc quẻ Chấn, về ngũ hành là Mộc, có biểu tượng và ý nghĩa là sấm sét.

- Là người trưởng nam, người có tay nghề khéo, thông minh. Dù nam hay nữ có Cung Mệnh đóng tại cung này thường vất vả buổi ban đầu, nay đây mai đó, dẽ ly hương, xuất ngoại, đa tình, đa cảm.
- Hợp các ngành nghề có sự lưu động, công tác xa.
- Nếu đau bệnh thường gặp ở gan, mắt, gan, tóc, mật.
- Hợp tháng giêng, tháng hai, mùa xuân, hướng chánh Đông.
- Về súc vật là các loài rắn, các loại thú biết bay, bò sát.
- Thức ăn có vị chua, các món ăn thuộc đậu, hạt, các loại nấm mầm, hoặc củ.
- Về nhà cửa và nơi làm việc hợp các nơi đông đảo, phồn hoa, đô hội, chợ búa. Nơi có thời tiết nắng ấm.
- Về vật dụng là cái điện thoại, các loại đồ vật tạo ra âm thanh, cái lò bếp, ông táo.
- Về tinh thần là tình cảm nội bộ gia đình, người thân. Nên gặp Kình Dương, Đà La, Địa Không, Địa Kiếp, Linh Tinh, Hỏa Tinh là gia đạo ly tán, mồ côi, cô độc, có thương tích, bất hòa, hay cãi nhau, duyên nợ chắp nối, góa bụa, số gian truân. Đời hay gặp sự đảo lộn bất ngờ ngoài dự tính.
- Hợp màu xanh lá cây.

Cung Thìn là Cung Dương Thổ, là loại đất nóng, hạp mạng Thổ, mạng Hỏa mạng Kim. Khắc mạng Mộc, mạng Thủy, rất cần Kình Dương làm kinh tế giỏi, mưu lược.

Cung Ty là Cung Âm Hỏa, hạp mạng Mộc, mạng Hỏa, mạng Thổ, khắc mạng Thủy, mạng Kim. Cung Mệnh ở cung này đáng sợ nhất là có Địa Không, Địa Kiếp đồng cung hoặc giáp Địa Không, Địa Kiếp. Nhưng tuổi Thìn, Tuất, được cách này thì làm giàu nhanh chóng, bôn ba xứ người.

Cung Ty thuộc quẻ Tốn, về ngũ hành là Mộc, có biểu tượng và ý nghĩa là Gió, cái quạt.

- Về người là con gái trưởng, tu sĩ, sản khoa, nhi khoa, khoa tâm thần, tâm lý.
- Hợp ngành nghề tiếp thị, quảng cáo, uốn tóc, thẩm mỹ, thủ công, làm môi giới, cho vay, bảo hiểm, nhà báo, viết văn, phóng viên, hay lưu động, đi xa.
- Về tính tình, là người có tính ngang bướng, hay thay đổi, có niềm tin về thần thánh, tôn giáo, có tư tưởng thoát trần, thích hợp những sinh hoạt tâm linh, huyền bí. Hợp các người có dáng cao, nhanh nhẹn.
- Nếu đau bệnh thường xuất hiện ở tứ chi, thần kinh, những bệnh về tim và máu.
- Làm ăn gì thì hợp vào khoảng thời gian giữa xuân sang hè, hướng Đông Nam.
- Hợp các loại vật dụng có hình thù dài như tre, trúc, cây thông, vải vóc, gậy đánh golf, billard.
- Thức ăn có vị chua, các món ăn thuộc loài gia cầm, rau trái.
- Hợp màu xanh lục.
- Nhà cửa, nơi làm việc hợp gần ngã tư, vùng có nhiều đường đi xen kẽ, giao nhau như bàn cờ, hoặc nhà cao tầng có nhiều hành lang, có vườn hoa, gần chùa, nhà thờ, miếu thần, đài tưởng niệm, vườn bách thú.

Nếu có sao Địa Không, Địa Kiếp đồng cung, là người có công danh phải bôn ba, đi xa, ra ngoài phải chật vật tranh đấu mới có, lên nhanh xuống nhanh, dễ có thương tích, tai nạn. Nhưng lại tốt cho các tuổi Thìn, Tuất, Sửu, Mùi.

Nếu có sao Địa Không, Địa Kiếp đứng giáp hai bên, một sao ở Cung Ngọ, một sao ở Cung Thìn, là số có công danh rất vất vả, ly hương, hay thay đổi chức việc, ngành nghề, hay gặp rủi ro nghiệp, công danh cực nhọc, sanh ra đời đã gặp nhiều bất hạnh, đau yếu, mồ côi, cô độc, gia đạo ly tán, nếu không thì cũng có tật nguyền, có thương tích.

Nếu có sao Linh Tinh, Hỏa Tinh, tánh tình đôi khi có sự khắc nghiệt. Hợp các nghề công nghệ tinh xảo, y học, bán quán.

Cung Ngọ là Cung Dương Hỏa, là loại lửa nóng, hạp mạng Hỏa, mạng Thổ. Khắc mạng Kim, mạng Thủy. Người mạng Mộc, tuy hạp nhưng đồi hay gặp lầm chuyện trái ngang. Người mạng Thổ phát tài nhanh nhưng lầm tai nạn.

Cung Ngọ thuộc quẻ Ly, về ngũ hành là Hỏa, có biểu tượng và ý nghĩa là Lửa, điện, cầu vòng.

- Về người là con gái thứ, mắt có tướng lạ. Gặp sao Thái Dương giáp Linh Tinh, Hỏa Tinh, hay có bệnh về mắt, khoa nhän.
- Tánh tình nhạy cảm, thông minh, khiêm tốn. Vóc dáng sáng sủa.
- Nếu đau bệnh thường gặp ở mắt, bệnh tim mạch.
- Làm ăn gì thì hạp vào khoảng tháng 5, mùa hạ. Hợp hướng Nam.
- Nghề nghiệp thích hợp là văn học, nghệ thuật. Nếu có thêm Linh Tinh, Hỏa Tinh là nghề có liên quan đến hàng không, hàng hải.
- Thức ăn có vị đắng, các món ăn thuộc loài gia cầm, bò sát, các loại ở dưới nước như rùa, cua.
- Về nhà cửa, nơi làm việc hợp các nơi sáng sủa, nhiều cửa sổ. Đáng nhà cửa phía trên có hình nhọn, chóp nón, vùng đất của Long Thần, tức là vùng có thờ thần, hoặc mang tên đường người nữ linh thiêng. Ví dụ: nhà ở đường Hai Bà Trưng, Bùi Thị Xuân. Vùng thờ bà Chúa núi Sam, Bà Đen....
- Hợp màu đỏ, hồng.

Nếu có sao Linh Tinh, Hỏa Tinh, Tham Lang, Vũ Khúc, Thiên Mã, có uy quyền, danh chức, nếu không làm nghề vận tải, cơ khí, cơ xưởng, máy móc, điện toán cũng phát tài.

Nhưng nếu có sao Linh Tinh, Hỏa Tinh đứng giáp hai bên, tức là một sao ở Cung Mùi, một sao ở Cung Ty, là số công danh vất vả, ly hương, lên nhanh xuống nhanh, dễ bị bệnh thần kinh, gặp cảnh mồ côi, hoặc cô độc, xa cách người thân, gia đạo ly tán, sức khỏe kém, dễ lao lực, lao tâm, nếu không thì cũng có tật nguyền, trong người có thương tích.

Có sao Đào Hoa thì công danh sớm.

Có sao Thiên Hình, Thiên Riêu, Địa Không, Địa Kiếp, thì tha phuơng lận đận mới thành công.

Cung Mùi là Cung Âm Thổ, thuộc loại đất lạnh. Hợp mạng Hỏa, mạng Thổ, mạng Kim. Khắc mạng Mộc, mạng Thủy. Bất luận là tuổi gì đều phải có sao Mộc thì mới hay, bền vững.

Cung Thân là cung Dương Kim, thuộc loại Kim cứng, hợp mạng Kim, mạng Thủy, mạng Thổ. Khắc mạng Mộc, mạng Hỏa.

Cung Thân thuộc quẻ Khôn, về ngũ hành là Thổ, có biểu tượng và ý nghĩa là đất, sương, thôn dã.

- Về người là mẹ, người nữ lớn tuổi, người quản gia, người làm khoa sản, chăm sóc trẻ em, chủ nông trại, tính tình hiền lành, nhu thuận, hay giúp đỡ người khác.
- Nếu đau bệnh thường gặp ở bộ phận tiêu hóa.
- Làm ăn gì thì hợp tháng 7, hướng Tây Nam, cuối hè sang thu, thời tiết ẩm, mát.
- Về súc vật là trâu, bò, gia súc.
- Về vật dụng, tinh vật là vải, ngũ cốc, các loại làm bằng đất, cái gối.
- Hợp màu sắc vàng, nâu, màu đất.
- Về mùi vị và thức ăn là đồ ngọt, các loại lòng gia súc, gia cầm, các loại củ.
- Về ngũ quan là cái miệng.
- Về nhà cửa và nơi làm việc hợp vùng thôn dã, hoặc nhà có vườn, có cây bao quanh, trang trại, dáng nhà hình vuông và thấp.

Nếu có sao Bạch Hổ, Tham Lang, Liêm Trinh thì có danh chức, võ nghiệp, ngành kỹ thuật, y học, cơ giới, cơ khí, vận chuyển, công kỹ nghệ, hay gặp tai nạn xe cộ, công danh, tù đày, lao khổ, có thương tích.

Nếu có sao Địa Không, Địa Kiếp, tọa thủ, và xung chiếu, là người có công danh lén nhanh xuống nhanh, chỉ hạp với các sao Phá Quân, Vũ Khúc, Thiên Tướng, Thất Sát. Còn các sao khác thì có công danh là có tai ương họa hại, mất chức, bị đàm tiếu, khổ sở, hay thay đổi, bôn ba, đi xa, ra ngoài phải chật vật tranh đấu mới có, dễ có thương tích, tai nạn. Nếu có sao Linh Tinh, Hỏa Tinh, là người có sắc tướng nghiêm, quyết đoán, tánh tình đôi khi có sự khắc nghiệt, hạp các nghề công kỹ nghệ tinh xảo.

Nhưng nếu có sao Linh Tinh, Hỏa Tinh đứng giáp hai bên, tức là một sao ở Cung Mùi, một sao ở Cung Dậu, là người có tài năng nhưng số vất vả, ly hương, dễ gặp cảnh mồ côi, hoặc cô độc, xa cách người thân, gia đạo ly tán, sức khỏe kém, bệnh thần kinh, dễ lao lực, lao tâm, nếu không thì cũng có tật nguyền, trong người có thương tích.

Cung Dậu là cung Âm Kim, thuộc loại Kim lỏng, hạp mạng Kim, mạng Thủy, mạng Thổ, khắc mạng Mộc, mạng Hỏa. Người tuổi Dậu nếu có sao Thiên Hình thì dễ bị tù, hoặc thời thế không thuận lợi cho mình.

Cung Dậu thuộc quẻ Đoài, về ngũ hành là Kim, có biểu tượng và ý nghĩa là mưa, trăng, sao, ao, đầm, bơi lội.

- Về người là con gái út, người nữ nhỏ tuổi, vợ nhở, người làm môi giới, người làm nghệ thuật, có tài năng, khéo tay, nghề tinh xảo, tánh tình vui vẻ, hòa thuận, hòa nhã, khéo ăn nói.
- Nếu đau bệnh thường gặp ở hệ hô hấp, tai, mũi, họng.
- Làm ăn gì thì hợp tháng 8, hướng chính Tây, mùa thu, thời tiết mát.
- Về súc vật là con dê, con nai.
- Về vật dụng, tĩnh vật là con dao, các loại bình chứa nước như chén ăn cơm, tô canh, bình bát của khất sĩ.
- Hợp màu sắc trắng.
- Về mùi vị và thức ăn là đồ cay, các loại thức ăn có nước như cá lẩu, phở, hủ tíu.
- Về ngũ quan là cuống họng, đàm, hệ hô hấp.
- Về nhà cửa và nơi làm việc hợp ở những nơi có ao hồ, đầm lầy, thung lũng, giếng, rạch, sông, hòn non bộ, gần hồ bơi, rừng thiên nhiên, khu du lịch, thánh địa, giáo xứ.

Cung Tuất là Cung Dương Thổ, thuộc loại đất nóng. Hợp mạng Hỏa, mạng Thổ, mạng Kim; Khắc mạng Thủy, mạng Mộc.

Cung Hợi là Cung Âm Thủy, thuộc loại nước lạnh, nên nếu có Linh Tinh, Hỏa Tinh, thì làm nghề cơ điện lạnh, tạo gen di truyền, vi sinh vật, men, nấm, ủ, rất nổi tiếng. Hợp mạng Thủy, mạng Kim, mạng Mộc. Khắc mạng Hỏa, mạng Thổ.

Cung Hợi thuộc quẻ Càn, về ngũ hành là Kim, có biểu tượng và ý nghĩa là Trời, bầu trời, băng đá.

- Về người là cha, người đàn ông lớn tuổi, ông già, người lãnh đạo, người làm quan, trí thức, trung trực, chuộng sự thông thái, tánh tình quả quyết nhưng độ lượng bao dung, hay làm phước.
- Nếu đau bệnh thường gặp ở hệ thần kinh, đầu, hệ hô hấp, mắt, xương, da, lông.
- Làm ăn gì thì hợp tháng 9 và tháng 10, hướng Tây Bắc, mùa đông.
- Về súc vật là voi, sư tử, ngựa, đua ngựa, nuôi ngựa, các loài chim.
- Về vật dụng, tịnh vật là vàng ngọc, châu báu, cửa cải quý giá, các loại có hình tròn, hình cầu sáng bóng, hình bán nguyệt, vòng cung, cái gương soi hình tròn, vợt cầu lông, tennis, cây vợt, bóng bầu dục, bóng đá, bóng bàn, bóng rổ.
- Hợp màu sắc trắng.
- Về mùi vị và thức ăn là đồ cay, bánh canh, mì ống, các loại thịt, trái cây.
- Về ngũ quan là lỗ mũi.
- Về nhà cửa và nơi làm việc hợp ở vùng thủ đô, trung tâm thương mại, biệt thự, lầu cao, gần các dinh có chức quyền.

Nếu có sao Địa Không, Địa Kiếp đồng cung, là người có công danh phải bôn ba, đi xa, ra ngoài phải chật vật tranh đấu mới có, lên nhanh xuống nhanh, dễ có thương tích, tai nạn. Nhưng lại tốt cho các tuổi Thìn, Tuất, Sửu, Mùi.

Nếu có sao Địa Không, Địa Kiếp đứng giáp hai bên, một sao ở Cung Tý, một sao ở Cung Tuất, là số có công danh rất vất vả, ly hương, hay thay đổi chức việc, ngành nghề, hay gặp rủi ro nghề nghiệp, công danh cực nhọc, sanh ra đời đã gặp nhiều bất hạnh, đau

yếu, mồ côi, cô độc, gia đạo ly tán, nếu không thì cũng có tật nguyền, có thương tích.

Nếu có sao Linh Tinh, Hỏa Tinh, tánh tình đôi khi có sự khắc nghiệt. Hợp các nghề công nghệ tinh xảo, y học, bán quán.

Phần Tổng Luận Cho Tài Bạch



Cung Phúc Đức luôn luôn xung chiếu với Cung Tài Bạch, nên cần phải nhận định cho thật kỹ lưỡng Cung Phúc Đức, sự tốt của nó đều ảnh hưởng mạnh đến Cung Tài Bạch.

Kế tiếp phải xem xét cẩn thận Cung Mệnh, Cung Quan Lộc và Cung Thiên Di. Ngoài ra, cần phải lưu ý các cung có ảnh hưởng gián tiếp với Cung Tài Bạch đã được nêu ra ở các phần trên.

Đã là Cung Tài Bạch thì phải có các sao tụ tài, các sao chủ cơ hội dễ dàng làm giàu, đó là các Sao Tử Vi, Vũ Khúc, Thiên Phủ, Thiên Tướng, Thái Dương đắc địa, Thái Âm đắc địa; Tham Lang ở Thìn, Tuất, Sửu, Mùi; Cự Môn ở Hợi, Tý, Ngọ; Thiên Đồng, Thiên Lương ở Dần, Thân; Thiên Cơ ở Tỵ, Ngọ, Mùi; Thiên Cơ, Thiên Lương đồng cung ở Thìn Tuất; Thiên Lương ở Tý, Ngọ; Phá Quân ở Tý, Ngọ; bộ sao Tả Phù, Hữu Bật, Thiên Khôi, Thiên Việt; Kình Dương ở Thìn, Tuất, Sửu, Mùi; Hóa Khoa, Hóa Quyền, Hóa Lộc, Lộc Tôn; Hóa Lộc, Thiên Mã đồng cung Sao Tử.

Các sao xấu sau đây dễ làm tiền bạc trôi nổi, tụ tán bất thường, lúc có lúc không, đôi khi đưa đến tai họa, hoặc vất vả mới có tiền, đó là các sao TUẦN, TRIỆT, Hóa Kỵ, Đại Hao, Tiểu Hao, Thiên Hình, Thiên Riêu, Địa Không, Địa Kiếp, Lưu Hà, Kiếp Sát, Phục Bình. Riêng sao Thiên Không ở Cung Tài Bạch phải có thêm sao Địa Kiếp mới gọi là phá tán tài sản được, nếu sao Thiên Không đứng một mình, chỉ có nghĩa là thủ kho, thủ quỹ, bảo hiểm, tài trợ, phụ cấp, trả góp, cầm đồ, cho vay, hết hạn hợp đồng.

Cung Tài Bạch vô chính diệu, thì lấy chính tinh ở cung xung chiếu để xem. Cung Tài Bạch vô chính diệu dù gì chăng nữa, bao giờ cũng khó khăn trước, dễ dàng sau, hay phải đầu tư lâu dài mới có.

Cung Tài Bạch dù có chính tinh gì, nếu bị TUẦN, TRIỆT án ngữ, thì cần phải có Tả

Phù, Hữu Bật đồng cung, hoặc chiếu hoặc xung chiếu, hoặc giáp cung; trường hợp này, tiền bạc luôn luôn sung túc, giữ cửa tới về già, nếu có gặp rủi ro, thì vẫn vượt qua.

Cung Tý thuộc Hành Dương Thủy, là loại nước nóng, hướng chính Bắc, nên hợp với tuổi thuộc mạng Mộc, Thủy, Kim, khắc mạng Hỏa, mạng Thổ.

Nếu có sao Linh Tinh, Hỏa Tinh, là tiền bạc kiếm nhanh, hao nhanh.

Nhưng nếu có sao Linh Tinh, Hỏa Tinh đứng giáp hai bên, tức là một sao ở Cung Hợi, một sao ở Cung Sửu, là số kiếm tiền vất vả, đôi khi có lộc bất ngờ, nhưng cũng hay gặp tai nạn, dễ tán tài.

Trong Hậu Thiên Bát Quái Cung Tý thuộc quẻ Khảm. Về ngũ hành quẻ Khảm thuộc Thủy, có những biểu tượng và ý nghĩa như sau:

- Về thiên nhiên là nước, chất lỏng, mưa, mặt trăng.
- Về người là con trai thứ, hoặc con trai giữa, tính người thì khôn ngoan, thâm trầm, sắc bén, trí sâu, tính dấu diếm, bí mật, chớ hiềm hóc.
- Nếu đau bệnh thường ở vùng lỗ tai, máu huyết, thận, bong bóng, bàn tay.
- Làm ăn hợp tháng 11, mùa đông, phương Bắc.
- Hợp thức ăn loại hải sản, là con heo, con cá, trái cây có nước như trái dừa, rượu, quán cà phê.
- Hợp màu sắc đen.
- Về nhà cửa và nơi làm việc hợp nhà sàn ở gần sông, biển, rạch, nơi có nước, vị mặn, vùng có khí lạnh, hoặc vùng thờ nhân thần, tức là thờ những người khai quốc công thần.

Cung Sửu thuộc Âm Thổ, hợp mạng Hỏa, Thổ, mạng Kim. Khắc mạng Mộc, mạng Thủy. Nhưng bất luận tuổi nào, cần phải có sao Mộc thì mới tốt.

Cung Dần là Cung Dương Mộc, hợp mạng Mộc, mạng Hỏa, khắc mạng Thổ, mạng Thủy, mạng Kim, nếu có thành công thì cũng lắm gian nan. Người tuổi Đinh, tuổi Tân phát tài về ngành cơ khí, vận chuyển, công kỹ nghệ.

Nếu có sao Bạch Hổ, Tham Lang, Liêm Trinh thì có tiền nhưng hay gặp tai nạn xe cộ, pháp luật, súc vật cắn, tù dày, bệnh lao tổn.

Nếu có sao Địa Không, Địa Kiếp, tọa thủ, và xung chiếu, là người kiềm tiền nhanh, hao cung nhanh, dẽ có lộc bất ngờ, dẽ hao tán, gặp tai ương, đưa đến túng thiếu, nợ nần, nên phải bôn ba, đi xa, ra ngoài phải chật vật tranh đấu mới có, dẽ có thương tích, tai nạn.

Nếu có sao Linh Tinh, Hỏa Tinh thì cũng giống như trường hợp trên nhưng hay đau bệnh thần kinh, máu, gan. Nếu có thêm sao Đại Hao, Tiểu Hao thì dẽ hao vì đam mê trong tứ đỗ tường, khó gầy dựng lại.

Nhưng nếu có sao Linh Tinh, Hỏa Tinh đứng giáp hai bên, tức là một sao ở Cung Mão, một sao ở Cung Sửu, là số kiềm tiền vất vả, ly hương, dẽ có lộc bất ngờ, nhưng không cầm cửa được, hay gặp thiên tai, rủi ro làm cho mất mát khá nhiều, dẽ gặp cảnh mồ côi, hoặc cô độc, xa cách người thân, gia đạo ly tán, sức khỏe kém, dẽ lao lực, lao tâm, nếu không thì cũng có tật nguyền, trong người có thương tích.

Trong Hậu Thiên Bát Quái Cung Dần thuộc quẻ Cấn. Về ngũ hành Quẻ Cấn thuộc Thổ, có những biểu tượng và ý nghĩa như sau:

- Về thiên nhiên là mây mù, hạp vùng đồi núi, nơi có đá.
- Về người tượng trưng cho con trai út, người giúp việc, bảo vệ, gác cổng, quản gia.
- Làm ăn hợp tháng Giêng, mùa xuân, hướng Đông Bắc, vùng có khí hậu ấm.
- Nếu có bệnh thường ở ngón tay, lỗ mũi, cái lưng, xương cốt, đau bao tử.
- Hợp màu sắc vàng, nâu.
- Hợp các loại thức ăn có vị ngọt, các loại lúa, đậu.
- Về nhà cửa và nơi làm việc hợp ở những nơi như chõ cùng tận, ngõ tắt.

Về súc vật là các loại như chó, cọp, chuột, beo.

Cung Mão là Cung Âm Mộc, hạp mạng Mộc, mạng Thủy, mạng Hỏa. Khắc mạng Kim, mạng Thổ. Bất luận tuổi gì, mạng đóng ở cung này thì phải bôn ba, đi xa mới thành công.

Nếu có sao Địa Không, Địa Kiếp, tọa thủ, và hợp chiếu, là người kiềm tiền nhanh, hao cung nhanh, dẽ có lộc bất ngờ, dẽ hao tán, gặp tai ương, đưa đến túng thiếu, nợ nần, nên

phải bôn ba, đi xa, ra ngoài phải chật vật tranh đấu mới có, dẽ có thương tích, tai nạn.

Nếu có sao Linh Tinh, Hỏa Tinh thì cũng giống như trường hợp trên nhưng hay đau bệnh thần kinh, máu, gan. Nếu có thêm sao Đại Hao, Tiểu Hao thì dẽ hao vì đam mê trong tứ đỗ tường, khó gầy dựng lại.

Trong Hậu Thiên Bát Quái Cung Mão thuộc quẻ Chấn. Về ngũ hành Quẻ Chấn thuộc Mộc, có những biểu tượng và ý nghĩa như sau:

- ❑ Về thiên nhiên là sấm sét.
 - ❑ Là người trưởng nam, người có tay nghề khéo, thông minh. Dù nam hay nữ có Cung Mệnh đóng tại cung này thường vất vả buổi ban đầu, nay đây mai đó, dẽ ly hương, xuất ngoại, đa tình, đa cảm.
 - ❑ Hợp các ngành nghề có sự lưu động, công tác xa.
 - ❑ Nếu đau bệnh thường gặp ở gan, mắt, gân, tóc, mật.
 - ❑ Hợp tháng giêng, tháng hai, mùa xuân, hướng chánh Đông.
 - ❑ Về súc vật là các loài rắn, các loại thú biết bay, bò sát.
 - ❑ Thức ăn có vị chua, các món ăn thuộc đậu, hạt, các loại nẩy mầm, hoặc củ.
 - ❑ Về nhà cửa và nơi làm việc hợp các nơi đông đảo, phồn hoa, đô hội, chợ búa. Nơi có thời tiết nắng ấm.
 - ❑ Về vật dụng là cái điện thoại, các loại đồ vật tạo ra âm thanh, cái lò bếp, ông táo.
 - ❑ Về tinh thần là tình cảm nội bộ gia đình, người thân. Nên gặp Kình Dương, Đà La, Địa Không, Địa Kiếp, Linh Tinh, Hỏa Tinh là gia đạo ly tán, mồ côi, cô độc, có thương tích, bất hòa, hay cãi nhau, duyên nợ chắp nối, góá bụa, số gian truân. Đời hay gặp sự đảo lộn bất ngờ ngoài dự tính.
 - ❑ Hợp màu xanh lá cây.

Cung Thìn là Cung Dương Thổ, là loại đất nóng, hạp mạng Thổ, mạng Hỏa mạng Kim. Khắc mạng Mộc, mạng Thủy, rất cần Kình Dương làm kinh tế giỏi, mưu lược.

Cung Tỵ là Cung Âm Hỏa, hạp mạng Mộc, mạng Hỏa, mạng Thổ, khắc mạng Thủy, mạng Kim. Cung Mệnh ở cung này đáng sợ nhất là có Địa Không, Địa Kiếp đồng cung hoặc giáp Địa Không, Địa Kiếp. Nhưng tuổi Thìn, Tuất, được cách này thì làm giàu nhanh chóng, bôn ba xứ người.

Nếu có sao Địa Không, Địa Kiếp đồng cung, là người kiêm tiền nhanh hao cũng nhanh, bôn ba, đi xa, ra ngoài phải chật vật tranh đấu mới có, dễ gặp rủi ro, tranh chấp, bị mắng lừa, tính toán sai lầm, dễ có nợ, dễ có thương tích, tai nạn. Nhưng lại tốt cho các tuổi Thìn, Tuất, Sửu, Mùi.

Nếu có sao Địa Không, Địa Kiếp đứng giáp hai bên, một sao ở Cung Ngọ, một sao ở Cung Thìn, là số kiêm tiền rất vất vả, ly hương, đôi khi có hoạnh tài nhưng mau hao tán, túng thiếu, sanh ra đời đã gặp nhiều bất hạnh, đau yếu, mồ côi, cô độc, gia đạo ly tán, nếu không thì cũng có tật nguyền, có thương tích.

Trong Hậu Thiên Bát Quái Cung Tỵ thuộc quẻ Tốn. Về ngũ hành Quẻ Tốn thuộc Mộc, có những biểu tượng và ý nghĩa như sau:

- Về thiên nhiên là Gió.
- Về người là con gái trưởng, tu sĩ, sản khoa, nhi khoa, khoa tâm thần, tâm lý.
- Hợp ngành nghề tiếp thị, quảng cáo, uốn tóc, thẩm mỹ, thủ công, làm mô giới, cho vay, bảo hiểm, nhà báo, viết văn, phóng viên, hay lưu động, đi xa.
- Về tánh tình, là người có tánh ngang bướng, hay thay đổi, có niềm tin về thần thánh, tôn giáo, có tư tưởng thoát trần, thích hợp những sinh hoạt tâm linh, huyền bí. Hợp các người có dáng cao, nhanh nhẹn.
- Nếu đau bệnh thường xuất hiện ở tứ chi, thần kinh, những bệnh về tim và máu.
- Làm ăn gì thì hợp vào khoảng thời gian giữa xuân sang hè, hướng Đông Nam.
- Hợp các loại vật dụng có hình thù dài như tre, trúc, cây thông, vải vóc, gậy đánh golf, billard. Cái quạt.
- Thức ăn có vị chua, các món ăn thuộc loài gia cầm, rau trái.
- Hợp màu xanh lục.

- Nhà cửa, nơi làm việc hợp gần ngã tư, vùng có nhiều đường đi xen kẽ, giao nhau như bàn cờ, hoặc nhà cao tầng có nhiều hành lang, có vườn hoa, gần chùa, nhà thờ, miếu thần, đài tưởng niệm, vườn bách thú.

Cung Ngọ là Cung Dương Hỏa, là loại lửa nóng, hạp mạng Hỏa, mạng Thổ. Khắc mạng Kim, mạng Thủy. Người mạng Mộc, tuy hạp nhưng đời hay gặp lầm chuyện trái ngang. Người mạng Thổ phát tài nhanh nhưng lầm tai nạn.

Nếu có sao Linh Tinh, Hỏa Tinh, là tiền bạc kiếm nhanh, hao nhanh.

Nhưng nếu có sao Linh Tinh, Hỏa Tinh đứng giáp hai bên, tức là một sao ở Cung Tỵ, một sao ở Cung Mùi, là số kiếm tiền vất vả, đôi khi có lộc bất ngờ, nhưng cũng hay gặp tai nạn, dễ tán tài.

Trong Hậu Thiên Bát Quái Cung Ngọ thuộc quẻ Ly. Về ngũ hành Quẻ Ly thuộc Hỏa, có những biểu tượng và ý nghĩa như sau:

- Về thiên nhiên là Lửa, điện, cầu vòng.
- Về người là con gái thứ, mắt có tướng lạ. Gặp sao Thái Dương giáp Linh Tinh, Hỏa Tinh, hay có bệnh về mắt, khoa nhän.
- Tính tình nhạy cảm, thông minh, khiêm tốn. Vóc dáng sáng sủa.
- Nếu đau bệnh thường gặp ở mắt, bệnh tim mạch.
- Làm ăn gì thì hạp vào khoảng tháng 5, mùa hạ. Hợp hướng Nam.
- Nghề nghiệp thích hợp là văn học, nghệ thuật. Nếu có thêm Linh Tinh, Hỏa Tinh là nghề có liên quan đến hàng không, hàng hải.
- Thức ăn có vị đắng, các món ăn thuộc loài gia cầm, bò sát, các loại ở dưới nước như rùa, cua.
- Về nhà cửa, nơi làm việc hợp các nơi sáng sủa, nhiều cửa sổ. Đáng nhà cửa phía trên có hình nhọn, chóp nón, vùng đất của Long Thần, tức là vùng có thờ thần, hoặc mang tên đường người nữ linh thiêng. Ví dụ: nhà ở đường Hai Bà Trưng, Bùi Thị Xuân. Vùng thờ bà Chúa núi Sam, Bà Đen....
- Hợp màu đỏ, hồng.

Cung Mùi là Cung Âm Thổ, thuộc loại đất lạnh. Hợp mạng Hỏa, mạng Thổ, mạng Kim. Khắc mạng Mộc, mạng Thủy. Bất luận là tuổi gì đều phải có sao Mộc thì mới hay, bền vững.

Cung Thân là cung Dương Kim, thuộc loại Kim cứng, hợp mạng Kim, mạng Thủy, mạng Thổ. Khắc mạng Mộc, mạng Hỏa.

Nếu có sao Bạch Hổ, Tham Lang, Liêm Trinh thì có tiền nhưng hay gặp tai nạn xe cộ, pháp luật, súc vật cắn, tù dày, bệnh lao tốn.

Nếu có sao Địa Không, Địa Kiếp, tọa thủ, và xung chiếu, là người kiếm tiền nhanh, hao cũng nhanh, dễ có lộc bất ngờ, dễ hao tán, gặp tai ương, đưa đến túng thiếu, nợ nần, nên phải bôn ba, đi xa, ra ngoài phải chật vật tranh đấu mới có, dễ có thương tích, tai nạn.

Nếu có sao Linh Tinh, Hỏa Tinh thì cũng giống như thường hợp trên nhưng hay đau bệnh thần kinh, máu, gan. Nếu có thêm sao Đại Hao, Tiểu Hao thì dễ hao vì đam mê trong tứ đỗ tường, khó gầy dựng lại.

Nhưng nếu có sao Linh Tinh, Hỏa Tinh đứng giáp hai bên, tức là một sao ở Cung Mão, một sao ở Cung Sửu, là số kiếm tiền vất vả, ly hương, dễ có lộc bất ngờ, nhưng không cầm cửa được, hay gặp thiên tai, rủi ro làm cho mất mát khá nhiều, dễ gặp cảnh mồ côi, hoặc cô độc, xa cách người thân, gia đạo ly tán, sức khỏe kém, dễ lao lực, lao tâm, nếu không thì cũng có tật nguyệt, trong người có thương tích.

Trong Hậu Thiên Bát Quái Cung Thân thuộc quẻ Khôn. Về ngũ hành Quẻ Khôn thuộc Thổ, có những biểu tượng và ý nghĩa như sau:

- Về thiên nhiên là đất, sương, thôn dã.
- Về người là mẹ, người nữ lớn tuổi, người quản gia, người làm khoa sản, chăm sóc trẻ em, chủ nông trại, tánh tình hiền lành, nhu thuận, hay giúp đỡ người khác.
- Nếu đau bệnh thường gặp ở bộ phận tiêu hóa.
- Làm ăn gì thì hợp tháng 7, hướng Tây Nam, cuối hè sang thu, thời tiết ấm, mát.
- Về súc vật là trâu, bò, gia súc.
- Về vật dụng, tĩnh vật là vải, ngũ cốc, các loại làm bằng đất, cái gối.

- Hợp màu sắc vàng, nâu, màu đất.
- Về mùi vị và thức ăn là đồ ngọt, các loại lòng gia súc, gia cầm, các loại củ.
- Về ngũ quan là cái miệng.
- Về nhà cửa và nơi làm việc hợp vùng thôn dã, hoặc nhà có vườn, có cây bao quanh, trang trí, dáng nhà hình vuông và thấp.

Cung Dậu là cung Âm Kim, thuộc loại Kim lỏng, hạp mạng Kim, mạng Thủy, mạng Thổ, khắc mạng Mộc, mạng Hỏa. Người tuổi Dậu nếu có sao Thiên Hình thì dễ bị tù, hoặc thời thế không thuận lợi cho mình.

Nếu có sao Địa Không, Địa Kiếp, tọa thủ, và hợp chiếu, là người kiêm tiền nhanh, hao cung nhanh, dễ có lộc bất ngờ, dễ hao tán, gặp tai ương, đưa đến túng thiếu, nợ nần, nên phải bôn ba, đi xa, ra ngoài phải chật vật tranh đấu mới có, dễ có thương tích, tai nạn.

Nếu có sao Linh Tinh, Hỏa Tinh thì cũng giống như trường hợp trên nhưng hay đau bệnh thần kinh, máu, gan. Nếu có thêm sao Đại Hao, Tiểu Hao thì dễ hao vì đam mê trong tứ đỗ thường, khó gầy dựng lại.

Trong Hậu Thiên Bát Quái Cung Dậu thuộc quẻ Đoài. Về ngũ hành Quẻ Đoài thuộc Kim, có những biểu tượng và ý nghĩa như sau:

- Về thiên nhiên là mưa, trăng, sao, ao, đầm.
- Về người là con gái út, người nữ nhỏ tuổi, vợ nhỏ, người làm mô giới, người làm nghệ thuật, có tài năng, khéo tay, nghề tinh xảo, tính tình vui vẻ, hòa thuận, hòa nhã, khéo ăn nói.
- Nếu đau bệnh thường gặp ở hệ hô hấp, tai, mũi, họng.
- Làm ăn gì thì hợp tháng 8, hướng chính Tây, mùa thu, thời tiết mát.
- Về súc vật là con dê, con nai.
- Về vật dụng, tĩnh vật là con dao, các loại bình chứa nước như chén ăn cơm, tô canh, bình bát của khất sĩ.
- Hợp màu sắc trắng.

- Về mùi vị và thức ăn là đồ cay, các loại thức ăn có nước như cái lẩu, phở, hủ tíu.
- Về ngũ quan là cuống họng, đàm, hệ hô hấp.
- Về nhà cửa và nơi làm việc hợp ở những nơi có ao hồ, đầm lầy, thung lũng, giếng, rạch, sông, hòn non bộ, gần hồ bơi, rừng thiêng nhiên, khu du lịch, thánh địa, giáo xứ.

Cung Tuất là Cung Dương Thổ, thuộc loại đất nóng. Hợp mạng Hỏa, mạng Thổ, mạng Kim; Khắc mạng Thủy, mạng Mộc.

Cung Hợi là Cung Âm Thủy, thuộc loại nước lạnh, nên nếu có Linh Tinh, Hỏa Tinh, thì làm nghề cơ điện lạnh, tạo gen di truyền, vi sinh vật, men, nấm, ủ, rất nổi tiếng. Hợp mạng Thủy, mạng Kim, mạng Mộc. Khắc mạng Hỏa, mạng Thổ.

Nếu có sao Địa Không, Địa Kiếp đồng cung, là người kiêm tiền nhanh hao cũng nhanh, bôn ba, đi xa, ra ngoài phải chật vật tranh đấu mới có, dễ gặp rủi ro, tranh chấp, bị mắng lừa, tính toán sai lầm, dễ có nợ, dễ có thương tích, tai nạn. Nhưng lại tốt cho các tuổi Thìn, Tuất, Sửu, Mùi.

Nếu có sao Địa Không, Địa Kiếp đứng giáp hai bên, một sao ở Cung Tý, một sao ở Cung Tuất, là số kiêm tiền rất vất vả, ly hương, đôi khi có hoạnh tài nhưng mau hao tán, túng thiếu, sanh ra đời đã gặp nhiều bất hạnh, đau yếu, mồ côi, cô độc, gia đạo ly tán, nếu không thì cũng có tật nguyền, có thương tích.

Trong Hậu Thiên Bát Quái Cung Hợi thuộc quẻ Càn. Về ngũ hành Quẻ Càn thuộc Kim, có những biểu tượng và ý nghĩa như sau:

- Về thiên nhiên là Trời, bầu trời, băng đá.
- Về người là cha, người đàn ông lớn tuổi, ông già, người lãnh đạo, người làm quan, trí thức, trung trực, chuộng sự thông thái, tánh tình quả quyết nhưng độ lượng bao dung, hay làm phước.
- Nếu đau bệnh thường gặp ở hệ thần kinh, đầu, hệ hô hấp, mắt, xương, da, lông.
- Làm ăn gì thì hợp tháng 9 và tháng 10, hướng Tây Bắc, mùa đông.
- Về súc vật là voi, sư tử, ngựa, đua ngựa, nuôi ngựa, các loài chim.

- ❖ Về vật dụng, tinh vật là vàng ngọc, châu báu, cửa cải quý giá, các loại có hình tròn, hình cầu sáng bóng, hình bán nguyệt, vòng cung, cái gương soi hình tròn, vợt cầu lông, tennis, cây vợt, bóng bầu dục, bóng đá, bóng bàn, bóng rổ.
- ❖ Hợp màu sắc trắng.
- ❖ Về mùi vị và thức ăn là đồ cay, bánh canh, mì ống, các loại thịt, trái cây.
- ❖ Về ngũ quan là lỗ mũi.

- ❖ Về nhà cửa và nơi làm việc hợp ở vùng thủ đô, trung tâm thương mại, biệt thự, lầu cao, gần các dinh có chức quyền.

Phần Tổng Luận Cho Thiên Di



Cung Thiên Di luôn luôn xung chiếu với Cung Mệnh, có ảnh hưởng trực tiếp mạnh mẽ đến bốn phương của mình, nên cần phải xét đoán cẩn thận. Khi ra ngoài làm việc, làm ăn, giao thiệp với mọi người, cuộc đời của mình có nhẹ nhàng, thoái mái, không gặp rủi ro, tai nạn không bị mắc lừa, phản phúc, thì cung này cần tránh các bộ sao xấu như Thiên Hình, Thiên Riêu, Địa Không, Địa Kiếp, Linh Tinh, Hỏa Tinh, Kình Dương, Đà La, Hóa Ky, Cô Thần, Quả Tú, Quan Phù, Quan Phủ, Phục Bình, Lưu Hà, Kiếp Sát.

Một Cung Thiên Di được gọi là tốt, thuận lợi, thì phải có những sao như sau:

- ❖ Có Văn Xương, Văn Khúc, đồng cung hoặc chiếu, đồng đảo bạn bè, học hành thi cử tốt, nhưng nếu có thêm Linh, Hóa Ky thì dễ dang công việc, lỡ hẹn, sai hẹn, bội ước, dời hẹn, đậu vớt.
- ❖ Có sao Tả Phù, Hữu Bật, ra ngoài có nhiều người giúp đỡ.
- ❖ Có sao Thiên Khôi, Thiên Việt, thường gần quan chức, người có thế lực.

Thiên Mã đắc địa, có nhiều năng lực, mẫn tiệp.

- ❖ Có Hóa Khoa, Hóa Quyền, Hóa Lộc, gặp nhiều may mắn, có danh chức, có tiền, được sự kính trọng.
- ❖ Có sao Long Trì, Phượng Các, Thai Phụ, Phong Cáo, Ân Quang, Thiên Quý, được

người nể trọng, có ân tình.

- Ngoài ra, bất luận chính tinh nào ở Cung Thiên Di nếu gặp TUÂN, TRIỆT, ra ngoài mưu cầu lợi lộc, công danh, trước khó sau dễ.
- Có Liêm Trinh, Tham Lang đồng cung Đà La, Bạch Hổ, hoặc có Phá Quân ngộ TUÂN TRIỆT, hoặc có Thiên Tướng ngộ TUÂN, TRIỆT, dễ có tai nạn về xe cộ, bị áp bức, hoặc đau bịnh, công danh trắc trở, lận đận.
- Có Sao Tướng Quân ở cung Thiên Di gặp sao TUÂN, TRIỆT cũng vậy.

Trong trường hợp Cung Thiên Di vô chính diệu, thì lấy cung xung chiếu để mà luận giải.

Cung Tý thuộc Hành Dương Thủy, là loại nước nóng, hướng chính Bắc, nên hợp với tuổi thuộc mạng Mộc, Thủy, Kim, khắc mạng Hỏa, mạng Thổ.

Cung Tý thuộc quẻ Khảm, về ngũ hành là Thủy, có biểu tượng và ý nghĩa là nước, chất lỏng, mưa, mặt trăng.

- Về người là con trai thứ, hoặc con trai giữa, tánh người thì khôn ngoan, thâm trầm, sắc bén, trí sâu, tánh dấu diếm, bí mật, chẽ hiểm hóc.
- Nếu đau bịnh thường ở vùng lỗ tai, máu huyết, thận, bong bóng, bàn tay.
- Làm ăn hợp tháng 11, mùa đông, phương Bắc.
- Hợp thức ăn loại hải sản, là con heo, con cá, trái cây có nước như trái dừa, rượu, quán cà phê.
- Hợp màu sắc đen.
- Về nhà cửa và nơi làm việc hợp nhà sàn ở gần sông, biển, rạch, nơi có nước, vị mặn, vùng có khí lạnh, hoặc vùng thờ nhân thần, tức là thờ những người khai quốc công thần.

Nếu có sao Linh Tinh, Hỏa Tinh, là người ra ngoài sắc tướng nghiêm, quyết đoán, tánh tình đôi khi có sự khắc nghiệt, cô độc, có thương tật.

Nhưng nếu có sao Linh Tinh, Hỏa Tinh đứng giáp hai bên, tức là một sao ở Cung Hợi, một sao ở Cung Sửu, là số ra ngoài vất vả, ly hương, dễ gặp cảnh mồ côi, hoặc cô độc, xa cách người thân, gia đạo ly tán, sức khỏe kém, dễ lao lực, lao tâm, nếu không thì cũng có tật nguyền, trong người có thương tích.

Cung Sửu thuộc Âm Thổ, hạp mạng Hỏa, Thổ, mạng Kim. Khắc mạng Mộc, mạng Thủy. Nhưng bất luận tuổi nào, cần phải có sao Mộc thì mới tốt.

Cung Dần là Cung Dương Mộc, hạp mạng Mộc, mạng Hỏa, khắc mạng Thổ, mạng Thủy, mạng Kim, nếu có thành công thì cũng lắm gian nan. Người tuổi Đinh, tuổi Tân phát tài về ngành cơ khí, vận chuyển, công kỹ nghệ.

Cung Dần thuộc quẻ Cấn, về ngũ hành là Thổ, có biểu tượng và ý nghĩa là mây mù, hạp vùng đồi núi, nơi có đá.

- Về người tượng trưng cho con trai út, người giúp việc, bảo vệ, gác cổng, quản gia.
- Làm ăn hợp tháng Giêng, mùa xuân, hướng Đông Bắc, vùng có khí hậu ấm.
- Nếu có bệnh thường ở ngón tay, lỗ mũi, cái lưng, xương cốt, đau bao tử.
- Hợp màu sắc vàng, nâu.
- Hợp các loại thức ăn có vị ngọt, các loại lúa, đậu.
- Về nhà cửa và nơi làm việc hợp ở những nơi như chõ cung tận, ngõ tắt.
- Về súc vật là các loại như chó, cọp, chuột, beo.

Nếu có sao Bạch Hổ, Tham Lang, Liêm Trinh thì ra ngoài hay gặp tai nạn xe cộ, súc vật cắn, nuôi súc vật không có lợi, tù dày, bệnh lao tổn.

Nếu có sao Địa Không, Địa Kiếp, tọa thủ, và xung chiếu, là người bôn ba, đi xa, ra ngoài phải chật vật tranh đấu mới có, dễ có thương tích, tai nạn, bị lừa, chết xa nhà.

Nếu có sao Linh Tinh, Hỏa Tinh, là người có sắc tướng nghiêm, quyết đoán, tánh tình đôi khi có sự khắc nghiệt, ra ngoài khó yên ổn, vất vả.

Nhưng nếu có sao Linh Tinh, Hỏa Tinh đứng giáp hai bên, tức là một sao ở Cung Mão, một sao ở Cung Sửu, là số ra ngoài vất vả, ly hương, dễ gặp tai nạn, thiên tai, dễ gặp cảnh mồ côi, hoặc cô độc, xa cách người thân, gia đạo ly tán, sức khỏe kém, dễ lao lực, lao tâm, nếu không thì cũng có tật nguyền, trong người có thương tích.

Cung Mão là Cung Âm Mộc, hạp mạng Mộc, mạng Thủy, mạng Hỏa. Khắc mạng Kim, mạng Thổ. Bất luận tuổi gì, mạng đóng ở cung này thì phải bôn ba, đi xa mới thành

công.

Cung Mão thuộc quẻ Chấn, về ngũ hành là Mộc, có biểu tượng và ý nghĩa là sấm sét.

- Là người trưởng nam, người có tay nghề khéo, thông minh. Dù nam hay nữ có Cung Mệnh đóng tại cung này thường vất vả buổi ban đầu, nay đây mai đó, dễ ly hương, xuất ngoại, đa tình, đa cảm.
- Hợp các ngành nghề có sự lưu động, công tác xa.
- Nếu đau bệnh thường gặp ở gan, mắt, gân, tóc, mật.
- Hợp tháng giêng, tháng hai, mùa xuân, hướng chánh Đông.
- Về súc vật là các loài rắn, các loại thú biết bay, bò sát.
- Thức ăn có vị chua, các món ăn thuộc đậu, hạt, các loại nẩy mầm, hoặc củ.
- Về nhà cửa và nơi làm việc hợp các nơi đông đảo, phồn hoa, đô hội, chợ búa. Nơi có thời tiết nắng ấm.
- Về vật dụng là cái điện thoại, các loại đồ vật tạo ra âm thanh, cái lò bếp, ông táo.
- Về tinh thần là tình cảm nội bộ gia đình, người thân. Nên gặp Kình Dương, Đà La, Địa Không, Địa Kiếp, Linh Tinh, Hỏa Tinh là gia đạo ly tán, mồ côi, cô độc, có thương tích, bất hòa, hay cãi nhau, duyên nợ chắp nối, góa bụa, số gian truân. Đời hay gặp sự đảo lộn bất ngờ ngoài dự tính.
- Hợp màu xanh lá cây.

Cung Thìn là Cung Dương Thổ, là loại đất nóng, hạp mạng Thổ, mạng Hỏa mạng Kim. Khắc mạng Mộc, mạng Thủy, rất cần Kình Dương làm kinh tế giỏi, mưu lược.

Cung Ty là Cung Âm Hỏa, hạp mạng Mộc, mạng Hỏa, mạng Thổ, khắc mạng Thủy, mạng Kim. Cung Mệnh ở cung này đáng sợ nhất là có Địa Không, Địa Kiếp đồng cung hoặc giáp Địa Không, Địa Kiếp. Nhưng tuổi Thìn, Tuất, được cách này thì làm giàu nhanh chóng, bôn ba xứ người.

Cung Ty thuộc quẻ Tốn, về ngũ hành là Mộc, có biểu tượng và ý nghĩa là Gió, cái quạt.

- Về người là con gái trưởng, tu sĩ, sản khoa, nhi khoa, khoa tâm thần, tâm lý.
- Hợp ngành nghề tiếp thị, quảng cáo, uốn tóc, thẩm mỹ, thủ công, làm môi giới, cho vay, bảo hiểm, nhà báo, viết văn, phóng viên, hay lưu động, đi xa.
- Về tánh tình, là người có tính ngang bướng, hay thay đổi, có niềm tin về thần thánh, tôn giáo, có tư tưởng thoát trần, thích hợp những sinh hoạt tâm linh, huyền bí. Hợp các người có dáng cao, nhanh nhẹn.
- Nếu đau bệnh thường xuất hiện ở tứ chi, thần kinh, những bệnh về tim và máu.
- Làm ăn gì thì hợp vào khoảng thời gian giữa xuân sang hè, hướng Đông Nam.
- Hợp các loại vật dụng có hình thù dài như tre, trúc, cây thông, vải vóc, gậy đánh golf, billard.
- Thức ăn có vị chua, các món ăn thuộc loài gia cầm, rau trái.
- Hợp màu xanh lục.
- Nhà cửa, nơi làm việc hợp gần ngã tư, vùng có nhiều đường đi xen kẽ, giao nhau như bàn cờ, hoặc nhà cao tầng có nhiều hành lang, có vườn hoa, gần chùa, nhà thờ, miếu thần, dài tưởng niệm, vườn bách thú.

Nếu có sao Địa Không, Địa Kiếp đồng cung, là người ra ngoài phải bôn ba, đi xa, phải chật vật tranh đấu mới có, dễ có thương tích, tai nạn, bị lừa, bị đánh. Nhưng lại tốt cho các tuổi Thìn, Tuất, Sửu, Mùi.

Nếu có sao Địa Không, Địa Kiếp đứng giáp hai bên, một sao ở Cung Ngọ, một sao ở Cung Thìn, là số ra ngoài rất vất vả, ly hương, dễ gặp tai nạn, sanh ra đời đã gặp nhiều bất hạnh, đau yếu, mồ côi, cô độc, gia đạo ly tán, nếu không thì cũng có tật nguyền, có thương tích.

Nếu có sao Linh Tinh, Hỏa Tinh, tánh tình đôi khi có sự khắc nghiệt. Hợp các nghề công nghệ tinh xảo, y học, bán quán.

Cung Ngọ là Cung Dương Hỏa, là loại lửa nóng, hợp mạng Hỏa, mạng Thổ. Khắc mạng Kim, mạng Thủy. Người mạng Mộc, tuy hợp nhưng đời hay gặp lầm chuyện trái ngang. Người mạng Thổ phát tài nhanh nhưng lầm tai nạn.

Cung Ngọ thuộc quẻ Ly, về ngũ hành là Hỏa, có biểu tượng và ý nghĩa là Lửa, điện, cầu vòng.

- Về người là con gái thứ, mắt có tướng lạ. Gặp sao Thái Dương giáp Linh Tinh, Hỏa Tinh, hay có bệnh về mắt, khoa nhän.
- Tánh tình nhạy cảm, thông minh, khiêm tốn. Vóc dáng sáng sủa.
- Nếu đau bệnh thường gặp ở mắt, bệnh tim mạch.
- Làm ăn gì thì hợp vào khoảng tháng 5, mùa hạ. Hợp hướng Nam.
- Nghề nghiệp thích hợp là văn học, nghệ thuật. Nếu có thêm Linh Tinh, Hỏa Tinh là nghề có liên quan đến hàng không, hàng hải.
- Thức ăn có vị đắng, các món ăn thuộc loài gia cầm, bò sát, các loại ở dưới nước như rùa, cua.
- Về nhà cửa, nơi làm việc hợp các nơi sáng sủa, nhiều cửa sổ. Đáng nhà cửa phía trên có hình nhọn, chớp nón, vùng đất của Long Thần, tức là vùng có thờ thần, hoặc mang tên đường người nữ linh thiêng. Ví dụ: nhà ở đường Hai Bà Trưng, Bùi Thị Xuân. Vùng thờ bà Chúa núi Sam, Bà Đen....
- Hợp màu đỏ, hồng.

Nếu có sao Linh Tinh, Hỏa Tinh đứng giáp hai bên, tức là một sao ở Cung Mùi, một sao ở Cung Ty, là số ra ngoài vất vả, ly hương, tai nạn, dễ gặp cảnh mồ côi, hoặc cô độc, xa cách người thân, gia đạo ly tán, sức khỏe kém, dễ lao lực, lao tâm, nếu không thì cũng có tật nguyễn, trong người có thương tích.

Cung Mùi là Cung Âm Thổ, thuộc loại đất lạnh. Hợp mạng Hỏa, mạng Thổ, mạng Kim. Khắc mạng Mộc, mạng Thủy. Bất luận là tuổi gì đều phải có sao Mộc thì mới hay, bền vững.

Cung Thân là cung Dương Kim, thuộc loại Kim cứng, hợp mạng Kim, mạng Thủy, mạng Thổ. Khắc mạng Mộc, mạng Hỏa.

Cung Thân thuộc quẻ Khôn, về ngũ hành là Thổ, có biểu tượng và ý nghĩa là đất, sương, thôn dã.

- Về người là mẹ, người nữ lớn tuổi, người quản gia, người làm khoa sản, chăm sóc trẻ em, chủ nông trại, tánh tình hiền lành, nhu thuận, hay giúp đỡ người khác.
- Nếu đau bệnh thường gặp ở bộ phận tiêu hóa.
- Làm ăn gì thì hợp tháng 7, hướng Tây Nam, cuối hè sang thu, thời tiết ấm, mát.
- Về súc vật là trâu, bò, gia súc.
- Về vật dụng, tĩnh vật là vải, ngũ cốc, các loại làm bằng đất, cái gối.
- Hợp màu sắc vàng, nâu, màu đất.
- Về mùi vị và thức ăn là đồ ngọt, các loại lòng gia súc, gia cầm, các loại củ.
- Về ngũ quan là cái miệng.
- Về nhà cửa và nơi làm việc hợp vùng thôn dã, hoặc nhà có vườn, có cây bao quanh, trang trại, dáng nhà hình vuông và thấp.

Nếu có sao Địa Không, Địa Kiếp, tọa thủ, và xung chiếu, là người bôn ba, đi xa, ra ngoài phải chật vật tranh đấu mới có, dễ có thương tích, tai nạn.

Nếu có sao Linh Tinh, Hỏa Tinh, là người có sắc tướng nghiêm, quyết đoán, tánh tình đôi khi có sự khắc nghiệt.

Nhưng nếu có sao Linh Tinh, Hỏa Tinh đứng giáp hai bên, tức là một sao ở Cung Dậu, một sao ở Cung Mùi, là số ra ngoài vất vả, ly hương, dễ gặp cảnh mồ côi, hoặc cô độc, xa cách người thân, gia đạo ly tán, sức khỏe kém, dễ lao lực, lao tâm, nếu không thì cũng có tật nguyền, trong người có thương tích.

Cung Dậu là cung Âm Kim, thuộc loại Kim lỏng, hạp mạng Kim, mạng Thủy, mạng Thổ, khắc mạng Mộc, mạng Hỏa. Người tuổi Dậu nếu có sao Thiên Hình thì dễ bị tù, hoặc thời thế không thuận lợi cho mình.

Cung Dậu thuộc quẻ Đoài, về ngũ hành là Kim, có biểu tượng và ý nghĩa là mưa, trăng, sao, ao, đầm, bơi lội.

- Về người là con gái út, người nữ nhỏ tuổi, vợ nhở, người làm môi giới, người làm nghệ thuật, có tài năng, khéo tay, nghề tinh xảo, tánh tình vui vẻ, hòa thuận, hòa nhã,

khéo ăn nói.

- Nếu đau bệnh thường gặp ở hệ hô hấp, tai, mũi, họng.
- Làm ăn gì thì hợp tháng 8, hướng chánh Tây, mùa thu, thời tiết mát.
- Về súc vật là con dê, con nai.
- Về vật dụng, tinh vật là con dao, các loại bình chứa nước như chén ăn cơm, tô canh, bình bát của khất sĩ.
- Hợp màu sắc trắng.
- Về mùi vị và thức ăn là đồ cay, các loại thức ăn có nước như cá lẩu, phở, hủ tíu.
- Về ngũ quan là cuống họng, đàm, hệ hô hấp.
- Về nhà cửa và nơi làm việc hợp ở những nơi có ao hồ, đầm lầy, thung lũng, giếng, rạch, sông, hòn non bộ, gần hồ bơi, rừng thiên nhiên, khu du lịch, thánh địa, giáo xứ.

Cung Tuất là Cung Dương Thổ, thuộc loại đất nóng. Hợp mạng Hỏa, mạng Thổ, mạng Kim; Khắc mạng Thủy, mạng Mộc.

Cung Hợi là Cung Âm Thủy, thuộc loại nước lạnh, nên nếu có Linh Tinh, Hỏa Tinh, thì làm nghề cơ điện lạnh, tạo gen di truyền, vi sinh vật, men, nấm, ủ, rất nổi tiếng. Hợp mạng Thủy, mạng Kim, mạng Mộc. Khắc mạng Hỏa, mạng Thổ.

Cung Hợi thuộc quẻ Càn, về ngũ hành là Kim, có biểu tượng và ý nghĩa là Trời, bầu trời, băng đá.

- Về người là cha, người đàn ông lớn tuổi, ông già, người lãnh đạo, người làm quan, trí thức, trung trực, chuộng sự thông thái, tánh tình quả quyết nhưng độ lượng bao dung, hay làm phước.
- Nếu đau bệnh thường gặp ở hệ thần kinh, đầu, hệ hô hấp, mắt, xương, da, lông.
- Làm ăn gì thì hợp tháng 9 và tháng 10, hướng Tây Bắc, mùa đông.
- Về súc vật là voi, sư tử, ngựa, đua ngựa, nuôi ngựa, các loài chim.

- ❖ Về vật dụng, tinh vật là vàng ngọc, châu báu, cửa cải quý giá, các loại có hình tròn, hình cầu sáng bóng, hình bán nguyệt, vòng cung, cái gương soi hình tròn, vợt cầu lông, tennis, cây vợt, bóng bầu dục, bóng đá, bóng bàn, bóng rổ.
- ❖ Hợp màu sắc trắng.
- ❖ Về mùi vị và thức ăn là đồ cay, bánh canh, mì ống, các loại thịt, trái cây.
- ❖ Về ngũ quan là lỗ mũi.

❖ Về nhà cửa và nơi làm việc hợp ở vùng thủ đô, trung tâm thương mại, biệt thự, lầu cao, gần các dinh có chức quyền.

Nếu có sao Địa Không, Địa Kiếp đồng cung là người bôn ba, đi xa, ra ngoài phải chật vật tranh đấu mới có, dễ có thương tích, tai nạn.

Nếu có sao Địa Không, Địa Kiếp đứng giáp hai bên, một sao ở Cung Tuất, một sao ở Cung Tý là số ra ngoài vất vả, ly hương, ít khi nào được yên thân, mồ côi, cô độc, xa cách người thân, nếu không như vậy cũng là người không có sức khỏe tốt, tiền bạc hay bị tiêu hao, nghề nghiệp không ổn định, hay thay đổi, ít ngồi yên tại chỗ, phải xoay trở, duyên nợ lận đận, hay gặp chuyện phiền lòng.

Phân Tổng Luận Cho Phu Thủ



Cung Phu Thủ cho biết những điều có liên quan đến vợ hoặc chồng, hôn nhân sớm hay muộn, hòa hợp hay bất hòa, sống với nhau lâu dài hay là không, làm ăn như thế nào.

Cung Phu Thủ này cũng còn tùy thuộc vào những Cung Mệnh, Cung Phúc Đức, nhất là phải xem kỹ Cung Quan Lộc, vì cung này luôn luôn xung chiếu với Cung Phu Thủ.

Trong trường hợp lập gia đình lần thứ hai, thứ ba....., thì phải nghiên cứu thêm Cung Nô Bộc và Cung Tử Tức nữa.

Trước hết đối với những bộ sát tinh Kình Dương, Đà La, Địa Không, Địa Kiếp, Linh

Tinh, Hỏa Tinh, nếu có ứng vào Cung Phu Thê cũng không hẳn là xấu. Nếu Cung này còn có những sao sáng sửa, tốt đẹp, lại chủ đức tính đoan trang như Tử Vi, Thiên Phủ, Thiên Khôi, Thiên Việt, Ân Quang, Thiên Quý, Tam Thai, Bát Tọa, Hóa Khoa, Hóa Quyền, Hóa Lộc, Thái Âm, Thái Dương đắc địa, Lộc Tồn, Đầu Quân, Vũ Khúc, Nguyệt Đức..... thì duyên nợ vợ chồng bất hòa, chia ly chỉ một thời gian ngắn, hoặc đời sống kinh tế gặp nhiều trở ngại, hoặc gặp thời cuộc phải bôn ba, hoặc hôn nhân trái với lẽ thường như lấy nhau mà vợ chồng có sự chênh lệch tuổi tác lớn, lấy chồng lấy vợ là người nước ngoài, đi nước ngoài dưới dạng hôn nhân.

Nếu những bộ sát tinh nói trên lại đi kèm với các chính tinh mang tính hoa nguyệt, chọi bời, lang thang, như Thiên Đồng, Thiên Lương ở Tỵ, Hợi; Phá Quân ở Thìn, Tuất; Tham Lang, Thất Sát ở Dần, Thân; Tham Lang ở Tý, Ngọ; Tham Lang ở Thìn, Tuất; Âm, Dương hâm địa; Liêm Trinh, Phá Quân ở Mão, Dậu; Liêm Trinh, Tham Lang đồng cung; Liêm Trinh, Thất Sát đồng cung..... thì đều diễn tả tình duyên lận đận, tử biệt sinh ly, xô xát, hành hạ nhau mà chia ly, hay ngoại tình.

Nếu Cung Phu Thê vô chính diệu, thì lấy Cung xung chiếu để mà xem.

Cách nhiều chồng hoặc nhiều vợ ở Cung Phu Thê gồm có các sao:

- Cự Môn, Hóa Kỵ hoặc Cự Môn hâm địa.
- Cự Môn với Linh Tinh, Hỏa Tinh.
- Phá Quân bị TUẦN, TRIỆT án ngữ.
- TUẦN, TRIỆT hoặc TUẦN TRIỆT đồng cung.
- Tả Phù, Hữu Bật đồng cung hoặc chiếu.
- Thất Sát ở Thìn, Tuất.
- Thiên Hình, Thiên Riêu, nhưng nếu Cung Mệnh hoặc Cung Thân có Vũ Khúc, thì cô độc, mối lái nhiều mà không có duyên nợ, người đứng đắn hoặc lấy nhau mà có sự chênh lệch tuổi tác, chồng nhỏ tuổi hơn vợ rất nhiều.
- Đào Hoa, Hồng Loan, Hóa Kỵ, Đà La.
- Thái Âm, Thái Dương hâm địa, với Tả Phù, Hữu Bật.
- Tham Lang, Đà La, Thiên Riêu.
- Cự Môn, Thiên Đồng, Thiên Riêu.
- Phá Quân ở Dần, Thân.

Các sao nói lên sự nể vợ, sợ vợ:

- Hóa Quyền hoặc có sao Thất Sát đắc địa, hoặc Thiên Tướng, Tướng Quân.
- Vũ Khúc mà lại thêm Hóa Quyền, Lộc Tồn.
- Tử Vi, Thiên Tướng đồng cung.

- Thân cự thê có Thái Âm đắc địa.
- Thiên Cơ đắc địa với Hóa Quyền.
- Hóa Quyền ở Cung Nô.
- Liêm Trinh, Thiên Tướng đồng cung với Kình Dương.

Vấn đề nể vợ, sợ vợ nói trên chỉ có tính cách đại cương, nếu Cung Phu Thê lại có Trường Sinh, Đế Vượng, Thiên Khôi, Thiên Việt, Thiên Quan, Thiên Phúc, Ân Quang, Thiên Quý, thì tuy người vợ tài giỏi, có uy quyền, nhưng vẫn thương chồng, nể chồng, vì đây là các bộ sao chủ quyền quý, nhân hậu, người có ý thức.

Ngoài ra, dù Cung Phu Thê có các sao nể vợ, sợ vợ như đã nói ở trên và Thân cự thê đi chǎng nữa, nhưng trong Cung Mệnh có Tam Thai, Bát Tọa, Tả Phù, Hữu Bật với Thanh Long, Mộc Dục với Thanh Long, Thiên Khôi, Thiên Việt, Thai Phụ, Phong Cáo, thì vợ chồng đối đai nhau rất là tương kính, nể trọng.

Cung Mệnh của mình vô chính diệu, chưa hẳn đã là nể vợ, sợ vợ, vì Cung Mệnh nếu có Tang Môn, Bạch Hổ, Tả Phù, Hữu Bật, Tam Thai, Bát Tọa, Thanh Long, Mộc Dục, thì người chồng vẫn có tính cương cường.

Cung Tý thuộc Hành Dương Thủy, là loại nước nóng, hướng chính Bắc, nên hợp với tuổi thuộc mạng Mộc, Thủy, Kim, khắc mạng Hỏa, mạng Thổ.

Cung Tý thuộc quẻ Khảm, về ngũ hành là Thủy, có biểu tượng và ý nghĩa là nước, chất lỏng, mưa, mặt trăng.

- Về người là con trai thứ, hoặc con trai giữa, tánh người thì khôn ngoan, thâm trầm, sắc bén, trí sâu, tánh dấu diếm, bí mật, chố hiểm hóc.
- Nếu đau bệnh thường ở vùng lỗ tai, máu huyết, thận, bong bóng, bàn tay.
- Làm ăn hợp tháng 11, mùa đông, phương Bắc.
- Hợp thức ăn loại hải sản, là con heo, con cá, trái cây có nước như trái dừa, rượu, quán cà phê.
- Hợp màu sắc đen.
- Về nhà cửa và nơi làm việc hợp nhà sàn ở gần sông, biển, rạch, nơi có nước, vị mặn, vùng có khí lạnh, hoặc vùng thờ nhân thần, tức là thờ những người khai quốc công thần.

Nếu có sao Linh Tinh, Hỏa Tinh, là người có sắc tướng nghiêm, quyết đoán, tánh tình đôi khi có sự khắc nghiệt, cô độc, có thương tật.

Nhưng nếu có sao Linh Tinh, Hỏa Tinh đứng giáp hai bên, tức là một sao ở Cung Hợi, một sao ở Cung Sửu, là tình duyên vất vả, ly hương, người hôn phối dễ gặp cảnh mồ côi, hoặc cô độc, xa cách người thân, gia đạo ly tán, sức khỏe kém, dễ lao lực, lao tâm, nếu không thì cũng có tật nguyền, trong người có thương tích.

Cung Sửu thuộc Âm Thổ, hợp mạng Hỏa, Thổ, mạng Kim. Khắc mạng Mộc, mạng Thủy. Nhưng bất luận tuổi nào, cần phải có sao Mộc thì mới tốt.

Cung Dần là Cung Dương Mộc, hợp mạng Mộc, mạng Hỏa, khắc mạng Thổ, mạng Thủy, mạng Kim, nếu có thành công thì cũng lấm gian nan. Người tuổi Đinh, tuổi Tân phát tài về ngành cơ khí, vận chuyển, công kỹ nghệ.

Cung Dần thuộc quẻ Cấn, về ngũ hành là Thổ, có biểu tượng và ý nghĩa là mây mù, hợp vùng đồi núi, nơi có đá.

- Về người tượng trưng cho con trai út, người giúp việc, bảo vệ, gác cổng, quản gia.
- Làm ăn hợp tháng Giêng, mùa xuân, hướng Đông Bắc, vùng có khí hậu ấm.
- Nếu có bệnh thường ở ngón tay, lỗ mũi, cái lưng, xương cốt, đau bao tử.
- Hợp màu sắc vàng, nâu.
- Hợp các loại thức ăn có vị ngọt, các loại lúa, đậu.
- Về nhà cửa và nơi làm việc hợp ở những nơi như chõ cùng tận, ngỏ tắt.
- Về súc vật là các loại như chó, cọp, chuột, beo.

Nếu có sao Bạch Hổ, Tham Lang, Liêm Trinh thì người hôn phối và mình hay gặp tai nạn xe cộ, súc vật cắn, duyên nợ trắc trở, hay có điều ai oán, tù đày, bệnh lao tổn.

Nếu có sao Địa Không, Địa Kiếp, tọa thủ, và xung chiếu, là hôn nhân trắc trở, hay gặp cảnh góa bụa, chắp nối.

Nếu có sao Linh Tinh, Hỏa Tinh, là người có sắc tướng nghiêm, quyết đoán, tánh tình đôi khi có sự khắc nghiệt.

Nhưng nếu có sao Linh Tinh, Hỏa Tinh đứng giáp hai bên, tức là một sao ở Cung Mão, một sao ở Cung Sửu, là cô độc, vất vả, ly hương, duyên nợ trắc trở, người hôn phối dễ gặp cảnh mồ côi, hoặc cô độc, xa cách người thân, gia đạo ly tán, sức khỏe kém, dễ lao lực, lao tâm, nếu không thì cũng có tật nguyền, trong người có thương tích.

Cung Mão là Cung Âm Mộc, hạp mạng Mộc, mạng Thủy, mạng Hỏa. Khắc mạng Kim, mạng Thổ. Bất luận tuổi gì, mạng đóng ở cung này thì phải bôn ba, đi xa mới thành công.

Cung Mão thuộc quẻ Chấn, về ngũ hành là Mộc, có biểu tượng và ý nghĩa là sấm sét.

- Là người trưởng nam, người có tay nghề khéo, thông minh. Dù nam hay nữ có Cung Mệnh đóng tại cung này thường vất vả buổi ban đầu, nay đây mai đó, dễ ly hương, xuất ngoại, đa tình, đa cảm.
- Hợp các ngành nghề có sự lưu động, công tác xa.
- Nếu đau bệnh thường gặp ở gan, mắt, gan, tóc, mật.
- Hợp tháng giêng, tháng hai, mùa xuân, hướng chánh Đông.
- Về súc vật là các loài rắn, các loại thú biết bay, bò sát.
- Thức ăn có vị chua, các món ăn thuộc đậu, hạt, các loại nấm mầm, hoặc củ.
- Về nhà cửa và nơi làm việc hợp các nơi đông đảo, phồn hoa, đô hội, chợ búa. Nơi có thời tiết nắng ấm.
- Về vật dụng là cái điện thoại, các loại đồ vật tạo ra âm thanh, cái lò bếp, ông táo.
- Về tinh thần là tình cảm nội bộ gia đình, người thân. Nên gặp Kình Dương, Đà La, Địa Không, Địa Kiếp, Linh Tinh, Hỏa Tinh là hôn nhân trắc trở, chắp nối, cô độc, nếu có lập gia đình thì gia đạo ly tán, có người mồ côi, cô độc, có thương tích, bất hòa, hay cãi nhau, duyên nợ chắp nối, góa bụa, số gian truân. Đời hay gặp sự đảo lộn bất ngờ ngoài dự tính.
- Hợp màu xanh lá cây.

Cung Thìn là Cung Dương Thổ, là loại đất nóng, hạp mạng Thổ, mạng Hỏa mạng Kim. Khắc mạng Mộc, mạng Thủy, rất cần Kình Dương làm kinh tế giỏi, mưu lược.

Cung Ty là Cung Âm Hỏa, hạp mạng Mộc, mạng Hỏa, mạng Thổ, khắc mạng Thủy, mạng Kim. Cung Mệnh ở cung này đáng sợ nhất là có Địa Không, Địa Kiếp đồng cung hoặc giáp Địa Không, Địa Kiếp. Nhưng tuổi Thìn, Tuất, được cách này thì làm giàu nhanh chóng, bôn ba xứ người.

Cung Ty thuộc quẻ Tốn, về ngũ hành là Mộc, có biểu tượng và ý nghĩa là Gió, cái quạt.

- Về người là con gái trưởng, tu sĩ, sản khoa, nhi khoa, khoa tâm thần, tâm lý.
- Hợp ngành nghề tiếp thị, quảng cáo, uốn tóc, thẩm mỹ, thủ công, làm mô hình, cho vay, bảo hiểm, nhà báo, viết văn, phóng viên, hay lưu động, đi xa.
- Về tính tình, là người có tính ngang bướng, hay thay đổi, có niềm tin về thần thánh, tôn giáo, có tư tưởng thoát trần, thích hợp những sinh hoạt tâm linh, huyền bí. Hợp các người có dáng cao, nhanh nhẹn.
- Nếu đau bịnh thường xuất hiện ở tứ chi, thần kinh, những bịnh về tim và máu.
- Làm ăn gì thì hợp vào khoảng thời gian giữa xuân sang hè, hướng Đông Nam.
- Hợp các loại vật dụng có hình thù dài như tre, trúc, cây thông, vải vóc, gậy đánh golf, billard.
- Thức ăn có vị chua, các món ăn thuộc loài gia cầm, rau trái.
- Hợp màu xanh lục.
- Nhà cửa, nơi làm việc hợp gần ngã tư, vùng có nhiều đường đi xen kẽ, giao nhau như bàn cờ, hoặc nhà cao tầng có nhiều hành lang, có vườn hoa, gần chùa, nhà thờ, miếu thần, đài tưởng niệm, vườn bách thú.

Nếu có sao Địa Không, Địa Kiếp đồng cung, là duyên nợ vất vả, chóng thành, chóng tan, góa bụa, chắp nối.

Nếu có sao Địa Không, Địa Kiếp đứng giáp hai bên, một sao ở Cung Ngọ, một sao ở Cung Thìn, là duyên nợ rất vất vả, góa bụa, cô độc, xa cách, ly hương, sanh ra đời đã gặp nhiều bất hạnh, đau yếu, mồ côi, cô độc, gia đạo ly tán, nếu không thì cũng có tật

nguyên, có thương tích.

Nếu có sao Linh Tinh, Hỏa Tinh, tánh tình đôi khi có sự khắc nghiệt. Hợp các nghề công nghệ tinh xảo, y học, bán quán.

Cung Ngọ là Cung Dương Hỏa, là loại lửa nóng, hạp mạng Hỏa, mạng Thổ. Khắc mạng Kim, mạng Thủy. Người mạng Mộc, tuy hạp nhưng đời hay gặp lầm chuyện trái ngang. Người mạng Thổ phát tài nhanh nhưng lầm tai nạn.

Cung Ngọ thuộc quẻ Ly, về ngũ hành là Hỏa, có biểu tượng và ý nghĩa là Lửa, điện, cầu vòng.

- Về người là con gái thứ, mắt có tướng lạ. Gặp sao Thái Dương giáp Linh Tinh, Hỏa Tinh, hay có bệnh về mắt, khoa nhän.
- Tánh tình nhạy cảm, thông minh, khiêm tốn. Vóc dáng sáng sủa.
- Nếu đau bệnh thường gặp ở mắt, bệnh tim mạch.
- Làm ăn gì thì hạp vào khoảng tháng 5, mùa hạ. Hợp hướng Nam.
- Nghề nghiệp thích hợp là văn học, nghệ thuật. Nếu có thêm Linh Tinh, Hỏa Tinh là nghề có liên quan đến hàng không, hàng hải.
- Thức ăn có vị đắng, các món ăn thuộc loài gia cầm, bò sát, các loại ở dưới nước như rùa, cua.
- Về nhà cửa, nơi làm việc hợp các nơi sáng sủa, nhiều cửa sổ. Đáng nhà cửa phía trên có hình nhọn, chớp nón, vùng đất của Long Thần, tức là vùng có thờ thần, hoặc mang tên đường người nữ linh thiêng. Ví dụ: nhà ở đường Hai Bà Trưng, Bùi Thị Xuân. Vùng thờ bà Chúa núi Sam, Bà Đen....
- Hợp màu đỏ, hồng.

Nếu có sao Linh Tinh, Hỏa Tinh đứng giáp hai bên, tức là một sao ở Cung Mùi, một sao ở Cung Ty, là duyên nợ vất vả, góa bụa, cô độc, chắp nối, ly hương, người hôn phối dễ gặp cảnh mồ côi, hoặc cô độc, xa cách người thân, gia đạo ly tán, sức khỏe kém, dễ lao lực, lao tâm, nếu không thì cũng có tật nguyên, trong người có thương tích.

Cung Mùi là Cung Âm Thổ, thuộc loại đất lạnh. Hợp mạng Hỏa, mạng Thổ, mạng Kim. Khắc mạng Mộc, mạng Thủy. Bất luận là tuổi gì đều phải có sao Mộc thì mới hay, bền vững.

Cung Thân là cung Dương Kim, thuộc loại Kim cứng, hợp mạng Kim, mạng Thủy, mạng Thổ. Khắc mạng Mộc, mạng Hỏa.

Cung Thân thuộc quẻ Khôn, về ngũ hành là Thổ, có biểu tượng và ý nghĩa là đất, sương, thôn dã.

- Về người là mẹ, người nữ lớn tuổi, người quản gia, người làm khoa sản, chăm sóc trẻ em, chủ nông trại, tánh tình hiền lành, nhu thuận, hay giúp đỡ người khác.
- Nếu đau bệnh thường gặp ở bộ phận tiêu hóa.
- Làm ăn gì thì hợp tháng 7, hướng Tây Nam, cuối hè sang thu, thời tiết ẩm, mát.
- Về súc vật là trâu, bò, gia súc.
- Về vật dụng, tĩnh vật là vải, ngũ cốc, các loại làm bằng đất, cái gối.
- Hợp màu sắc vàng, nâu, màu đất.
- Về mùi vị và thức ăn là đồ ngọt, các loại lòng gia súc, gia cầm, các loại củ.
- Về ngũ quan là cái miệng.
- Về nhà cửa và nơi làm việc hợp vùng thôn dã, hoặc nhà có vườn, có cây bao quanh, trang trại, dáng nhà hình vuông và thấp.

Nếu có sao Địa Không, Địa Kiếp, tọa thủ, và xung chiếu, là duyên nợ đến nhanh, tan nhanh, có lần xa cách, góá bựa, chắp nối, bất hòa.

Nếu có sao Linh Tinh, Hỏa Tinh, là người có sắc tướng nghiêm, quyết đoán, tánh tình đôi khi có sự khắc nghiệt, có tật nguyễn.

Nhưng nếu có sao Linh Tinh, Hỏa Tinh đứng giáp hai bên, tức là một sao ở Cung Dậu, một sao ở Cung Mùi, là duyên nợ vất vả, ly hương, góá bựa, cô độc, chắp nối, người hôn phối dễ gặp cảnh mồ côi, hoặc cô độc, xa cách người thân, gia đạo ly tán, sức khỏe kém, dễ lao lực, lao tâm, nếu không thì cũng có tật nguyễn, trong người có thương tích.

Cung Dậu là cung Âm Kim, thuộc loại Kim lỏng, hạp mạng Kim, mạng Thủy, mạng Thổ, khắc mạng Mộc, mạng Hỏa. Người tuổi Dậu nếu có sao Thiên Hình thì dễ bị tù, hoặc thời thế không thuận lợi cho mình.

Cung Dậu thuộc quẻ Đoài, về ngũ hành là Kim, có biểu tượng và ý nghĩa là mưa, trăng, sao, ao, đầm, bơi lội.

- Về người là con gái út, người nữ nhỏ tuổi, vợ nhở, người làm môi giới, người làm nghệ thuật, có tài năng, khéo tay, nghề tinh xảo, tánh tình vui vẻ, hòa thuận, hòa nhã, khéo ăn nói.
- Nếu đau bệnh thường gặp ở hệ hô hấp, tai, mũi, họng.
- Làm ăn gì thì hợp tháng 8, hướng chánh Tây, mùa thu, thời tiết mát.
- Về súc vật là con dê, con nai.
- Về vật dụng, tĩnh vật là con dao, các loại bình chứa nước như chén ăn cơm, tô canh, bình bát của khất sĩ.
- Hợp màu sắc trăng.
- Về mùi vị và thức ăn là đồ cay, các loại thức ăn có nước như cá lẩu, phở, hủ tíu.
- Về ngũ quan là cuống họng, đàm, hệ hô hấp.
- Về nhà cửa và nơi làm việc hợp ở những nơi có ao hồ, đầm lầy, thung lũng, giếng, rạch, sông, hòn non bộ, gần hồ bơi, rừng thiên nhiên, khu du lịch, thánh địa, giáo xứ.

Cung Tuất là Cung Dương Thổ, thuộc loại đất nóng. Hạp mạng Hỏa, mạng Thổ, mạng Kim; Khắc mạng Thủy, mạng Mộc.

Cung Hợi là Cung Âm Thủy, thuộc loại nước lạnh, nên nếu có Linh Tinh, Hỏa Tinh, thì làm nghề cơ điện lạnh, tạo gen di truyền, vi sinh vật, men, nấm, ủ, rất nổi tiếng. Hạp mạng Thủy, mạng Kim, mạng Mộc. Khắc mạng Hỏa, mạng Thổ.

Cung Hợi thuộc quẻ Càn, về ngũ hành là Kim, có biểu tượng và ý nghĩa là Trời, bầu trời, băng đá.

- Về người là cha, người đàn ông lớn tuổi, ông già, người lãnh đạo, người làm quan, trí

thức, trung trực, chuộng sự thông thái, tánh tình quả quyết nhưng độ lượng bao dung, hay làm phước.

- Nếu đau bệnh thường gặp ở hệ thần kinh, đầu, hệ hô hấp, mắt, xương, da, lông.
- Làm ăn gì thì hợp tháng 9 và tháng 10, hướng Tây Bắc, mùa đông.
- Về súc vật là voi, sư tử, ngựa, đua ngựa, nuôi ngựa, các loài chim.
- Về vật dụng, tinh vật là vàng ngọc, châu báu, cửa cải quý giá, các loại có hình tròn, hình cầu sáng bóng, hình bán nguyệt, vòng cung, cái gương soi hình tròn, vợt cầu lông, tennis, cây vợt, bóng bầu dục, bóng đá, bóng bàn, bóng rổ.
- Hợp màu sắc trắng.
- Về mùi vị và thức ăn là đồ cay, bánh canh, mì ống, các loại thịt, trái cây.
- Về ngũ quan là lỗ mũi.
- Về nhà cửa và nơi làm việc hợp ở vùng thủ đô, trung tâm thương mại, biệt thự, lầu cao, gần các dinh có chức quyền.

Nếu có sao Địa Không, Địa Kiếp đồng cung là duyên nợ trắc trở, góa bụa, chắp nối, cô độc, có lân xa cách.

Nếu có sao Địa Không, Địa Kiếp đứng giáp hai bên, một sao ở Cung Tuất, một sao ở Cung Tý là duyên nợ vất vả, ly hương, góa bụa, cô độc, chắp nối. Tình cảm ít khi nào được yên thân, người hôn phối mê côi, cô độc, xa cách người thân, nếu không như vậy cũng là người không có sức khỏe tốt, tiền bạc hay bị tiêu hao, nghề nghiệp không ổn định, hay thay đổi, ít ngồi yên tại chỗ, phải xoay trở, duyên nợ lận đận, hay gặp chuyện phiền lòng.

Phần Tổng Luận Cho Tử Tức



Nếu trong Cung Tử Tức có sao Nam Đẩu thì sinh con trai trước, nếu có sao Bắc Đẩu thì sinh con gái trước, nếu ở vào Cung Dương thì lẻ, Cung Âm thì chẵn.

- Tử Vi: 3 trai, 4 gái
- Thiên Cơ: 1 trai, 1 gái
- Thiên Tướng: 3 trai, 1 gái
- Tham Lang: 2 con

- Thái Âm: 3 gái, 2 trai
- Liêm Trinh: 1 con
- Cự Môn: 2 gái, 1 trai
- Thiên Phủ: 5 con

- Thất Sát: 3 trai
- Vũ Khúc: 2 trai
- Thái Dương: 3 trai, 2 gái
- Thiên Đồng: 4 con

- Văn Xương: 5 con
- Văn Khúc: 5 con
- Đà La: 1 con
- Kình Dương: 1 con
- Địa Kiếp: 1 con
- Thiên Không: 1 con
- Phá Quân: 3 con

Trên đây là lời luận giải tổng quát. Ngoài ra phải xem các sao có đắc địa và cùng các sao tốt xấu thế nào thì sự luận đoán mới chính xác. Cung Tử Tức thì phải xem cả số vợ hay chồng thì mới đúng nhất định vì con là của chung của cả hai vợ chồng.

Xem Cung Tử Tức để biết sự xấu tốt về số lượng ít nhiều, được nhờ con hay không, công danh con cái tốt hay xấu, sự tiếp nối dòng dõi như thế nào, có con hay không, con cái thọ hay yếu.

Khi xem Cung Tử Tức, phải nêu nhận định kỹ về Cung Mệnh, Cung Phúc Đức, Cung Nô Bộc và các cung Nhị Hợp.

Luôn luôn phải chú ý đến Cung xung chiếu là Cung Điền Trạch để phối hợp luận đoán.

Xem Cung Tử Tức là một việc thường khó khăn trong khoa Tử Vi, nên việc trình bày ở

trên chỉ có tính cách đại cương tổng quát, để làm tiêu chuẩn nhận định một cách tương đối mà thôi.

- ▣ Cung Tử Tức bị TUÂN, TRIỆT án ngữ thì bao giờ cũng nuôi con vất vả, do bệnh tật hoặc do thời cuộc, tính khí, sự tốt xấu tùy thuộc vào sao chính tinh tốt hay xấu.
- ▣ Các sao Trưởng Sinh, Mộc Dục, Quan Đới, Lâm Quan, ĐẾ Vượng, Dưỡng là các sao làm gia tăng số con.
- ▣ Các sao Thiên Khôi, Thiên Việt, Văn Xương, Văn Khúc, Tả Phù, Hữu Bật, Hóa Quyền, Hóa Khoa, Long Trì, Phượng Các, Thiên Đồng đắc địa ở Dần, Thân, Tý, Mão mà có thêm Nguyệt Đức, là các sao chủ con cái thành danh, sớm lập gia đình, có tài, dù có chơi bời cũng giữ được tính người, làm nên sự nghiệp.
- ▣ Các sao Tam Thai, Bát Tọa, Long Trì, Phượng Các, Ân Quang, Thiên Quý con cái dài các.
- ▣ Hỷ Thần đồng cung với sao Dưỡng. Là các sao chủ con cái thông minh, tài năng có nghiệp lớn, có đạo đức.
- ▣ Các sao Thiên Quan, Thiên Phúc, con cái tính tình độ lượng, nhân hậu, có tình người, nếu có Tấu Thư, Kình Dương, thì con cái có tài năng đặc biệt, có con nuôi, con đỡ đầu, con cầu tự.
- ▣ Các sao Kình Dương, Đà La, Địa Không, Địa Kiếp, Linh Tinh, Hỏa Tinh, Thiên Hình, Thiên Riêu, Lộc Tồn, Hóa Kỵ, Cô Thần, Quả Tú, sao Bệnh, Tử, Tuyệt, Thiên Khốc, Thiên Hư, Đại Hao, Tiểu Hao, Lưu Hà, Kiếp Sát, là các sao làm giảm số con, công danh con cái lận đận, nuôi con khó nhọc, bệnh tật, con cái đời gấp nhiều sự trắc trở.
- ▣ Sao Thai ở Cung Tử Tức hoặc hợp chiếu, hoặc Cung Mệnh, Cung Phúc, có sao Thai đồng cung hoặc chiếu, bao giờ cha mẹ cũng có người chiếu chung con cái.

Các trường hợp sau đây dễ có con dị bào, hoặc mình phải nuôi thêm con cháu trong nhà:

- Sao Thiên Tướng với sao Tuyệt.
- Thái Âm với Thiên Phúc.
- Cự Môn, Thiên Cơ đồng cung.
- Thiên Cơ, Thái Âm, Thiên Đồng, Thiên Lương.
- Tướng Quân, Phục Bình.
- Đế Vượng với sao Thai.

Cung Tử Tức vô chính diệu thì lấy Cung xung chiếu để mà xem.

Các sao Thái Dương đắc địa cùng với Ân Quang, Thiên Quý. Thái Âm, Thiên Đồng đồng cung ở Tý. Thiên Tướng đồng cung với Quan Đới. Thiên Lương đồng cung với Quan Đới. Tử Vi, Thiên Thủ đồng cung với Trưởng Sinh hoặc Đế Vượng. Hỷ Thần đồng cung với sao Trưởng Sinh hoặc Đế Vượng. Trưởng hợp gặp Thái Âm, Thái Dương, hâm địa, nhất là sao Thái Âm hâm địa tại Cung Tử Tức, nếu có Tang Môn, Ân Quang, Thiên Quý, là sinh con trai nhiều.

Cung Tử Tức ở Thìn, Tuất, Sửu, Mùi, có nhiều sao Thổ và một sao Mộc như Thiên Cơ, Thiên Lương, Tham Lang, gặp nhiều sao xấu. Hoặc là gặp Thiên Tướng ngộ TRIỆT ở Sửu, Mùi, nếu có sao Thổ như trên và một sao Mộc, có nhiều sao xấu, chỉ e sợ khi vợ đang mang thai mà mình đã tử nạn, hoặc gặp tai nạn đáng kinh sợ, nếu không thì cũng phải phá sản, lưu đày.

Cung Tý thuộc Hành Dương Thủy, là loại nước nóng, hướng chính Bắc, nên hợp với tuổi thuộc mạng Mộc, Thủy, Kim, khắc mạng Hỏa, mạng Thổ.

Cung Tý thuộc quẻ Khảm, về ngũ hành là Thủy, có biểu tượng và ý nghĩa là nước, chất lỏng, mưa, mặt trăng.

- Về người là con trai thứ, hoặc con trai giữa, tánh người thì khôn ngoan, thâm trầm, sắc bén, trí sâu, tánh dấu diếm, bí mật, chẽ hiểm hóc.
- Nếu đau bịnh thường ở vùng lỗ tai, máu huyết, thận, bong bóng, bàn tay.
- Làm ăn hợp tháng 11, mùa đông, phương Bắc.
- Hợp thức ăn loại hải sản, là con heo, con cá, trái cây có nước như trái dừa, rượu, quán cà phê.
- Hợp màu sắc đen.
- Về nhà cửa và nơi làm việc hợp nhà sàn ở gần sông, biển, rạch, nơi có nước, vị mặn, vùng có khí lạnh, hoặc vùng thờ nhân thần, tức là thờ những người khai quốc công thần.

Nếu có sao Linh Tinh, Hỏa Tinh, là muộn sanh con, hoặc có con hai dòng, có con nuôi, sanh nhiều nuôi ít, hư thai, có con bệnh tật, tự vận, yếu tử.

Cung Sửu thuộc Âm Thổ, hạp mạng Hỏa, Thổ, mạng Kim. Khắc mạng Mộc, mạng Thủy. Nhưng bất luận tuổi nào, cần phải có sao Mộc thì mới tốt.

Cung Dần là Cung Dương Mộc, hạp mạng Mộc, mạng Hỏa, khắc mạng Thổ, mạng Thủy, mạng Kim, nếu có thành công thì cũng lắm gian nan. Người tuổi Đinh, tuổi Tân phát tài về ngành cơ khí, vận chuyển, công kỹ nghệ.

Cung Dần thuộc quẻ Cấn, về ngũ hành là Thổ, có biểu tượng và ý nghĩa là mây mù, hạp vùng đồi núi, nơi có đá.

- Về người tượng trưng cho con trai út, người giúp việc, bảo vệ, gác cổng, quản gia.
- Làm ăn hợp tháng Giêng, mùa xuân, hướng Đông Bắc, vùng có khí hậu ấm.
- Nếu có bệnh thường ở ngón tay, lỗ mũi, cái lưng, xương cốt, đau bao tử.
- Hợp màu sắc vàng, nâu.
- Hợp các loại thức ăn có vị ngọt, các loại lúa, đậu.
- Về nhà cửa và nơi làm việc hợp ở những nơi như chõ cùng tận, ngỏ tắt.
- Về súc vật là các loại như chó, cọp, chuột, beo.

Nếu có sao Bạch Hổ, Tham Lang, Liêm Trinh thì con cái ra ngoài hay gặp tai nạn xe cộ, súc vật cắn, tù đày, bệnh lao tổn.

Nếu có sao Địa Không, Địa Kiếp, tọa thủ, và xung chiếu, là con cái sanh nhiều nuôi ít, con hai dòng, khó nuôi, có con nuôi, gia đạo bất hòa, con cái đau yếu, có thương tật.

Nếu có sao Linh Tinh, Hỏa Tinh, là muộn sanh con, hoặc có con hai dòng, có con nuôi, sanh nhiều nuôi ít, hư thai, có con bệnh tật, tự vận, yếu tử.

Cung Mão là Cung Âm Mộc, hạp mạng Mộc, mạng Thủy, mạng Hỏa. Khắc mạng Kim, mạng Thổ. Bất luận tuổi gì, mạng đóng ở cung này thì phải bôn ba, đi xa mới thành công.

Cung Mão thuộc quẻ Chấn, về ngũ hành là Mộc, có biểu tượng và ý nghĩa là sấm sét.

- Là người trưởng nam, người có tay nghề khéo, thông minh. Dù nam hay nữ có Cung

Mệnh đóng tại cung này thường vất vả buổi ban đầu, nay đây mai đó, dễ ly hương, xuất ngoại, đa tình, đa cảm.

- Hợp các ngành nghề có sự lưu động, công tác xa.
- Nếu đau bệnh thường gặp ở gan, mắt, gân, tóc, mật.
- Hợp tháng giêng, tháng hai, mùa xuân, hướng chánh Đông.
- Về súc vật là các loài rắn, các loại thú biết bay, bò sát.
- Thức ăn có vị chua, các món ăn thuộc đậu, hạt, các loại nấm mầm, hoặc củ.
- Về nhà cửa và nơi làm việc hợp các nơi đông đảo, phồn hoa, đô hội, chợ búa. Nơi có thời tiết nắng ấm.
- Về vật dụng là cái điện thoại, các loại đồ vật tạo ra âm thanh, cái lò bếp, ông táo.
- Về tinh thần là tình cảm nội bộ gia đình, người thân. Nên gặp Kình Dương, Đà La, Địa Không, Địa Kiếp, Linh Tinh, Hỏa Tinh là gia đạo ly tán, mồ côi, cô độc, có thương tích, bất hòa, hay cãi nhau, duyên nợ chắp nối, góa bụa, số gian truân. Đời hay gặp sự đảo lộn bất ngờ ngoài dự tính.
- Hợp màu xanh lá cây.

Cung Thìn là Cung Dương Thổ, là loại đất nóng, hạp mạng Thổ, mạng Hỏa mạng Kim. Khắc mạng Mộc, mạng Thủy, rất cần Kình Dương làm kinh tế giỏi, mưu lược.

Cung Ty là Cung Âm Hỏa, hạp mạng Mộc, mạng Hỏa, mạng Thổ, khắc mạng Thủy, mạng Kim. Cung Mệnh ở cung này đáng sợ nhất là có Địa Không, Địa Kiếp đồng cung hoặc giáp Địa Không, Địa Kiếp. Nhưng tuổi Thìn, Tuất, được cách này thì làm giàu nhanh chóng, bôn ba xứ người.

Cung Ty thuộc quẻ Tốn, về ngũ hành là Mộc, có biểu tượng và ý nghĩa là Gió, cái quạt.

- Về người là con gái trưởng, tu sĩ, sản khoa, nhi khoa, khoa tâm thần, tâm lý.
- Hợp ngành nghề tiếp thị, quảng cáo, uốn tóc, thẩm mỹ, thủ công, làm môi giới, cho vay, bảo hiểm, nhà báo, viết văn, phóng viên, hay lưu động, đi xa.

- Về tính tình, là người có tính ngang bướng, hay thay đổi, có niềm tin về thần thánh, tôn giáo, có tư tưởng thoát trần, thích hợp những sinh hoạt tâm linh, huyền bí. Hợp các người có dáng cao, nhanh nhẹn.
- Nếu đau bệnh thường xuất hiện ở tứ chi, thần kinh, những bệnh về tim và máu.
- Làm ăn gì thì hợp vào khoảng thời gian giữa xuân sang hè, hướng Đông Nam.
- Hợp các loại vật dụng có hình thù dài như tre, trúc, cây thông, vải vóc, gậy đánh golf, billard.
- Thức ăn có vị chua, các món ăn thuộc loài gia cầm, rau trái.
- Hợp màu xanh lục.
- Nhà cửa, nơi làm việc hợp gần ngã tư, vùng có nhiều đường đi xen kẽ, giao nhau như bàn cờ, hoặc nhà cao tầng có nhiều hành lang, có vườn hoa, gần chùa, nhà thờ, miếu thần, đài tưởng niệm, vườn bách thú.

Nếu có sao Địa Không, Địa Kiếp, tọa thủ đồng cung hoặc giáp hai bên là con cái sanh nhiều nuôi ít, con hai dòng, rất dễ không có con, khó nuôi, có con nuôi, gia đạo bất hòa, con cái đau yếu, có thương tật, tai nạn, yếu tử.

Nếu có sao Linh Tinh, Hỏa Tinh, là muộn sanh con, hoặc có con hai dòng, có con nuôi, sanh nhiều nuôi ít, hư thai, có con bệnh tật, tự vận, yếu tử.

Cung Ngọ là Cung Dương Hỏa, là loại lửa nóng, hợp mạng Hỏa, mạng Thổ. Khắc mạng Kim, mạng Thủy. Người mạng Mộc, tuy hợp nhưng đồi hay gặp lầm chuyện trái ngang. Người mạng Thổ phát tài nhanh nhưng lầm tai nạn.

Cung Ngọ thuộc quẻ Ly, về ngũ hành là Hỏa, có biểu tượng và ý nghĩa là Lửa, điện, cầu vòng.

- Về người là con gái thứ, mắt có tướng lạ. Gặp sao Thái Dương giáp Linh Tinh, Hỏa Tinh, hay có bệnh về mắt, khoa nhän.
- Tính tình nhạy cảm, thông minh, khiêm tốn. Vóc dáng sáng sủa.
- Nếu đau bệnh thường gặp ở mắt, bệnh tim mạch.

- Làm ăn gì thì hợp vào khoảng tháng 5, mùa hạ. Hợp hướng Nam.
- Nghề nghiệp thích hợp là văn học, nghệ thuật. Nếu có thêm Linh Tinh, Hỏa Tinh là nghề có liên quan đến hàng không, hàng hải.
- Thức ăn có vị đắng, các món ăn thuộc loài gia cầm, bò sát, các loại ở dưới nước như rùa, cua.
- Về nhà cửa, nơi làm việc hợp các nơi sáng sủa, nhiều cửa sổ. Đáng nhà cửa phía trên có hình nhọn, chóp nón, vùng đất của Long Thần, tức là vùng có thờ thần, hoặc mang tên đường người nữ linh thiêng. Ví dụ: nhà ở đường Hai Bà Trưng, Bùi Thị Xuân. Vùng thờ bà Chúa núi Sam, Bà Đen....
- Hợp màu đỏ, hồng.

Nếu có sao Linh Tinh, Hỏa Tinh đứng giáp hai bên, tức là một sao ở Cung Mùi, một sao ở Cung Ty, là số không con, muộn con, con có tướng lạ, con hai dòng, con nuôi, hay gặp tai nạn, tật nguyền.

Cung Mùi là Cung Âm Thổ, thuộc loại đất lạnh. Hợp mạng Hỏa, mạng Thổ, mạng Kim. Khắc mạng Mộc, mạng Thủy. Bất luận là tuổi gì đều phải có sao Mộc thì mới hay, bền vững.

Cung Thân là cung Dương Kim, thuộc loại Kim cứng, hợp mạng Kim, mạng Thủy, mạng Thổ. Khắc mạng Mộc, mạng Hỏa.

Cung Thân thuộc quẻ Khôn, về ngũ hành là Thổ, có biểu tượng và ý nghĩa là đất, sương, thôn dã.

- Về người là mẹ, người nữ lớn tuổi, người quản gia, người làm khoa sản, chăm sóc trẻ em, chủ nông trại, tính tình hiền lành, nhu thuận, hay giúp đỡ người khác.
- Nếu đau bệnh thường gặp ở bộ phận tiêu hóa.
- Làm ăn gì thì hợp tháng 7, hướng Tây Nam, cuối hè sang thu, thời tiết ấm, mát.
- Về súc vật là trâu, bò, gia súc.
- Về vật dụng, tĩnh vật là vải, ngũ cốc, các loại làm bằng đất, cái gối.

- Hợp màu sắc vàng, nâu, màu đất.
- Về mùi vị và thức ăn là đồ ngọt, các loại lòng gia súc, gia cầm, các loại củ.
- Về ngũ quan là cái miệng.
- Về nhà cửa và nơi làm việc hợp vùng thôn dã, hoặc nhà có vườn, có cây bao quanh, trang trí, dáng nhà hình vuông và thấp.

Nếu có sao Địa Không, Địa Kiếp, tọa thủ, và xung chiếu, là người bôn ba, đi xa, ra ngoài phải chật vật tranh đấu mới có, dễ có thương tích, tai nạn.

Nếu có sao Bạch Hổ, Tham Lang, Liêm Trinh thì con cái ra ngoài hay gặp tai nạn xe cộ, súc vật cắn, tù đày, bệnh lao tổn.

Nếu có sao Địa Không, Địa Kiếp, tọa thủ, và xung chiếu, là con cái sanh nhiều nuôi ít, con hai dòng, khó nuôi, có con nuôi, gia đạo bất hòa, con cái đau yếu, có thương tật.

Nếu có sao Linh Tinh, Hỏa Tinh, là muộn sanh con, hoặc có con hai dòng, có con nuôi, sanh nhiều nuôi ít, hư thai, có con bệnh tật, tự vận, yếu tử.

Cung Dậu là cung Âm Kim, thuộc loại Kim lỏng, hạp mạng Kim, mạng Thủy, mạng Thổ, khắc mạng Mộc, mạng Hỏa. Người tuổi Dậu nếu có sao Thiên Hình thì dễ bị tù, hoặc thời thế không thuận lợi cho mình.

Cung Dậu thuộc quẻ Đoài, về ngũ hành là Kim, có biểu tượng và ý nghĩa là mưa, trăng, sao, ao, đầm, bơi lội.

- Về người là con gái út, người nữ nhỏ tuổi, vợ nhở, người làm mô giới, người làm nghệ thuật, có tài năng, khéo tay, nghệ tinh xảo, tính tình vui vẻ, hòa thuận, hòa nhã, khéo ăn nói.
- Nếu đau bệnh thường gặp ở hệ hô hấp, tai, mũi, họng.
- Làm ăn gì thì hợp tháng 8, hướng chánh Tây, mùa thu, thời tiết mát.
- Về súc vật là con dê, con nai.
- Về vật dụng, tĩnh vật là con dao, các loại bình chứa nước như chén ăn cơm, tô canh, bình bát của khất sĩ.

- Hợp màu sắc trắng.
- Về mùi vị và thức ăn là đồ cay, các loại thức ăn có nước như cá lẩu, phở, hủ tíu.
- Về ngũ quan là cuống họng, đàm, hệ hô hấp.
- Về nhà cửa và nơi làm việc hợp ở những nơi có ao hồ, đầm lầy, thung lũng, giếng, rạch, sông, hòn non bộ, gần hồ bơi, rừng thiên nhiên, khu du lịch, thánh địa, giáo xứ.

Cung Tuất là Cung Dương Thổ, thuộc loại đất nóng. Hợp mạng Hỏa, mạng Thổ, mạng Kim; Khắc mạng Thủy, mạng Mộc.

Cung Hợi là Cung Âm Thủy, thuộc loại nước lạnh, nên nếu có Linh Tinh, Hỏa Tinh, thì làm nghề cơ điện lạnh, tạo gen di truyền, vi sinh vật, men, nấm, ủ, rất nổi tiếng. Hợp mạng Thủy, mạng Kim, mạng Mộc. Khắc mạng Hỏa, mạng Thổ.

Cung Hợi thuộc quẻ Càn, về ngũ hành là Kim, có biểu tượng và ý nghĩa là Trời, bầu trời, băng đá.

- Về người là cha, người đàn ông lớn tuổi, ông già, người lãnh đạo, người làm quan, trí thức, trung trực, chuộng sự thông thái, tánh tình quả quyết nhưng độ lượng bao dung, hay làm phước.
- Nếu đau bệnh thường gặp ở hệ thần kinh, đầu, hệ hô hấp, mắt, xương, da, lông.
- Làm ăn gì thì hợp tháng 9 và tháng 10, hướng Tây Bắc, mùa đông.
- Về súc vật là voi, sư tử, ngựa, đua ngựa, nuôi ngựa, các loài chim.
- Về vật dụng, tinh vật là vàng ngọc, châu báu, cửa cải quý giá, các loại có hình tròn, hình cầu sáng bóng, hình bán nguyệt, vòng cung, cái gương soi hình tròn, vợt cầu lông, tennis, cây vợt, bóng bầu dục, bóng đá, bóng bàn, bóng rổ.
- Hợp màu sắc trắng.
- Về mùi vị và thức ăn là đồ cay, bánh canh, mì ống, các loại thịt, trái cây.
- Về ngũ quan là lỗ mũi.

- Về nhà cửa và nơi làm việc hợp ở vùng thủ đô, trung tâm thương mại, biệt thự, lầu cao, gần các dinh có chức quyền.

Nếu có sao Địa Không, Địa Kiếp, tọa thủ đồng cung hoặc giáp hai bên là con cái sanh nhiều nuôi ít, con hai dòng, rất dễ không có con, khó nuôi, có con nuôi, gia đạo bất hòa, con cái đau yếu, có thương tật, tai nạn, yếu tử.

Nếu có sao Linh Tinh, Hỏa Tinh, là muộn sanh con, hoặc có con hai dòng, có con nuôi, sanh nhiều nuôi ít, hư thai, có con bệnh tật, tự vận, yếu tử.

Phần Tổng Luận Cho Phụ Mẫu



Khi luận giải về Cung Phụ Mẫu, ta còn phải phối hợp với các cung Tam Hợp, tức là phải xem thêm các Cung Nô, Tử, Ách để định đoán. Ngoài ra, còn phải chú ý đến bộ sao Thái Âm, Thái Dương, Thiên Lương, Thiên Cơ, tốt xấu như thế nào mới luận giải chính xác được.

Sao Thái Âm là biểu tượng của mẹ. Sao Thái Dương là biểu tượng của cha. Sao Thiên Lương là biểu tượng cả cha lẫn mẹ, nhưng nghiêng về tính cách, hạnh phúc hay ly tán sung sướng, hay là vất vả, giàu sang hay nghèo khổ.

Cung Phụ Mẫu dù có tốt đến mấy, mà sao Thiên Lương, Thái Dương, Thái Âm bị hung tinh xâm phạm, e cơ nghiệp của cha mẹ không bền hoặc do thời cuộc đưa đẩy, và có thể bị những tai nạn, bệnh tật khó chữa. Sao Thiên Lương, Thái Dương, Thái Âm ở bất luận cung nào cũng phải lưu ý đến để phối hợp thì sự luận giải mới có thể đúng được.

Do vậy, khi một đứa trẻ mới sinh ra đời, chỉ cần xem Cung Phụ Mẫu, Cung Phúc Đức, và các sao Thiên Lương, Thái Dương, Thái Âm, ta có thể dự đoán được cơ nghiệp của cha mẹ lên hay xuống, sự thọ yểu của cha mẹ và hạnh phúc lâu bền hay không.

Cung Tý thuộc Hành Dương Thủy, là loại nước nóng, hướng chính Bắc, nên hợp với tuổi thuộc mạng Mộc, Thủy, Kim, khắc mạng Hỏa, mạng Thổ.

Cung Tý thuộc quẻ Khảm, về ngũ hành là Thủy, có biểu tượng và ý nghĩa là nước, chất lỏng, mưa, mặt trăng.

- Về người là con trai thứ, hoặc con trai giữa, tính người thì khôn ngoan, thâm trầm, sắc bén, trí sâu, tính dấu diếm, bí mật, chố hiểm hóc.
- Nếu đau bệnh thường ở vùng lỗ tai, máu huyết, thận, bong bóng, bàn tay.
- Làm ăn hợp tháng 11, mùa đông, phương Bắc.
- Hợp thức ăn loại hải sản, là con heo, con cá, trái cây có nước như trái dừa, rượu, quán cà phê.
- Hợp màu sắc đen.
- Về nhà cửa và nơi làm việc hợp nhà sàn ở gần sông, biển, rạch, nơi có nước, vị mặn, vùng có khí lạnh, hoặc vùng thờ nhân thần, tức là thờ những người khai quốc công thần.

Nếu có sao Linh Tinh, Hỏa Tinh, là cha mẹ bất hòa, ưa quyết đoán, tính tình đôi khi có sự khắc nghiệt, cô độc, có thương tật.

Nhưng nếu có sao Linh Tinh, Hỏa Tinh đứng giáp hai bên, tức là một sao ở Cung Hợi, một sao ở Cung Sửu, là cha mẹ số vất vả, ly hương, dễ gặp cảnh mồ côi, hoặc cô độc, xa cách người thân, gia đạo ly tán, sức khỏe kém, dễ lao lực, lao tâm, nếu không thì cũng có tài nguyên, trong người có thương tích.

Cung Sửu thuộc Âm Thổ, hợp mạng Hỏa, Thổ, mạng Kim. Khắc mạng Mộc, mạng Thủy. Nhưng bất luận tuổi nào, cần phải có sao Mộc thì mới tốt.

Cung Dần là Cung Dương Mộc, hợp mạng Mộc, mạng Hỏa, khắc mạng Thổ, mạng Thủy, mạng Kim, nếu có thành công thì cũng lắm gian nan. Người tuổi Đinh, tuổi Tân phát tài về ngành cơ khí, vận chuyển, công kỹ nghệ.

Cung Dần thuộc quẻ Cấn, về ngũ hành là Thổ, có biểu tượng và ý nghĩa là mây mù, hợp vùng đồi núi, nơi có đá.

- Về người tượng trưng cho con trai út, người giúp việc, bảo vệ, gác cổng, quản gia.
- Làm ăn hợp tháng Giêng, mùa xuân, hướng Đông Bắc, vùng có khí hậu ấm.

- Nếu có bệnh thường ở ngón tay, lỗ mũi, cái lưng, xương cốt, đau bao tử.
- Hợp màu sắc vàng, nâu.
- Hợp các loại thức ăn có vị ngọt, các loại lúa, đậu.
- Về nhà cửa và nơi làm việc hợp ở những nơi như chò cung tận, ngõ tắt.
- Về súc vật là các loại như chó, cọp, chuột, beo.

Nếu có sao Bạch Hổ, Tham Lang, Liêm Trinh thì hay gặp tai nạn xe cộ, súc vật cắn, nuôι súc vật không có lợi, tù đày, bệnh lao tổn.

Nếu có sao Địa Không, Địa Kiếp, tọa thủ, và xung chiếu, là cha mẹ phải bôn ba, đi xa, ra ngoài phải chật vật tranh đấu mới có, có cha mẹ nuôi, chấp nối, mồ côi, không được ở gần, dễ có thương tích, tai nạn. Nếu có sao Linh Tinh, Hỏa Tinh, là người có sắc tướng nghiêm, quyết đoán, tánh tình đôi khi có sự khắc nghiệt.

Nhưng nếu có sao Linh Tinh, Hỏa Tinh đứng giáp hai bên, tức là một sao ở Cung Mão, một sao ở Cung Sửu, là cha mẹ số vất vả, ly hương, dễ gặp cảnh mồ côi, hoặc cô độc, xa cách người thân, gia đạo ly tán, sức khỏe kém, dễ lao lực, lao tâm, nếu không thì cũng có tật nguyền, trong người có thương tích.

Cung Mão là Cung Âm Mộc, hợp mạng Mộc, mạng Thủy, mạng Hỏa. Khắc mạng Kim, mạng Thổ. Bất luận tuổi gì, mạng đóng ở cung này thì phải bôn ba, đi xa mới thành công.

Cung Mão thuộc quẻ Chấn, về ngũ hành là Mộc, có biểu tượng và ý nghĩa là sấm sét.

- Là người trưởng nam, người có tay nghề khéo, thông minh. Dù nam hay nữ có Cung Mệnh đóng tại cung này thường vất vả buổi ban đầu, nay đây mai đó, dễ ly hương, xuất ngoại, đa tình, đa cảm.
- Hợp các ngành nghề có sự lưu động, công tác xa.
- Nếu đau bệnh thường gặp ở gan, mắt, gân, tóc, mật.
- Hợp tháng giêng, tháng hai, mùa xuân, hướng chánh Đông.
- Về súc vật là các loài rắn, các loại thú biết bay, bò sát.

- Thức ăn có vị chua, các món ăn thuộc đậu, hạt, các loại nẩy mầm, hoặc củ.
- Về nhà cửa và nơi làm việc hợp các nơi đông đảo, phồn hoa, đô hội, chợ búa. Nơi có thời tiết nắng ấm.
- Về vật dụng là cái điện thoại, các loại đồ vật tạo ra âm thanh, cái lò bếp, ông táo.
- Về tinh thần là tình cảm nội bộ gia đình, người thân. Nên gặp Kình Dương, Đà La, Địa Không, Địa Kiếp, Linh Tinh, Hỏa Tinh là gia đạo ly tán, mồ côi, cô độc, có thương tích, bất hòa, hay cãi nhau, duyên nợ chắp nối, góa bụa, số gian truân. Đời hay gặp sự đảo lộn bất ngờ ngoài dự tính.
- Hợp màu xanh lá cây.

Cung Thìn là Cung Dương Thổ, là loại đất nóng, hạp mạng Thổ, mạng Hỏa mạng Kim. Khắc mạng Mộc, mạng Thủy, rất cần Kình Dương làm kinh tế giỏi, mưu lược.

Cung Ty là Cung Âm Hỏa, hạp mạng Mộc, mạng Hỏa, mạng Thổ, khắc mạng Thủy, mạng Kim. Cung Mệnh ở cung này đáng sợ nhất là có Địa Không, Địa Kiếp đồng cung hoặc giáp Địa Không, Địa Kiếp. Nhưng tuổi Thìn, Tuất, được cách này thì làm giàu nhanh chóng, bôn ba xứ người.

Cung Ty thuộc quẻ Tốn, về ngũ hành là Mộc, có biểu tượng và ý nghĩa là Gió, cái quạt.

- Về người là con gái trưởng, tu sĩ, sản khoa, nhi khoa, khoa tâm thần, tâm lý.
- Hợp ngành nghề tiếp thị, quảng cáo, uốn tóc, thẩm mỹ, thủ công, làm mô hình, cho vay, bảo hiểm, nhà báo, viết văn, phóng viên, hay lưu động, đi xa.
- Về tính tình, là người có tính ngang bướng, hay thay đổi, có niềm tin về thần thánh, tôn giáo, có tư tưởng thoát trần, thích hợp những sinh hoạt tâm linh, huyền bí. Hợp các người có dáng cao, nhanh nhẹn.
- Nếu đau bệnh thường xuất hiện ở tứ chi, thần kinh, những bệnh về tim và máu.
- Làm ăn gì thì hợp vào khoảng thời gian giữa xuân sang hè, hướng Đông Nam.
- Hợp các loại vật dụng có hình thù dài như tre, trúc, cây thông, vải vóc, gậy đánh golf, billard.

- Thức ăn có vị chua, các món ăn thuộc loài gia cầm, rau trái.
- Hợp màu xanh lục.
- Nhà cửa, nơi làm việc hợp gần ngã tư, vùng có nhiều đường đi xen kẽ, giao nhau như bàn cờ, hoặc nhà cao tầng có nhiều hành lang, có vườn hoa, gần chùa, nhà thờ, miếu thần, đài tưởng niệm, vườn bách thú.

Nếu có sao Địa Không, Địa Kiếp đồng cung, là cha mẹ phải bôn ba, đi xa, ra ngoài phải chật vật tranh đấu mới có, có cha mẹ nuôi, chấp nối, mồ côi dễ có thương tích, tai nạn. Nhưng lại tốt cho các tuổi Thìn, Tuất, Sửu, Mùi.

Nếu có sao Địa Không, Địa Kiếp đứng giáp hai bên, một sao ở Cung Ngọ, một sao ở Cung Thìn, là cha mẹ, số rất vất vả, ly hương, sanh ra đời đã gặp nhiều bất hạnh, đau yếu, mồ côi, cô độc, gia đạo ly tán, nếu không thì cũng có tật nguyền, có thương tích.

Nếu có sao Linh Tinh, Hỏa Tinh, tánh tình đôi khi có sự khắc nghiệt. Hợp các nghề công nghệ tinh xảo, y học, bán quán.

Cung Ngọ là Cung Dương Hỏa, là loại lửa nóng, hạp mạng Hỏa, mạng Thổ. Khắc mạng Kim, mạng Thủy. Người mạng Mộc, tuy hạp nhưng đời hay gặp lầm chuyện trái ngang. Người mạng Thổ phát tài nhanh nhưng lầm tai nạn.

Cung Ngọ thuộc quẻ Ly, về ngũ hành là Hỏa, có biểu tượng và ý nghĩa là Lửa, điện, cầu vòng.

- Về người là con gái thứ, mắt có tướng lạ. Gặp sao Thái Dương giáp Linh Tinh, Hỏa Tinh, hay có bệnh về mắt, khoa nhãn.
- Tánh tình nhạy cảm, thông minh, khiêm tốn. Vóc dáng sáng sủa.
- Nếu đau bệnh thường gặp ở mắt, bệnh tim mạch.
- Làm ăn gì thì hạp vào khoảng tháng 5, mùa hạ. Hợp hướng Nam.
- Nghề nghiệp thích hợp là văn học, nghệ thuật. Nếu có thêm Linh Tinh, Hỏa Tinh là nghề có liên quan đến hàng không, hàng hải.
- Thức ăn có vị đắng, các món ăn thuộc loài gia cầm, bò sát, các loại ở dưới nước như

rùa, cua.

- Về nhà cửa, nơi làm việc hợp các nơi sáng sửa, nhiều cửa sổ. Dáng nhà cửa phía trên có hình nhọn, chóp nón, vùng đất của Long Thần, tức là vùng có thò th(___), hoặc mang tên đường người nữ linh thiêng. Ví dụ: nhà ở đường Hai Bà Trưng, Bùi Thị Xuân. Vùng thò bà Chúa núi Sam, Bà Đen...
- Hợp màu đỏ, hồng.

Nếu có sao Linh Tinh, Hỏa Tinh đứng giáp hai bên, tức là một sao ở Cung Mùi, một sao ở Cung Ty, là cha mẹ số vất vả, ly hương, dễ gặp cảnh mồ côi, hoặc cô độc, xa cách người thân, gia đạo ly tán, sức khỏe kém, dễ lao lực, lao tâm, nếu không thì cũng có tật nguyền, trong người có thương tích.

Cung Mùi là Cung Âm Thổ, thuộc loại đất lạnh. Hợp mạng Hỏa, mạng Thổ, mạng Kim. Khắc mạng Mộc, mạng Thủy. Bất luận là tuổi gì đều phải có sao Mộc thì mới hay, bền vững.

Cung Thân là cung Dương Kim, thuộc loại Kim cứng, hạp mạng Kim, mạng Thủy, mạng Thổ. Khắc mạng Mộc, mạng Hỏa.

Cung Thân thuộc quẻ Khôn, về ngũ hành là Thổ, có biểu tượng và ý nghĩa là đất, sương, thôn dã.

- Về người là mẹ, người nữ lớn tuổi, người quản gia, người làm khoa sản, chăm sóc trẻ em, chủ nông trại, tính tình hiền lành, nhu thuận, hay giúp đỡ người khác.
- Nếu đau bệnh thường gặp ở bộ phận tiêu hóa.
- Làm ăn gì thì hợp tháng 7, hướng Tây Nam, cuối hè sang thu, thời tiết ấm, mát.
- Về súc vật là trâu, bò, gia súc.
- Về vật dụng, tĩnh vật là vải, ngũ cốc, các loại làm bằng đất, cái gối.
- Hợp màu sắc vàng, nâu, màu đất.
- Về mùi vị và thức ăn là đồ ngọt, các loại lòng gia súc, gia cầm, các loại củ.
- Về ngũ quan là cái miệng.

- ⦿ Về nhà cửa và nơi làm việc hợp vùng thôn dã, hoặc nhà có vườn, có cây bao quanh, trang trại, dáng nhà hình vuông và thấp.

Nếu có sao Địa Không, Địa Kiếp, tọa thủ, và xung chiếu, là cha mẹ phải bôn ba, đi xa, ra ngoài phải chật vật tranh đấu mới có, có cha mẹ nuôi, chắp nối, dễ có thương tích, tai nạn.

Nếu có sao Linh Tinh, Hỏa Tinh, là người có sắc tướng nghiêm, quyết đoán, tánh tình đôi khi có sự khắc nghiệt.

Nhưng nếu có sao Linh Tinh, Hỏa Tinh đứng giáp hai bên, tức là một sao ở Cung Dậu, một sao ở Cung Mùi, là cha mẹ số vất vả, ly hương, dễ gặp cảnh mồ côi, hoặc cô độc, xa cách người thân, gia đạo ly tán, sức khỏe kém, dễ lao lực, lao tâm, nếu không thì cũng có tật nguyễn, trong người có thương tích.

Cung Dậu là cung Âm Kim, thuộc loại Kim lỏng, hạp mạng Kim, mạng Thủy, mạng Thổ, khắc mạng Mộc, mạng Hỏa. Người tuổi Dậu nếu có sao Thiên Hình thì dễ bị tù, hoặc thời thế không thuận lợi cho mình.

Cung Dậu thuộc quẻ Đoài, về ngũ hành là Kim, có biểu tượng và ý nghĩa là mưa, trăng, sao, ao, đầm, bơi lội.

- ⦿ Về người là con gái út, người nữ nhỏ tuổi, vợ nhở, người làm mô giới, người làm nghệ thuật, có tài năng, khéo tay, nghề tinh xảo, tánh tình vui vẻ, hòa thuận, hòa nhã, khéo ăn nói.
- ⦿ Nếu đau bệnh thường gặp ở hệ hô hấp, tai, mũi, họng.
- ⦿ Làm ăn gì thì hợp tháng 8, hướng chánh Tây, mùa thu, thời tiết mát.
- ⦿ Về súc vật là con dê, con nai.
- ⦿ Về vật dụng, tĩnh vật là con dao, các loại bình chứa nước như chén ăn cơm, tô canh, bình bát của khất sĩ.
- ⦿ Hợp màu sắc trắng.
- ⦿ Về mùi vị và thức ăn là đồ cay, các loại thức ăn có nước như cái lẩu, phở, hủ tíu.

- ⦿ Về ngũ quan là cuống họng, đàm, hệ hô hấp.
- ⦿ Về nhà cửa và nơi làm việc hợp ở những nơi có ao hồ, đầm lầy, thung lũng, giếng, rạch, sông, hòn non bộ, gần hồ bơi, rừng thiên nhiên, khu du lịch, thánh địa, giáo xứ.

Cung Tuất là Cung Dương Thổ, thuộc loại đất nóng. Hợp mạng Hỏa, mạng Thổ, mạng Kim; Khắc mạng Thủy, mạng Mộc.

Cung Hợi là Cung Âm Thủy, thuộc loại nước lạnh, nên nếu có Linh Tinh, Hỏa Tinh, thì làm nghề cơ điện lạnh, tạo gen di truyền, vi sinh vật, men, nấm, ủ, rất nổi tiếng. Hợp mạng Thủy, mạng Kim, mạng Mộc. Khắc mạng Hỏa, mạng Thổ.

Cung Hợi thuộc quẻ Càn, về ngũ hành là Kim, có biểu tượng và ý nghĩa là Trời, bầu trời, băng đá.

- ⦿ Về người là cha, người đàn ông lớn tuổi, ông già, người lãnh đạo, người làm quan, trí thức, trung trực, chuộng sự thông thái, tánh tình quả quyết nhưng độ lượng bao dung, hay làm phước.
- ⦿ Nếu đau bệnh thường gặp ở hệ thần kinh, đầu, hệ hô hấp, mắt, xương, da, lông.
- ⦿ Làm ăn gì thì hợp tháng 9 và tháng 10, hướng Tây Bắc, mùa đông.
- ⦿ Về súc vật là voi, sư tử, ngựa, đua ngựa, nuôi ngựa, các loài chim.
- ⦿ Về vật dụng, tinh vật là vàng ngọc, châu báu, cửa cải quý giá, các loại có hình tròn, hình cầu sáng bóng, hình bán nguyệt, vòng cung, cái gương soi hình tròn, vợt cầu lông, tennis, cây vợt, bóng bầu dục, bóng đá, bóng bàn, bóng rổ.
- ⦿ Hợp màu sắc trắng.
- ⦿ Về mùi vị và thức ăn là đồ cay, bánh canh, mì ống, các loại thịt, trái cây.
- ⦿ Về ngũ quan là lỗ mũi.
- ⦿ Về nhà cửa và nơi làm việc hợp ở vùng thủ đô, trung tâm thương mại, biệt thự, lầu cao, gần các dinh có chức quyền.

Nếu có sao Địa Không, Địa Kiếp đồng cung là cha mẹ bôn ba, đi xa, ra ngoài phải chật vật tranh đấu mới có, dễ có thương tích, tai nạn.

Nếu có sao Địa Không, Địa Kiếp đứng giáp hai bên, một sao ở Cung Tuất, một sao ở Cung Tý là cha mẹ số phải vất vả, ly hương, ít khi nào được yên thân, mồ côi, cô độc, xa cách người thân, nếu không như vậy cũng là người không có sức khỏe tốt, tiền bạc hay bị tiêu hao, nghề nghiệp không ổn định, hay thay đổi, ít ngồi yên tại chỗ, phải xoay trổ, duyên nợ lận đận, hay gặp chuyện phiền lòng.

Phần Tổng Luận Cho Huynh Đệ



Xem Cung Huynh Đệ để biết rõ số lượng anh em nhiều hay ít, hòa thuận hay không, thành danh hay lận đận, hạnh phúc hay là cô độc.

Sự luận giải về Cung Huynh Đệ thật là khó khăn, nên chỉ có chính xác tương đối, vì vậy số lượng anh em không liệt kê ở đây mà chỉ luận giải về tánh tình, sự nghiệp, tai nạn và sự quan hệ giữa mình và anh em như thế nào mà thôi.

Cung Huynh Đệ Vô Chính Diệu thì lấy cung xung chiếu để mà luận giải.

Khi xem luận giải các phần trên, thì cần lưu ý các điểm sau đây:

Nếu có sao Văn Xương, Văn Khúc tọa thủ hoặc chiếu hoặc giáp, thì số lượng anh em sẽ tăng thêm, anh em là người có học thức, có danh, ra ngoài cũng lăm bè bạn.

Có sao Thiên Khôi, Thiên Việt, anh chị em cao quý, danh giá, nên dù có người chơi bời, thì người đó cũng làm nê danh phận, có tính người.

Có sao Tả Phù, Hữu Bật, làm gia tăng số lượng anh em, có sự giúp đỡ lẫn nhau.

Có sao Lộc Tồn tức là Cung Mệnh của mình có sao Kình Dương, mình và anh em không hợp tính nhau, nếu ở xa thì giúp đỡ lẫn nhau.

Có sao Hóa Khoa, Hóa Quyền, Hóa Lộc, anh em khá giả, thông minh, có sự nghiệp.

Có sao Hóa Kỵ, anh em bất hòa, nếu không thì việc ai nấy làm và mình thường có sự bảo bọc cho họ nhiều hơn.

Có sao Đại Hao, Tiểu Hao, làm giảm số lượng anh em, anh em ly tán.

Có sao Hóa Lộc, Thiên Mã, gia tăng số lượng anh em, buôn bán làm giàu.

Có sao Tang Môn, Ân Quang, Thiên Quý, có anh chị em nuôi đỡ đầu, dù gặp Thái Âm, Thái Dương hâm địa vẫn có anh em trai.

Có sao Trưởng Sinh hoặc Đế Vượng hoặc Quan Đới hoặc Lâm Quan, thì số lượng anh em gia tăng.

Có sao Dưỡng với Linh Tinh, Hỏa Tinh có anh chị em nuôi, hoặc được cầu tự, hoặc trong nhà có người có sự thay đổi tên họ.

Có sao Tử, sao Tuyệt thì làm giảm số lượng anh em, trong nhà có người bệnh tật hoặc tai nạn trong đời.

Có một trong các sao Kình Dương, Đà La, Địa Không, Địa Kiếp, Linh Tinh, Hỏa Tinh, anh em dù có tài nhưng vẫn làm ăn chật vật, thăng trầm, có người tàn tật, cô độc.

Có sao Thái Dương, Thái Âm, sao Thai đồng cung hoặc Thái Dương, Thái Âm đi với Thiên Quan, Thiên Phúc có anh em sinh đôi.

Nếu Cung Huynh Đệ có sao Thái Tuế, không hẳn là anh em có sự xích mích, bất hòa, điều này lệ thuộc vào tính chất của chính tinh tọa thủ, sao Thái Tuế chủ cả đời mình có sự quan hệ mật thiết với anh em, tốt hay xấu đều thuộc vào chính tinh tọa thủ ở Cung Huynh Đệ với sao Thiên Cơ, Thiên Lương.

Công thức có độ số cao luận giải về anh em dị bào là:

- Cự Môn, Thiên Cơ đồng cung.
- Thiên Cơ, Thái Âm, Thiên Đồng, Thiên Lương cách.
- Tả Phù, Hữu Bật, Địa Không, Địa Kiếp, Văn Xương, Văn Khúc.
- Thiên Tướng với sao Tuyệt.
- Thái Âm với Thiên Phúc.
- Thai với Đế Vượng.
- Thiên Hỷ với sao Tuyệt.
- Phục Bình với Tướng Quân.

Cung Tý thuộc Hành Dương Thủy, là loại nước nóng, hướng chính Bắc, nên hợp với tuổi thuộc mạng Mộc, Thủy, Kim, khắc mạng Hỏa, mạng Thổ.

Cung Tý thuộc quẻ Khảm, về ngũ hành là Thủy, có biểu tượng và ý nghĩa là nước, chất lỏng, mưa, mặt trăng.

- Về người là con trai thứ, hoặc con trai giữa, tánh người thì khôn ngoan, thâm trầm, sắc bén, trí sâu, tánh dấu diếm, bí mật, chòi hiềm hóc.
- Nếu đau bệnh thường ở vùng lỗ tai, máu huyết, thận, bong bóng, bàn tay.
- Làm ăn hợp tháng 11, mùa đông, phương Bắc.
- Hợp thức ăn loại hải sản, là con heo, con cá, trái cây có nước như trái dừa, rượu, quán cà phê.
- Hợp màu sắc đen.
- Về nhà cửa và nơi làm việc hợp nhà sàn ở gần sông, biển, rạch, nơi có nước, vị mặn, vùng có khí lạnh, hoặc vùng thờ nhân thần, tức là thờ những người khai quốc công thần.

Nếu có sao Linh Tinh, Hỏa Tinh, là có anh, chị em có sắc tướng nghiêm, quyết đoán, tánh tình đôi khi có sự khắc nghiệt, cô độc, có thương tật.

Nhưng nếu có sao Linh Tinh, Hỏa Tinh đứng giáp hai bên, tức là một sao ở Cung Hợi, một sao ở Cung Sửu, là trong anh, chị em có số vất vả, ly hương, dễ gặp cảnh mồ côi, hoặc cô độc, xa cách người thân, gia đạo ly tán, sức khỏe kém, dễ lao lực, lao tâm, nếu không thì cũng có tật nguyền, trong người có thương tích.

Cung Sửu thuộc Âm Thổ, hợp mạng Hỏa, Thổ, mạng Kim. Khắc mạng Mộc, mạng Thủy. Nhưng bất luận tuổi nào, cần phải có sao Mộc thì mới tốt.

Cung Dần là Cung Dương Mộc, hợp mạng Mộc, mạng Hỏa, khắc mạng Thổ, mạng Thủy, mạng Kim, nếu có thành công thì cũng lắm gian nan. Người tuổi Đinh, tuổi Tân phát tài về ngành cơ khí, vận chuyển, công kỹ nghệ.

Cung Dần thuộc quẻ Cấn, về ngũ hành là Thổ, có biểu tượng và ý nghĩa là mây mù, hợp vùng đồi núi, nơi có đá.

- Về người tượng trưng cho con trai út, người giúp việc, bảo vệ, gác cổng, quản gia.

- Làm ăn hợp tháng Giêng, mùa xuân, hướng Đông Bắc, vùng có khí hậu ấm.
- Nếu có bệnh thường ở ngón tay, lỗ mũi, cái lưng, xương cốt, đau bao tử.
- Hợp màu sắc vàng, nâu.
- Hợp các loại thức ăn có vị ngọt, các loại lúa, đậu.
- Về nhà cửa và nơi làm việc hợp ở những nơi như chòi cùng tận, ngỏ tắt.
- Về súc vật là các loại như chó, cọp, chuột, beo.

Nếu có sao Bạch Hổ, Tham Lang, Liêm Trinh thì có anh, chị em hay gặp tai nạn xe cộ, súc vật cắn, nuôi súc vật không có lợi, tù đày, bệnh lao tổn.

Nếu có sao Địa Không, Địa Kiếp, tọa thủ, và xung chiếu, là có anh, chị em bôn ba, đi xa, ra ngoài phải chật vật tranh đấu mới có, dễ có thương tích, tai nạn. Nếu có sao Linh Tinh, Hỏa Tinh, là người có sắc tướng nghiêm, quyết đoán, tánh tình đôi khi có sự khắc nghiệt.

Nhưng nếu có sao Linh Tinh, Hỏa Tinh đứng giáp hai bên, tức là một sao ở Cung Mão, một sao ở Cung Sửu, là có anh chị em số vất vả, ly hương, dễ gặp cảnh mồ côi, hoặc cô độc, xa cách người thân, gia đạo ly tán, sức khỏe kém, dễ lao lực, lao tâm, nếu không thì cũng có tật nguyền, trong người có thương tích.

Cung Mão là Cung Âm Mộc, hạp mạng Mộc, mạng Thủy, mạng Hỏa. Khắc mạng Kim, mạng Thổ. Bất luận tuổi gì, mạng đóng ở cung này thì phải bôn ba, đi xa mới thành công.

Cung Mão thuộc quẻ Chấn, về ngũ hành là Mộc, có biểu tượng và ý nghĩa là sấm sét.

- Là người trưởng nam, người có tay nghề khéo, thông minh. Dù nam hay nữ có Cung Mệnh đóng tại cung này thường vất vả buổi ban đầu, nay đây mai đó, dễ ly hương, xuất ngoại, đa tình, đa cảm.
- Hợp các ngành nghề có sự lưu động, công tác xa.
- Nếu đau bệnh thường gặp ở gan, mắt, gân, tóc, mật.

- Hợp tháng giêng, tháng hai, mùa xuân, hướng chánh Đông.
- Về súc vật là các loài rắn, các loại thú biết bay, bò sát.
- Thức ăn có vị chua, các món ăn thuộc đậu, hạt, các loại nẩy mầm, hoặc củ.
- Về nhà cửa và nơi làm việc hợp các nơi đông đảo, phồn hoa, đô hội, chợ búa. Nơi có thời tiết nắng ấm.
- Về vật dụng là cái điện thoại, các loại đồ vật tạo ra âm thanh, cái lò bếp, ông táo.
- Về tinh thần là tình cảm nội bộ gia đình, người thân. Nên gặp Kình Dương, Đà La, Địa Không, Địa Kiếp, Linh Tinh, Hỏa Tinh là gia đạo ly tán, mồ côi, cô độc, có thương tích, bất hòa, hay cãi nhau, duyên nợ chắp nối, góa bụa, số gian truân. Đời hay gặp sự đảo lộn bất ngờ ngoài dự tính.
- Hợp màu xanh lá cây.

Cung Thìn là Cung Dương Thổ, là loại đất nóng, hạp mạng Thổ, mạng Hỏa mạng Kim. Khắc mạng Mộc, mạng Thủy, rất cần Kình Dương làm kinh tế giỏi, mưu lược.

Cung Ty là Cung Âm Hỏa, hạp mạng Mộc, mạng Hỏa, mạng Thổ, khắc mạng Thủy, mạng Kim. Cung Mệnh ở cung này đáng sợ nhất là có Địa Không, Địa Kiếp đồng cung hoặc giáp Địa Không, Địa Kiếp. Nhưng tuổi Thìn, Tuất, được cách này thì làm giàu nhanh chóng, bôn ba xứ người.

Cung Ty thuộc quẻ Tốn, về ngũ hành là Mộc, có biểu tượng và ý nghĩa là Gió, cái quạt.

- Về người là con gái trưởng, tu sĩ, sản khoa, nhi khoa, khoa tâm thần, tâm lý.
- Hợp ngành nghề tiếp thị, quảng cáo, uốn tóc, thẩm mỹ, thủ công, làm mô giới, cho vay, bảo hiểm, nhà báo, viết văn, phóng viên, hay lưu động, đi xa.
- Về tánh tình, là người có tính ngang bướng, hay thay đổi, có niềm tin về thần thánh, tôn giáo, có tư tưởng thoát trần, thích hợp những sinh hoạt tâm linh, huyền bí. Hợp các người có dáng cao, nhanh nhẹn.
- Nếu đau bệnh thường xuất hiện ở tứ chi, thần kinh, những bệnh về tim và máu.
- Làm ăn gì thì hạp vào khoảng thời gian giữa xuân sang hè, hướng Đông Nam.

- Hợp các loại vật dụng có hình thù dài như tre, trúc, cây thông, vải vóc, gậy đánh golf, billard.
- Thức ăn có vị chua, các món ăn thuộc loài gia cầm, rau trái.
- Hợp màu xanh lục.
- Nhà cửa, nơi làm việc hợp gần ngã tư, vùng có nhiều đường đi xen kẽ, giao nhau như bàn cờ, hoặc nhà cao tầng có nhiều hành lang, có vườn hoa, gần chùa, nhà thờ, miếu thần, đài tưởng niệm, vườn bách thú.

Nếu có sao Địa Không, Địa Kiếp đồng cung, là có anh, chị em bôn ba, đi xa, ra ngoài phải chật vật tranh đấu mới có, dễ có thương tích, tai nạn. Nhưng lại tốt cho các tuổi Thìn, Tuất, Sửu, Mùi.

Nếu có sao Địa Không, Địa Kiếp đứng giáp hai bên, một sao ở Cung Ngọ, một sao ở Cung Thìn, là có anh, chị em số rất vất vả, ly hương, sanh ra đời đã gặp nhiều bất hạnh, đau yếu, mồ côi, cô độc, gia đạo ly tán, nếu không thì cũng có tật nguyền, có thương tích.

Nếu có sao Linh Tinh, Hỏa Tinh, tánh tình đôi khi có sự khắc nghiệt. Hợp các nghề công nghệ tinh xảo, y học, bán quán.

Cung Ngọ là Cung Dương Hỏa, là loại lửa nóng, hạp mạng Hỏa, mạng Thổ. Khắc mạng Kim, mạng Thủy. Người mạng Mộc, tuy hạp nhưng đời hay gặp lầm chuyện trái ngang. Người mạng Thổ phát tài nhanh nhưng lầm tai nạn.

Cung Ngọ thuộc quẻ Ly, về ngũ hành là Hỏa, có biểu tượng và ý nghĩa là Lửa, điện, cầu vòng.

- Về người là con gái thứ, mắt có tướng lạ. Gặp sao Thái Dương giáp Linh Tinh, Hỏa Tinh, hay có bệnh về mắt, khoa nhăn.
- Tánh tình nhạy cảm, thông minh, khiêm tốn. Vóc dáng sáng sủa.
- Nếu đau bệnh thường gặp ở mắt, bệnh tim mạch.
- Làm ăn gì thì hạp vào khoảng tháng 5, mùa hạ. Hợp hướng Nam.
- Nghề nghiệp thích hợp là văn học, nghệ thuật. Nếu có thêm Linh Tinh, Hỏa Tinh là

nghề có liên quan đến hàng không, hàng hải.

- Thức ăn có vị đắng, các món ăn thuộc loài gia cầm, bò sát, các loại ở dưới nước như rùa, cua.
- Về nhà cửa, nơi làm việc hợp các nơi sáng sửa, nhiều cửa sổ. Đáng nhà cửa phía trên có hình nhọn, chóp nón, vùng đất của Long Thần, tức là vùng có thờ thần, hoặc mang tên đường người nữ linh thiêng. Ví dụ: nhà ở đường Hai Bà Trưng, Bùi Thị Xuân. Vùng thờ bà Chúa núi Sam, Bà Đen....
- Hợp màu đỏ, hồng.

Nếu có sao Linh Tinh, Hỏa Tinh đứng giáp hai bên, tức là một sao ở Cung Mùi, một sao ở Cung Ty, có anh chị em số vất vả, ly hương, dễ gặp cảnh mồ côi, hoặc cô độc, xa cách người thân, gia đạo ly tán, sức khỏe kém, dễ lao lực, lao tâm, nếu không thì cũng có tật guyên, trong người có thương tích.

Cung Mùi là Cung Âm Thổ, thuộc loại đất lạnh. Hợp mạng Hỏa, mạng Thổ, mạng Kim. Khắc mạng Mộc, mạng Thủy. Bất luận là tuổi gì đều phải có sao Mộc thì mới hay, bền vững.

Cung Thân là cung Dương Kim, thuộc loại Kim cứng, hợp mạng Kim, mạng Thủy, mạng Thổ. Khắc mạng Mộc, mạng Hỏa.

Cung Thân thuộc quẻ Khôn, về ngũ hành là Thổ, có biểu tượng và ý nghĩa là đất, sương, thôn dã.

- Về người là mẹ, người nữ lớn tuổi, người quản gia, người làm khoa sản, chăm sóc trẻ em, chủ nông trại, tính tình hiền lành, nhu thuận, hay giúp đỡ người khác.
- Nếu đau bệnh thường gặp ở bộ phận tiêu hóa.
- Làm ăn gì thì hợp tháng 7, hướng Tây Nam, cuối hè sang thu, thời tiết ẩm, mát.
- Về súc vật là trâu, bò, gia súc.
- Về vật dụng, tĩnh vật là vải, ngũ cốc, các loại làm bằng đất, cái gối.
- Hợp màu sắc vàng, nâu, màu đất.

- ⦿ Về mùi vị và thức ăn là đồ ngọt, các loại lòng gia súc, gia cầm, các loại củ.
- ⦿ Về ngũ quan là cái miệng.
- ⦿ Về nhà cửa và nơi làm việc hợp vùng thôn dã, hoặc nhà có vườn, có cây bao quanh, trang trí, dáng nhà hình vuông và thấp.

Nếu có sao Địa Không, Địa Kiếp, tọa thủ, và xung chiếu, là người bôn ba, đi xa, ra ngoài phải chật vật tranh đấu mới có, dễ có thương tích, tai nạn.

Nếu có sao Linh Tinh, Hỏa Tinh, là có anh, chị em có sắc tướng nghiêm, quyết đoán, tánh tình đôi khi có sự khắc nghiệt.

Nhưng nếu có sao Linh Tinh, Hỏa Tinh đứng giáp hai bên, tức là một sao ở Cung Dậu, một sao ở Cung Mùi, là có anh chị em số vất vả, ly hương, dễ gặp cảnh mồ côi, hoặc cô độc, xa cách người thân, gia đạo ly tán, sức khỏe kém, dễ lao lực, lao tâm, nếu không thì cũng có tật nguyền, trong người có thương tích.

Cung Dậu là cung Âm Kim, thuộc loại Kim lỏng, hợp mạng Kim, mạng Thủy, mạng Thổ, khắc mạng Mộc, mạng Hỏa. Người tuổi Dậu nếu có sao Thiên Hình thì dễ bị tù, hoặc thời thế không thuận lợi cho mình.

Cung Dậu thuộc quẻ Đoài, về ngũ hành là Kim, có biểu tượng và ý nghĩa là mưa, trăng, sao, ao, đầm, bơi lội.

- ⦿ Về người là con gái út, người nữ nhỏ tuổi, vợ nhỏ, người làm môi giới, người làm nghệ thuật, có tài năng, khéo tay, nghề tinh xảo, tánh tình vui vẻ, hòa thuận, hòa nhã, khéo ăn nói.
- ⦿ Nếu đau bệnh thường gặp ở hệ hô hấp, tai, mũi, họng.
- ⦿ Làm ăn gì thì hợp tháng 8, hướng chánh Tây, mùa thu, thời tiết mát.
- ⦿ Về súc vật là con dê, con nai.
- ⦿ Về vật dụng, tĩnh vật là con dao, các loại bình chứa nước như chén ăn cơm, tô canh, bình bát của khất sĩ.
- ⦿ Hợp màu sắc trắng.

- Về mùi vị và thức ăn là đồ cay, các loại thức ăn có nước như cái lẩu, phở, hủ tíu.
- Về ngũ quan là cuống họng, đàm, hệ hô hấp.
- Về nhà cửa và nơi làm việc hợp ở những nơi có ao hồ, đầm lầy, thung lũng, giếng, rạch, sông, hòn non bộ, gần hồ bơi, rừng thiêng nhiên, khu du lịch, thánh địa, giáo xứ.

Cung Tuất là Cung Dương Thổ, thuộc loại đất nóng. Hợp mạng Hỏa, mạng Thổ, mạng Kim; Khắc mạng Thủy, mạng Mộc.

Cung Hợi là Cung Âm Thủy, thuộc loại nước lạnh, nên nếu có Linh Tinh, Hỏa Tinh, thì làm nghề cơ điện lạnh, tạo gen di truyền, vi sinh vật, men, nấm, ủ, rất nổi tiếng. Hợp mạng Thủy, mạng Kim, mạng Mộc. Khắc mạng Hỏa, mạng Thổ.

Cung Hợi thuộc quẻ Càn, về ngũ hành là Kim, có biểu tượng và ý nghĩa là Trời, bầu trời, băng đá.

- Về người là cha, người đàn ông lớn tuổi, ông già, người lãnh đạo, người làm quan, trí thức, trung trực, chuộng sự thông thái, tánh tình quả quyết nhưng độ lượng bao dung, hay làm phước.
- Nếu đau bệnh thường gặp ở hệ thần kinh, đầu, hệ hô hấp, mắt, xương, da, lông.
- Làm ăn gì thì hợp tháng 9 và tháng 10, hướng Tây Bắc, mùa đông.
- Về súc vật là voi, sư tử, ngựa, đua ngựa, nuôi ngựa, các loài chim.
- Về vật dụng, tĩnh vật là vàng ngọc, châu báu, của cải quý giá, các loại cổ hình tròn, hình cầu sáng bóng, hình bán nguyệt, vòng cung, cái gương soi hình tròn, vợt cầu lông, tennis, cây vợt, bóng bầu dục, bóng đá, bóng bàn, bóng rổ.
- Hợp màu sắc trắng.
- Về mùi vị và thức ăn là đồ cay, bánh canh, mì ống, các loại thịt, trái cây.
- Về ngũ quan là lỗ mũi.
- Về nhà cửa và nơi làm việc hợp ở vùng thủ đô, trung tâm thương mại, biệt thự, lầu cao, gần các dinh có chức quyền.

Nếu có sao Địa Không, Địa Kiếp đồng cung là có người bôn ba, đi xa, ra ngoài phải chật vật tranh đấu mới có, dễ có thương tích, tai nạn.

Nếu có sao Địa Không, Địa Kiếp đứng giáp hai bên, một sao ở Cung Tuất, một sao ở Cung Tý là có anh, chị em số vất vả, ly hương, ít khi nào được yên thân, mồ côi, cô độc, xa cách người thân, nếu không như vậy cũng là người không có sức khỏe tốt, tiền bạc hay bị tiêu hao, nghề nghiệp không ổn định, hay thay đổi, ít ngồi yên tại chỗ, phải xoay trở, duyên nợ lận đận, hay gặp chuyện phiền lòng.

Phần Tổng Luận Cho Tật Ách



Do đó, trước khi luận giải về Cung Tật Ách, người xem phải nhận định rõ rệt 3 Cung Mệnh, Cung an Thân, Cung Phúc Đức, vì nếu những cung này có nhiều sao tốt và hợp với Mệnh của mình, thì tai nạn chỉ xảy đến nhẹ nhàng hoặc không có.

Ngoài ra, người xem còn phải lưu ý đến các Cung có ảnh hưởng gián tiếp như ở phần nói về Cung Tật Ách ở Cung Hợi, thì ngoài xem 3 Cung Mệnh, Cung an Thân, Cung Phúc Đức, còn phải lưu ý đến Cung Diền Trạch nữa.

Giải trừ được tai nạn hay bệnh tật, thì Cung Tật Ách cần có các sao sau đây, càng nhiều càng tốt: Tử Vi, Thiên Thủ, Thiên Lương, đều sáng sủa, Hóa Khoa, Hóa Quyền, Thiên Giải, Địa Giải, Hóa Lộc, Thiên Không, Phúc Đức, Thiên Đức, Nguyệt Đức, Long Đức, Thanh Long, TUẦN, TRIỆT án ngữ.

Cần lưu ý các sao làm gia tăng bệnh tật, đưa đến tai họa hoặc nguy hiểm: Liêm Trinh, Phá Quân, Tham Lang, Thiên Hình, Thiên Riêu, Địa Không, Địa Kiếp, Linh Tinh, Hỏa Tinh, Kình Dương, Đà La, Hóa Kỳ, Thiên Khốc, Thiên Hư, Tang Môn, Bạch Hổ, Thái Tuế, Quan Phù, Quan Phủ, Bệnh Phù, Đại Hao, Tiểu Hao, Phi Liêm, Thiên Việt, Thiên Mã hâm địa, Long Trì, Điều Khách Lưu Hà, Kiếp Sát, sao Bệnh, Sao Tử, sao Tuyệt, sao Mộc Dục, sao Dưỡng.

Cung Tý thuộc Hành Dương Thủy, là loại nước nóng, hướng chính Bắc, nên hợp với tuổi thuộc mạng Mộc, Thủy, Kim, khắc mạng Hỏa, mạng Thổ.

Cung Tý thuộc quẻ Khảm, về ngũ hành là Thủy, có biểu tượng và ý nghĩa là nước, chất lỏng, mưa, mặt trăng.

- Về người là con trai thứ, hoặc con trai giữa, tính người thì khôn ngoan, thâm trầm, sắc bén, trí sâu, tính dấu diếm, bí mật, chố hiểm hóc.
- Nếu đau bệnh thường ở vùng lỗ tai, máu huyết, thận, bong bóng, bàn tay.
- Làm ăn hợp tháng 11, mùa đông, phương Bắc.
- Hợp thức ăn loại hải sản, là con heo, con cá, trái cây có nước như trái dừa, rượu, quán cà phê.
- Hợp màu sắc đen.
- Về nhà cửa và nơi làm việc hợp nhà sàn ở gần sông, biển, rạch, nơi có nước, vị mặn, vùng có khí lạnh, hoặc vùng thờ nhân thần, tức là thờ những người khai quốc công thần.

Nếu có sao Linh Tinh, Hỏa Tinh, là người có sắc tướng nghiêm, quyết đoán, tánh tình đôi khi có sự khắc nghiệt, cô độc, có thương tật.

Nhưng nếu có sao Linh Tinh, Hỏa Tinh đứng giáp hai bên, tức là một sao ở Cung Hợi, một sao ở Cung Sửu, là số vất vả, ly hương, dễ gặp cảnh mồ côi, hoặc cô độc, xa cách người thân, gia đạo ly tán, sức khỏe kém, dễ lao lực, lao tâm, nếu không thì cũng có tật guyên, trong người có thương tích.

Cung Sửu thuộc Âm Thổ, hợp mạng Hỏa, Thổ, mạng Kim. Khắc mạng Mộc, mạng Thủy. Nhưng bất luận tuổi nào, cần phải có sao Mộc thì mới tốt.

Cung Dần là Cung Dương Mộc, hợp mạng Mộc, mạng Hỏa, khắc mạng Thổ, mạng Thủy, mạng Kim, nếu có thành công thì cũng lắm gian nan. Người tuổi Đinh, tuổi Tân phát tài về ngành cơ khí, vận chuyển, công kỹ nghệ.

Cung Dần thuộc quẻ Cấn, về ngũ hành là Thổ, có biểu tượng và ý nghĩa là mây mù, hợp vùng đồi núi, nơi có đá.

- Về người tượng trưng cho con trai út, người giúp việc, bảo vệ, gác cổng, quản gia.
- Làm ăn hợp tháng Giêng, mùa xuân, hướng Đông Bắc, vùng có khí hậu ấm.

- Nếu có bệnh thường ở ngón tay, lỗ mũi, cái lưng, xương cốt, đau bao tử.
- Hợp màu sắc vàng, nâu.
- Hợp các loại thức ăn có vị ngọt, các loại lúa, đậu.
- Về nhà cửa và nơi làm việc hợp ở những nơi như chò cung tận, ngõ tắt.
- Về súc vật là các loại như chó, cọp, chuột, beo.

Nếu có sao Bạch Hổ, Tham Lang, Liêm Trinh thì hay gặp tai nạn xe cộ, súc vật cắn, nuôi súc vật không có lợi, tù đày, bệnh lao tổn.

Nếu có sao Địa Không, Địa Kiếp, tọa thủ, và xung chiếu, là người bôn ba, đi xa, ra ngoài phải chật vật tranh đấu mới có, dễ có thương tích, tai nạn. Nếu có sao Linh Tinh, Hỏa Tinh, là người có sắc tướng nghiêm, quyết đoán, tánh tình đôi khi có sự khắc nghiệt.

Nhưng nếu có sao Linh Tinh, Hỏa Tinh đứng giáp hai bên, tức là một sao ở Cung Mão, một sao ở Cung Sửu, là số vất vả, ly hương, dễ gặp cảnh mồ côi, hoặc cô độc, xa cách người thân, gia đạo ly tán, sức khỏe kém, dễ lao lực, lao tâm, nếu không thì cũng có tật guyên, trong người có thương tích.

Cung Mão là Cung Âm Mộc, hợp mạng Mộc, mạng Thủy, mạng Hỏa. Khắc mạng Kim, mạng Thổ. Bất luận tuổi gì, mạng đóng ở cung này thì phải bôn ba, đi xa mới thành công.

Cung Mão thuộc quẻ Chấn, về ngũ hành là Mộc, có biểu tượng và ý nghĩa là sấm sét.

- Là người trưởng nam, người có tay nghề khéo, thông minh. Dù nam hay nữ có Cung Mệnh đóng tại cung này thường vất vả buổi ban đầu, nay đây mai đó, dễ ly hương, xuất ngoại, đa tình, đa cảm.
- Hợp các ngành nghề có sự lưu động, công tác xa.
- Nếu đau bệnh thường gặp ở gan, mắt, gân, tóc, mật.
- Hợp tháng giêng, tháng hai, mùa xuân, hướng chánh Đông.
- Về súc vật là các loài rắn, các loại thú biết bay, bò sát.

- Thức ăn có vị chua, các món ăn thuộc đậu, hạt, các loại nẩy mầm, hoặc củ.
- Về nhà cửa và nơi làm việc hợp các nơi đông đảo, phồn hoa, đô hội, chợ búa. Nơi có thời tiết nắng ấm.
- Về vật dụng là cái điện thoại, các loại đồ vật tạo ra âm thanh, cái lò bếp, ông táo.
- Về tinh thần là tình cảm nội bộ gia đình, người thân. Nên gặp Kình Dương, Đà La, Địa Không, Địa Kiếp, Linh Tinh, Hỏa Tinh là gia đạo ly tán, mồ côi, cô độc, có thương tích, bất hòa, hay cãi nhau, duyên nợ chắp nối, góa bụa, số gian truân. Đời hay gặp sự đảo lộn bất ngờ ngoài dự tính.
- Hợp màu xanh lá cây.

Cung Thìn là Cung Dương Thổ, là loại đất nóng, hạp mạng Thổ, mạng Hỏa mạng Kim. Khắc mạng Mộc, mạng Thủy, rất cần Kình Dương làm kinh tế giỏi, mưu lược.

Cung Ty là Cung Âm Hỏa, hạp mạng Mộc, mạng Hỏa, mạng Thổ, khắc mạng Thủy, mạng Kim. Cung Mệnh ở cung này đáng sợ nhất là có Địa Không, Địa Kiếp đồng cung hoặc giáp Địa Không, Địa Kiếp. Nhưng tuổi Thìn, Tuất, được cách này thì làm giàu nhanh chóng, bôn ba xứ người.

Cung Ty thuộc quẻ Tốn, về ngũ hành là Mộc, có biểu tượng và ý nghĩa là Gió, cái quạt.

- Về người là con gái trưởng, tu sĩ, sản khoa, nhi khoa, khoa tâm thần, tâm lý.
- Hợp ngành nghề tiếp thị, quảng cáo, uốn tóc, thẩm mỹ, thủ công, làm mô hình, cho vay, bảo hiểm, nhà báo, viết văn, phóng viên, hay lưu động, đi xa.
- Về tính tình, là người có tính ngang bướng, hay thay đổi, có niềm tin về thần thánh, tôn giáo, có tư tưởng thoát trần, thích hợp những sinh hoạt tâm linh, huyền bí. Hợp các người có dáng cao, nhanh nhẹn.
- Nếu đau bệnh thường xuất hiện ở tứ chi, thần kinh, những bệnh về tim và máu.
- Làm ăn gì thì hợp vào khoảng thời gian giữa xuân sang hè, hướng Đông Nam.
- Hợp các loại vật dụng có hình thù dài như tre, trúc, cây thông, vải vóc, gậy đánh golf, billard.

- Thức ăn có vị chua, các món ăn thuộc loài gia cầm, rau trái.
- Hợp màu xanh lục.
- Nhà cửa, nơi làm việc hợp gần ngã tư, vùng có nhiều đường đi xen kẽ, giao nhau như bàn cờ, hoặc nhà cao tầng có nhiều hành lang, có vườn hoa, gần chùa, nhà thờ, miếu thần, đài tưởng niệm, vườn bách thú.

Nếu có sao Địa Không, Địa Kiếp đồng cung, là người bôn ba, đi xa, ra ngoài phải chật vật tranh đấu mới có, dễ có thương tích, tai nạn. Nhưng lại tốt cho các tuổi Thìn, Tuất, Sửu, Mùi.

Nếu có sao Địa Không, Địa Kiếp đứng giáp hai bên, một sao ở Cung Ngọ, một sao ở Cung Thìn, là số rất vất vả, ly hương, sanh ra đời đã gặp nhiều bất hạnh, đau yếu, mồ côi, cô độc, gia đạo ly tán, nếu không thì cũng có tật nguyền, có thương tích.

Nếu có sao Linh Tinh, Hỏa Tinh, tánh tình đôi khi có sự khắc nghiệt. Hợp các nghề công nghệ tinh xảo, y học, bán quán.

Cung Ngọ là Cung Dương Hỏa, là loại lửa nóng, hạp mạng Hỏa, mạng Thổ. Khắc mạng Kim, mạng Thủy. Người mạng Mộc, tuy hạp nhưng đời hay gặp lầm chuyện trái ngang. Người mạng Thổ phát tài nhanh nhưng lầm tai nạn.

Cung Ngọ thuộc quẻ Ly, về ngũ hành là Hỏa, có biểu tượng và ý nghĩa là Lửa, điện, cầu vòng.

- Về người là con gái thứ, mắt có tướng lạ. Gặp sao Thái Dương giáp Linh Tinh, Hỏa Tinh, hay có bệnh về mắt, khoa nhãn.
- Tánh tình nhạy cảm, thông minh, khiêm tốn. Vóc dáng sáng sủa.
- Nếu đau bệnh thường gặp ở mắt, bệnh tim mạch.
- Làm ăn gì thì hạp vào khoảng tháng 5, mùa hạ. Hợp hướng Nam.
- Nghề nghiệp thích hợp là văn học, nghệ thuật. Nếu có thêm Linh Tinh, Hỏa Tinh là nghề có liên quan đến hàng không, hàng hải.
- Thức ăn có vị đắng, các món ăn thuộc loài gia cầm, bò sát, các loại ở dưới nước như rùa, cua.

- Về nhà cửa, nơi làm việc hợp các nơi sáng sửa, nhiều cửa sổ. Dáng nhà cửa phía trên có hình nhọn, chớp nón, vùng đất của Long Thần, tức là vùng có thờ thần, hoặc mang tên đường người nữ linh thiêng. Ví dụ: nhà ở đường Hai Bà Trưng, Bùi Thị Xuân. Vùng thờ bà Chúa núi Sam, Bà Đen....
- Hợp màu đỏ, hồng.

Nếu có sao Linh Tinh, Hỏa Tinh đứng giáp hai bên, tức là một sao ở Cung Mùi, một sao ở Cung Ty, là số vất vả, ly hương, dễ gặp cảnh mồ côi, hoặc cô độc, xa cách người thân, gia đạo ly tán, sức khỏe kém, dễ lao lực, lao tâm, nếu không thì cũng có tật nguyền, trong người có thương tích.

Cung Mùi là Cung Âm Thổ, thuộc loại đất lạnh. Hợp mạng Hỏa, mạng Thổ, mạng Kim. Khắc mạng Mộc, mạng Thủy. Bất luận là tuổi gì đều phải có sao Mộc thì mới hay, bền vững.

Cung Thân là cung Dương Kim, thuộc loại Kim cứng, hợp mạng Kim, mạng Thủy, mạng Thổ. Khắc mạng Mộc, mạng Hỏa.

Cung Thân thuộc quẻ Khôn, về ngũ hành là Thổ, có biểu tượng và ý nghĩa là đất, sương, thôn dã.

- Về người là mẹ, người nữ lớn tuổi, người quản gia, người làm khoa sản, chăm sóc trẻ em, chủ nông trại, tính tình hiền lành, nhu thuận, hay giúp đỡ người khác.
- Nếu đau bệnh thường gặp ở bộ phận tiêu hóa.
- Làm ăn gì thì hợp tháng 7, hướng Tây Nam, cuối hè sang thu, thời tiết ấm, mát.
- Về súc vật là trâu, bò, gia súc.
- Về vật dụng, tĩnh vật là vải, ngũ cốc, các loại làm bằng đất, cái gỗ.
- Hợp màu sắc vàng, nâu, màu đất.
- Về mùi vị và thức ăn là đồ ngọt, các loại lòng gia súc, gia cầm, các loại củ.
- Về ngũ quan là cái miệng.

- ⦿ Về nhà cửa và nơi làm việc hợp vùng thôn dã, hoặc nhà có vườn, có cây bao quanh, trang trại, dáng nhà hình vuông và thấp.

Nếu có sao Địa Không, Địa Kiếp, tọa thủ, và xung chiếu, là người bôn ba, đi xa, ra ngoài phải chật vật tranh đấu mới có, dễ có thương tích, tai nạn.

Nếu có sao Linh Tinh, Hỏa Tinh, là người có sắc tướng nghiêm, quyết đoán, tánh tình đôi khi có sự khắc nghiệt.

Nhưng nếu có sao Linh Tinh, Hỏa Tinh đứng giáp hai bên, tức là một sao ở Cung Dậu, một sao ở Cung Mùi, là số vất vả, ly hương, dễ gặp cảnh mồ côi, hoặc cô độc, xa cách người thân, gia đạo ly tán, sức khỏe kém, dễ lao lực, lao tâm, nếu không thì cũng có tật guyên, trong người có thương tích.

Cung Dậu là cung Âm Kim, thuộc loại Kim lỏng, hạp mạng Kim, mạng Thủy, mạng Thổ, khắc mạng Mộc, mạng Hỏa. Người tuổi Dậu nếu có sao Thiên Hình thì dễ bị tù, hoặc thời thế không thuận lợi cho mình.

Cung Dậu thuộc quẻ Đoài, về ngũ hành là Kim, có biểu tượng và ý nghĩa là mưa, trăng, sao, ao, đầm, bơi lội.

- ⦿ Về người là con gái út, người nữ nhở tuổi, vợ nhở, người làm môi giới, người làm nghệ thuật, có tài năng, khéo tay, nghề tinh xảo, tánh tình vui vẻ, hòa thuận, hòa nhã, khéo ăn nói.
- ⦿ Nếu đau bệnh thường gặp ở hệ hô hấp, tai, mũi, họng.
- ⦿ Làm ăn gì thì hợp tháng 8, hướng chánh Tây, mùa thu, thời tiết mát.
- ⦿ Về súc vật là con dê, con nai.
- ⦿ Về vật dụng, tĩnh vật là con dao, các loại bình chứa nước như chén ăn cơm, tô canh, bình bát của khất sĩ.
- ⦿ Hợp màu sắc trắng.
- ⦿ Về mùi vị và thức ăn là đồ cay, các loại thức ăn có nước như cái lẩu, phở, hủ tíu.
- ⦿ Về ngũ quan là cuống họng, đàm, hệ hô hấp.

- Về nhà cửa và nơi làm việc hợp ở những nơi có ao hồ, đầm lầy, thung lũng, giếng, rạch, sông, hòn non bộ, gần hồ bơi, rừng thiêng nhiên, khu du lịch, thánh địa, giáo xứ.

Cung Tuất là Cung Dương Thổ, thuộc loại đất nóng. Hợp mạng Hỏa, mạng Thổ, mạng Kim; Khắc mạng Thủy, mạng Mộc.

Cung Hợi là Cung Âm Thủy, thuộc loại nước lạnh, nên nếu có Linh Tinh, Hỏa Tinh, thì làm nghề cơ điện lạnh, tạo gen di truyền, vi sinh vật, men, nấm, ủ, rất nổi tiếng. Hợp mạng Thủy, mạng Kim, mạng Mộc. Khắc mạng Hỏa, mạng Thổ.

Cung Hợi thuộc quẻ Càn, về ngũ hành là Kim, có biểu tượng và ý nghĩa là Trời, bầu trời, băng đá.

- Về người là cha, người đàn ông lớn tuổi, ông già, người lãnh đạo, người làm quan, trí thức, trung trực, chuộng sự thông thái, tánh tình quả quyết nhưng độ lượng bao dung, hay làm phước.
- Nếu đau bịnh thường gặp ở hệ thần kinh, đầu, hệ hô hấp, mắt, xương, da, lông.
- Làm ăn gì thì hợp tháng 9 và tháng 10, hướng Tây Bắc, mùa đông.
- Về súc vật là voi, sư tử, ngựa, đua ngựa, nuôi ngựa, các loài chim.
- Về vật dụng, tinh vật là vàng ngọc, châu báu, cửa cải quý giá, các loại có hình tròn, hình cầu sáng bóng, hình bán nguyệt, vòng cung, cái gương soi hình tròn, vợt cầu lông, tennis, cây vợt, bóng bầu dục, bóng đá, bóng bàn, bóng rổ.
- Hợp màu sắc trắng.
- Về mùi vị và thức ăn là đồ cay, bánh canh, mì ống, các loại thịt, trái cây.
- Về ngũ quan là lỗ mũi.
- Về nhà cửa và nơi làm việc hợp ở vùng thủ đô, trung tâm thương mại, biệt thự, lầu cao, gần các dinh có chức quyền.

Nếu có sao Địa Không, Địa Kiếp đồng cung là người bôn ba, đi xa, ra ngoài phải chật vật tranh đấu mới có, dễ có thương tích, tai nạn.

Nếu có sao Địa Không, Địa Kiếp đứng giáp hai bên, một sao ở Cung Tuất, một sao ở

Cung Tý là số vất vả, ly hương, ít khi nào được yên thân, mồ côi, cô độc, xa cách người thân, nếu không như vậy cũng là người không có sức khỏe tốt, tiền bạc hay bị tiêu hao, nghề nghiệp không ổn định, hay thay đổi, ít ngồi yên tại chỗ, phải xoay trổ, duyên nợ lận đận, hay gặp chuyện phiền lòng.

Phần Tổng Luận Cho Điền Trạch



Xem Cung Điền Trạch để biết rõ nhà cửa, đất đai của mình tốt hay xấu, nhiều hay ít, dễ dàng tạo dựng hay khó khăn, tầm thường hay sang trọng, về già tồn tại hay trống tay.

Thứ hai, các từ ngữ thừa hưởng của tổ tiên, tiền nhân, ông bà, cha mẹ, không mang ý nghĩa thuần túy là nhà cửa, đất đai cụ thể mà còn mang ý nghĩa được thừa hưởng tiền bạc, vật liệu, đồ đạc, và nhất là tay nghề, tổ nghiệp của dòng họ, ông bà cha mẹ mình có thể tiếp nối.

Cung Điền Trạch nằm tại các Cung Dần, Thân, Ty, Hợi và Tý, Ngọ cần phải lưu ý nếu có các sao Địa Không, Địa Kiếp, Linh Tinh, Hỏa Tinh hội tụ, thì sự nghiệp nhà cửa lên xuống rất mạnh, đôi khi có sự trống tay, chúng còn diễn tả những người sống trong gia đình mang những bệnh tật tai nạn về tình cảm, thiên tai... làm cho mất mát khá nhiều.

Trong trường hợp Cung Điền Trạch là cung Vô Chính Diệu, tức bốn mạng không được thừa hưởng tổ nghiệp mà phải tự tay gầy dựng, nhưng nếu có Tang Môn, Ân Quang, Thiên Quý, Thái Âm, Thái Dương chiếu, thì vẫn được thừa hưởng.

Cung Điền Trạch mà bị sao TUẤN, TRIỆT đóng án ngữ, bất luận sao chính tinh tốt hay xấu đều phải trước khó sau dễ, phải bôn ba nơi xứ người.

Cung Điền Trạch là cung Vô Chính Diệu, nếu có TUẤN TRIỆT án ngữ mà có Thái Âm, Thái Dương xung chiếu hay hợp chiếu thì trước khó sau dễ, càng về già thì lại càng có nhiều nhà đất.

Bộ sao Ân Quang, Thiên Quý, Tử Vi, Thiên Phủ, Tang Môn, Cự Môn, Cô Thần, Quả Tú, là các bộ sao chủ lực để nhận định sự thừa hưởng gia tài.

Bộ sao Kình Dương, Đà La, là bộ sao chủ lực không thừa hưởng gia tài, nếu có thừa hưởng thì cơ nghiệp của ông bà, cha mẹ phải mất mát rất nhiều mới đến tay mình, nếu thêm sao Dưỡng, sao Mộ là đất đai bị tước đoạt, lấn chiếm, mà còn phải bão bọc cho người thân.

Nếu thêm bộ sao Địa Không, Địa Kiếp, Linh Tinh, Hỏa Tinh, Thiên Hình, Thiên Riêu thì chẳng những không được hưởng gia tài mà nội bộ gia đình có sự tranh chấp, đối kháng rất nhiều, gắp rắc rối, rủi ro về xây dựng, gắp thiên tai, giấy tờ chủ quyền lủng củng.

Bộ sao Linh Tinh, Hỏa Tinh chỉ phù trợ khi Cung Điện Trạch có các sao chính tinh Vũ Khúc, Tham Lang làm cho tốt đẹp thêm lên.

Cung Điện Trạch có Văn Xương, Văn Khúc, Tả Phù, Hữu Bật, thì mua bán nhà đất dễ dàng, có nhiều nhà đất cho thuê, mô hình của các bộ sao này là nhà chung cư, cao tầng có nhiều phòng ốc.

Nhà cửa có đẹp đẽ, uy nghi, bề thế lớn lao, ngoài Cung Điện Trạch phải xem thêm Cung Tài Bạch, nếu có Tử Vi, Thiên Phủ, Thiên Cơ, Thất Sát, Thái Âm, Thái Dương, Cự Môn, Tả Phù, Hữu Bật, Thiên Khôi, Thiên Việt, Tam Thai, Bát Tọa, Cô Thần, Quả Tú, Long Trì, Phượng Các, Hóa Khoa, Hóa Quyền, Hóa Lộc, Văn Xương, Văn Khúc, Ân Quang, Thiên Quý, càng có nhiều sao nói trên hội tụ càng nhiều nhà cửa giàu có.

Sao Tả Phù, Hữu Bật, là sao chủ lực nói lên đất đai, ruộng nương rất nhiều.

Sao Tam Thai, Bát Tọa, Long Trì, Phượng Các là sao chủ lực diễn tả nhà cửa đẹp đẽ, uy nghi bề thế, đồ đặc trong nhà toàn đồ đất tiền, vị trí nhà cửa nằm ở chỗ tốt, chung quanh chòm xóm, láng giềng là người có chức, danh tiếng.

Sao chủ lực về cầm giữ nhà đất vững vàng là sao Đầu Quân, Cô Thần, Quả Tú, Lộc Tồn, Hóa Kỵ, Sao Tử.

Bộ sao Ân Quang, Thiên Quý, Thiên Quan, Thiên Phúc, Thanh Long, Long Trì, là bộ sao chủ lực nhà cửa nằm ở vị trí khu vực mưa thuận gió hòa, pháp luật yên ổn, tránh được nhiều thiên tai, địch họa, đôi khi lại mua thêm được nhiều nhà đất kế cận.

Bộ sao chủ lực về nhà cửa tầm thường, mục nát, xiêu vẹo, nhà cửa không vuông vức, là các sao, Vũ Khúc bị TUÂN TRIỆT án ngữ, Thiên Khốc, Thiên Hư, Kình Dương, Đà La, Kiếp Sát, Linh Tinh, Hỏa Tinh.

Cung Tý thuộc Hành Dương Thủy, là loại nước nóng, hướng chính Bắc, nên hợp với tuổi thuộc mạng Mộc, Thủy, Kim, khắc mạng Hỏa, mạng Thổ.

Nếu có sao Linh Tinh, Hỏa Tinh, có nhà đất của tiền nhân để lại, nhưng sau cũng phải phá tán, hay lìa bỏ đi lập nghiệp ở nơi xa.

Nhưng nếu có sao Linh Tinh, Hỏa Tinh đứng giáp hai bên, tức là một sao ở Cung Hợi, một sao ở Cung Sửu, là tạo dựng nhà cửa vất vả, nội bộ gia đạo bất hòa, có người yếu tử, đau yếu, tật nguyền, dễ có hỏa hoạn.

Trong Hậu Thiên Bát Quái Cung Tý thuộc quẻ Khảm. Về ngũ hành quẻ Khảm thuộc Thủy, có những biểu tượng và ý nghĩa như sau:

- Về thiên nhiên là nước, chất lỏng, mưa, mặt trăng.
- Về người là con trai thứ, hoặc con trai giữa, tính người thì khôn ngoan, thâm trầm, sắc bén, trí sâu, tính dấu diếm, bí mật, chớ hiềm hóc.
- Nếu đau bệnh thường ở vùng lỗ tai, máu huyết, thận, bong bóng, bàn tay.
- Làm ăn hợp tháng 11, mùa đông, phương Bắc.
- Hợp thức ăn loại hải sản, là con heo, con cá, trái cây có nước như trái dừa, rượu, quán cà phê.
- Hợp màu sắc đen.
- Về nhà cửa và nơi làm việc hợp nhà sàn ở gần sông, biển, rạch, nơi có nước, vị mặn, vùng có khí lạnh, hoặc vùng thờ nhân thần, tức là thờ những người khai quốc công thần.

Cung Sửu thuộc Âm Thổ, hợp mạng Hỏa, Thổ, mạng Kim. Khắc mạng Mộc, mạng Thủy. Nhưng bất luận tuổi nào, cần phải có sao Mộc thì mới tốt.

Cung Dần là Cung Dương Mộc, hợp mạng Mộc, mạng Hỏa, khắc mạng Thổ, mạng Thủy, mạng Kim, nếu có thành công thì cũng lắm gian nan. Người tuổi Đinh, tuổi Tân phát tài về ngành cơ khí, vận chuyển, công kỹ nghệ.

Nếu có sao Địa Không, Địa Kiếp, tọa thủ, và xung chiếu, là mua sắm nhà đất dễ dàng, nhanh chóng, nhưng bán cũng nhanh, nhà thuê, cầm cố.

Nhưng nếu có sao Linh Tinh, Hỏa Tinh đứng giáp hai bên, tức là một sao ở Cung Mão, một sao ở Cung Sửu, là tạo dựng nhà cửa vất vả, nội bộ gia đạo bất hòa, có người yếu tử, đau yếu, tật nguyền, dễ có hỏa hoạn, khó có nơi ăn chốn ở ổn định.

Trong Hậu Thiên Bát Quái Cung Dần thuộc quẻ Cấn. Về ngũ hành Quẻ Cấn thuộc Thổ, có những biểu tượng và ý nghĩa như sau:

- Về thiên nhiên là mây mù, hạp vùng đồi núi, nơi có đá.
- Về người tượng trưng cho con trai út, người giúp việc, bảo vệ, gác cổng, quản gia.
- Làm ăn hợp tháng Giêng, mùa xuân, hướng Đông Bắc, vùng có khí hậu ấm.
- Nếu có bệnh thường ở ngón tay, lỗ mũi, cái lưng, xương cốt, đau bao tử.
- Hợp màu sắc vàng, nâu.
- Hợp các loại thức ăn có vị ngọt, các loại lúa, đậu.
- Về nhà cửa và nơi làm việc hợp ở những nơi như chõ cùng tận, ngỏ tắt.
- Về súc vật là các loại như chó, cọp, chuột, beo.

Cung Mão là Cung Âm Mộc, hạp mạng Mộc, mạng Thủy, mạng Hỏa. Khắc mạng Kim, mạng Thổ. Bất luận tuổi gì, mạng đóng ở cung này thì phải bôn ba, đi xa mới thành công.

Trong Hậu Thiên Bát Quái Cung Mão thuộc quẻ Chấn. Về ngũ hành Quẻ Chấn thuộc Mộc, có những biểu tượng và ý nghĩa như sau:

- Về thiên nhiên là sấm sét.
- Là người trưởng nam, người có tay nghề khéo, thông minh. Dù nam hay nữ có Cung Mệnh đóng tại cung này thường vất vả buổi ban đầu, nay đây mai đó, dễ ly hương, xuất ngoại, đa tình, đa cảm.
- Hợp các ngành nghề có sự lưu động, công tác xa.
- Nếu đau bệnh thường gặp ở gan, mắt, gân, tóc, mật.

- Hợp tháng giêng, tháng hai, mùa xuân, hướng chánh Đông.
- Về súc vật là các loài rắn, các loại thú biết bay, bò sát.
- Thức ăn có vị chua, các món ăn thuộc đậu, hạt, các loại nẩy mầm, hoặc củ.
- Về nhà cửa và nơi làm việc hợp các nơi đông đảo, phồn hoa, đô hội, chợ búa. Nơi có thời tiết nắng ấm.
- Về vật dụng là cái điện thoại, các loại đồ vật tạo ra âm thanh, cái lò bếp, ông táo.
- Về tinh thần là tình cảm nội bộ gia đình, người thân. Nên gặp Kình Dương, Đà La, Địa Không, Địa Kiếp, Linh Tinh, Hỏa Tinh là gia đạo ly tán, mồ côi, cô độc, có thương tích, bất hòa, hay cãi nhau, duyên nợ chắp nối, góa bụa, số gian truân. Đời hay gặp sự đảo lộn bất ngờ ngoài dự tính.
- Hợp màu xanh lá cây.

Cung Thìn là Cung Dương Thổ, là loại đất nóng, hạp mạng Thổ, mạng Hỏa mạng Kim. Khắc mạng Mộc, mạng Thủy, rất cần Kình Dương làm kinh tế giỏi, mưu lược.

Cung Ty là Cung Âm Hỏa, hạp mạng Mộc, mạng Hỏa, mạng Thổ, khắc mạng Thủy, mạng Kim. Cung Mệnh ở cung này đáng sợ nhất là có Địa Không, Địa Kiếp đồng cung hoặc giáp Địa Không, Địa Kiếp. Nhưng tuổi Thìn, Tuất, được cách này thì làm giàu nhanh chóng, bôn ba xứ người.

Nếu có sao Địa Không, Địa Kiếp đồng cung, là nhà đất mua nhanh, bán nhanh, càng ngày càng suy kém.

Nếu có sao Địa Không, Địa Kiếp đứng giáp hai bên, một sao ở Cung Ngọ, một sao ở Cung Thìn, là không có nhà đất, ly hương, phải tạo dựng ở nơi xa, nhưng cũng không ổn định, nay có mai không, hay gặp sự trắc trở, phiền nhiễu, rủi ro.

Trong Hậu Thiên Bát Quái Cung Ty thuộc quẻ Tốn. Về ngũ hành Quẻ Tốn thuộc Mộc, có những biểu tượng và ý nghĩa như sau:

- Về thiên nhiên là Gió.
- Về người là con gái trưởng, tu sĩ, sản khoa, nhi khoa, khoa tâm thần, tâm lý.

- Hợp ngành nghề tiếp thị, quảng cáo, uốn tóc, thẩm mỹ, thủ công, làm mô hình, cho vay, bảo hiểm, nhà báo, viết văn, phóng viên, hay lưu động, đi xa.
- Về tính tình, là người có tính ngang bướng, hay thay đổi, có niềm tin về thần thánh, tôn giáo, có tư tưởng thoát trần, thích hợp những sinh hoạt tâm linh, huyền bí. Hợp các người có dáng cao, nhanh nhẹn.
- Nếu đau bệnh thường xuất hiện ở tứ chi, thần kinh, những bệnh về tim và máu.
- Làm ăn gì thì hợp vào khoảng thời gian giữa xuân sang hè, hướng Đông Nam.
- Hợp các loại vật dụng có hình thù dài như tre, trúc, cây thông, vải vóc, gậy đánh golf, billard.
- Thức ăn có vị chua, các món ăn thuộc loài gia cầm, rau trái.
- Hợp màu xanh lục.

▫ Nhà cửa, nơi làm việc hợp gần ngã tư, vùng có nhiều đường đi xen kẽ, giao nhau như bàn cờ, hoặc nhà cao tầng có nhiều hành lang, có vườn hoa, gần chùa, nhà thờ, miếu thần, đài tưởng niệm, vườn bách thú.

Cung Ngọ là Cung Dương Hỏa, là loại lửa nóng, hợp mạng Hỏa, mạng Thổ. Khắc mạng Kim, mạng Thủy. Người mạng Mộc, tuy hợp nhưng đời hay gặp lầm chuyện trái ngang. Người mạng Thổ phát tài nhanh nhưng lầm tai nạn.

Nếu có sao Linh Tinh, Hỏa Tinh đứng giáp hai bên, tức là một sao ở Cung Mùi, một sao ở Cung Tỵ, là số vất vả, ly hương, dễ gặp cảnh mồ côi, hoặc cô độc, xa cách người thân, gia đạo ly tán, bất hòa, sức khỏe kém, dễ lao lực, lao tâm, nếu không thì cũng có tật nguyền, trong người có thương tích, dễ gặp hỏa hoạn, có người yếu tử, tật nguyền.

Trong Hậu Thiên Bát Quái Cung Ngọ thuộc quẻ Ly. Về ngũ hành Quẻ Ly thuộc Hỏa, có những biểu tượng và ý nghĩa như sau:

- Về thiên nhiên là Lửa, điện, cầu vòng.
- Về người là con gái thứ, mắt có tướng lạ. Gặp sao Thái Dương giáp Linh Tinh, Hỏa Tinh, hay có bệnh về mắt, khoa nhän.
- Tính tình nhạy cảm, thông minh, khiêm tốn. Vóc dáng sáng sủa.

- Nếu đau bệnh thường gặp ở mắt, bệnh tim mạch.
- Làm ăn gì thì hợp vào khoảng tháng 5, mùa hạ. Hợp hướng Nam.
- Nghề nghiệp thích hợp là văn học, nghệ thuật. Nếu có thêm Linh Tinh, Hỏa Tinh là nghề có liên quan đến hàng không, hàng hải.
- Thức ăn có vị đắng, các món ăn thuộc loài gia cầm, bò sát, các loại ở dưới nước như rùa, cua.
- Về nhà cửa, nơi làm việc hợp các nơi sáng sủa, nhiều cửa sổ. Đáng nhà cửa phía trên có hình nhọn, chóp nón, vùng đất của Long Thần, tức là vùng có thờ thần, hoặc mang tên đường người nữ linh thiêng. Ví dụ: nhà ở đường Hai Bà Trưng, Bùi Thị Xuân. Vùng thờ bà Chúa núi Sam, Bà Đen....
- Hợp màu đỏ, hồng.

Cung Mùi là Cung Âm Thổ, thuộc loại đất lạnh. Hợp mạng Hỏa, mạng Thổ, mạng Kim. Khắc mạng Mộc, mạng Thủy. Bất luận là tuổi gì đều phải có sao Mộc thì mới hay, bền vững.

Cung Thân là cung Dương Kim, thuộc loại Kim cứng, hợp mạng Kim, mạng Thủy, mạng Thổ. Khắc mạng Mộc, mạng Hỏa.

Nếu có sao Địa Không, Địa Kiếp, tọa thủ, và xung chiếu, là mua sắm nhà đất dễ dàng, nhanh chóng, nhưng bán cũng nhanh, nhà thuê, cầm cố.

Nhưng nếu có sao Linh Tinh, Hỏa Tinh đứng giáp hai bên, tức là một sao ở Cung Mùi, một sao ở Cung Dậu, là tạo dựng nhà cửa vất vả, nội bộ gia đạo bất hòa, có người yếu tử, đau yếu, tật nguyền, dễ có hỏa hoạn, khó có nơi ăn chốn ở ổn định.

Trong Hậu Thiên Bát Quái Cung Thân thuộc quẻ Khôn. Về ngũ hành Quẻ Khôn thuộc Thổ, có những biểu tượng và ý nghĩa như sau:

- Về thiên nhiên là đất, sương, thôn dã.
- Về người là mẹ, người nữ lớn tuổi, người quản gia, người làm khoa sản, chăm sóc trẻ em, chủ nông trại, tính tình hiền lành, nhu thuận, hay giúp đỡ người khác.

- ❑ Nếu đau bệnh thường gặp ở bộ phận tiêu hóa.
- ❑ Làm ăn gì thì hợp tháng 7, hướng Tây Nam, cuối hè sang thu, thời tiết ấm, mát.
- ❑ Về súc vật là trâu, bò, gia súc.
- ❑ Về vật dụng, tinh vật là vải, ngũ cốc, các loại làm bằng đất, cái gối.
- ❑ Hợp màu sắc vàng, nâu, màu đất.
- ❑ Về mùi vị và thức ăn là đồ ngọt, các loại lòng gia súc, gia cầm, các loại củ.
- ❑ Về ngũ quan là cái miệng.
- ❑ Về nhà cửa và nơi làm việc hợp vùng thôn dã, hoặc nhà có vườn, có cây bao quanh, trang trại, dáng nhà hình vuông và thấp.

Cung Dậu là cung Âm Kim, thuộc loại Kim lỏng, hạp mạng Kim, mạng Thủy, mạng Thổ, khắc mạng Mộc, mạng Hỏa. Người tuổi Dậu nếu có sao Thiên Hình thì dễ bị tù, hoặc thời thế không thuận lợi cho mình.

Trong Hậu Thiên Bát Quái Cung Dậu thuộc quẻ Đoài. Về ngũ hành Quẻ Đoài thuộc Kim, có những biểu tượng và ý nghĩa như sau:

- ❑ Về thiên nhiên là mưa, trăng, sao, ao, đầm.
- ❑ Về người là con gái út, người nữ nhỏ tuổi, vợ nhỏ, người làm mô giới, người làm nghệ thuật, có tài năng, khéo tay, nghề tinh xảo, tính tình vui vẻ, hòa thuận, hòa nhã, khéo ăn nói.
- ❑ Nếu đau bệnh thường gặp ở hệ hô hấp, tai, mũi, họng.
- ❑ Làm ăn gì thì hợp tháng 8, hướng chính Tây, mùa thu, thời tiết mát.
- ❑ Về súc vật là con dê, con nai.
- ❑ Về vật dụng, tinh vật là con dao, các loại bình chứa nước như chén ăn cơm, tô canh, bình bát của khất sĩ.
- ❑ Hợp màu sắc trắng.

- Về mùi vị và thức ăn là đồ cay, các loại thức ăn có nước như cái lẩu, phở, hủ tíu.
- Về ngũ quan là cuống họng, đàm, hệ hô hấp.
- Về nhà cửa và nơi làm việc hợp ở những nơi có ao hồ, đầm lầy, thung lũng, giếng, rạch, sông, hòn non bộ, gần hồ bơi, rừng thiêng nhiên, khu du lịch, thánh địa, giáo xứ.

Cung Tuất là Cung Dương Thổ, thuộc loại đất nóng. Hợp mạng Hỏa, mạng Thổ, mạng Kim; Khắc mạng Thủy, mạng Mộc.

Cung Hợi là Cung Âm Thủy, thuộc loại nước lạnh, nên nếu có Linh Tinh, Hỏa Tinh, thì làm nghề cơ điện lạnh, tạo gen di truyền, vi sinh vật, men, nấm, ủ, rất nổi tiếng. Hợp mạng Thủy, mạng Kim, mạng Mộc. Khắc mạng Hỏa, mạng Thổ.

Nếu có sao Địa Không, Địa Kiếp đồng cung, là nhà đất mua nhanh, bán nhanh, càng ngày càng suy kém.

Nếu có sao Địa Không, Địa Kiếp đứng giáp hai bên, một sao ở Cung Tuất, một sao ở Cung Tý, là không có nhà đất, ly hương, phải tạo dựng ở nơi xa, nhưng cũng không ổn định, nay có mai không, hay gặp sự trắc trở, phiền nhiễu, rủi ro.

Trong Hậu Thiên Bát Quái Cung Hợi thuộc quẻ Càn. Về ngũ hành Quẻ Càn thuộc Kim, có những biểu tượng và ý nghĩa như sau:

- Về thiên nhiên là Trời, bầu trời, băng đá.
- Về người là cha, người đàn ông lớn tuổi, ông già, người lãnh đạo, người làm quan, trí thức, trung trực, chuộng sự thông thái, tánh tình quả quyết nhưng độ lượng bao dung, hay làm phước.
- Nếu đau bệnh thường gặp ở hệ thần kinh, đầu, hệ hô hấp, mắt, xương, da, lông.
- Làm ăn gì thì hợp tháng 9 và tháng 10, hướng Tây Bắc, mùa đông.
- Về súc vật là voi, sư tử, ngựa, đua ngựa, nuôi ngựa, các loài chim.
- Về vật dụng, tinh vật là vàng ngọc, châu báu, cửa cải quý giá, các loại có hình tròn, hình cầu sáng bóng, hình bán nguyệt, vòng cung, cái gương soi hình tròn, vợt cầu lông, tennis, cây vợt, bóng bầu dục, bóng đá, bóng bàn, bóng rổ.

- Hợp màu sắc trắng.
- Về mùi vị và thức ăn là đồ cay, bánh canh, mì ống, các loại thịt, trái cây.
- Về ngũ quan là lỗ mũi.
- Về nhà cửa và nơi làm việc hợp ở vùng thủ đô, trung tâm thương mại, biệt thự, lầu cao, gần các dinh có chức quyền.

Phần Tổng Luận Cho Nô Bộc



Xem Cung Nô Bộc để biết bè bạn, người cộng sự, hoặc cấp trên hay người giúp việc, đối với mình tốt hay xấu, có lợi hay không có lợi về mặt tài lộc hay công việc. Ngoài ra, Cung Nô Bộc này cũng là một điều kiện cần thiết để bổ sung khi tìm hiểu về cung Phu Thê.

Cung Nô Bộc vô chính diệu thì lấy đối cung xung chiếu mà xem.

Ngoài các chính tinh đã nói ở trên, cần phải biết thêm, nếu Cung Nô Bộc có sao:

Văn Xương, Văn Khúc, Thiên Khôi, Thiên Việt, bè bạn là người giàu có, học thức, danh tiếng, có người giúp việc tốt, hiền lành, nhân hậu.

Có sao Tả Phù, Hữu Bật, thì ra ngoài nhiều bè bạn, nhưng nếu sao chính tinh là các sao Phá Quân, Tham Lang, Liêm Trinh hâm địa, thì bè bạn, người giúp việc, hay gây sức ép cho mình.

Có sao Lộc Tồn, không nên tiết lộ bí mật cá nhân của mình cho người khác biết.

Có Hóa Khoa, Hóa Quyền, Hóa Lộc, thì bè bạn khá giả, có danh, có phận.

Có Đại Hao, Tiểu Hao, Hóa Kỳ, Đà La, Cự Môn, bè bạn, người giúp việc chỉ là giới phiêu lưu, vui chơi.

Có sao Đào Hoa, Hồng Loan, Thiên Hỉ, giao thiệp với phái nữ làm ăn rất tốt, nhưng nếu có Thiên Hìn, Riêu, Địa Không, Địa Kiếp, Hóa Kỵ, Văn Xương, Văn Khúc, thì không nên đa mang sắc dục mà hại thân.

Có sao TUÂN, TRIỆT, bất luận tốt hay xấu, về lâu, về dài mới bền chặt, hoặc bạn bè xa cách lâu ngày, về già mới gặp, thuê mướn người giúp việc chẳng được lâu bền.

Cung Nô Bộc có sao Thái Tuế, ra ngoài hay kén chọn người tài giỏi, uyên bác chơi với mình, nhưng nếu Cung Mệnh có sao Đà La, Thiên Lương, thì chỉ là kẻ kiêu ngạo, dựa dẫm vào bè bạn.

Cung Tý thuộc Hành Dương Thủy, là loại nước nóng, hướng chính Bắc, nên hợp với tuổi thuộc mạng Mộc, Thủy, Kim, khắc mạng Hỏa, mạng Thổ.

Cung Tý thuộc quẻ Khảm, về ngũ hành là Thủy, có biểu tượng và ý nghĩa là nước, chất lỏng, mưa, mặt trăng.

- Về người là con trai thứ, hoặc con trai giữa, tánh người thì khôn ngoan, thâm trầm, sắc bén, trí sâu, tánh dấu diếm, bí mật, chổ hiểm hóc.
- Nếu đau bệnh thường ở vùng lỗ tai, máu huyết, thận, bong bóng, bàn tay.
- Làm ăn hợp tháng 11, mùa đông, phương Bắc.
- Hợp thức ăn loại hải sản, là con heo, con cá, trái cây có nước như trái dừa, rượu, quán cà phê.
- Hợp màu sắc đen.
- Về nhà cửa và nơi làm việc hợp nhà sàn ở gần sông, biển, rạch, nơi có nước, vị mặn, vùng có khí lạnh, hoặc vùng thờ nhân thần, tức là thờ những người khai quốc công thần.

Nếu có sao Linh Tinh, Hỏa Tinh, là bè bạn, người giúp việc, thuộc đủ mọi giới.

Nhưng nếu có sao Linh Tinh, Hỏa Tinh đứng giáp hai bên, tức là một sao ở Cung Hợi, một sao ở Cung Sửu, là bè bạn nay có mai không, người khác chủng tộc, hay gây những điều ai oán.

Cung Thủ thuộc Âm Thổ, hạp mạng Hỏa, Thổ, mạng Kim. Khắc mạng Mộc, mạng Thủy. Nhưng bất luận tuổi nào, cần phải có sao Mộc thì mới tốt.

Cung Dần là Cung Dương Mộc, hạp mạng Mộc, mạng Hỏa, khắc mạng Thổ, mạng Thủy, mạng Kim, nếu có thành công thì cũng lắm gian nan. Người tuổi Đinh, tuổi Tân phát tài về ngành cơ khí, vận chuyển, công kỹ nghệ.

Cung Dần thuộc quẻ Cấn, về ngũ hành là Thổ, có biểu tượng và ý nghĩa là mây mù, hạp vùng đồi núi, nơi có đá.

- Về người tượng trưng cho con trai út, người giúp việc, bảo vệ, gác cổng, quản gia.
- Làm ăn hợp tháng Giêng, mùa xuân, hướng Đông Bắc, vùng có khí hậu ấm.
- Nếu có bệnh thường ở ngón tay, lỗ mũi, cái lưng, xương cốt, đau bao tử.
- Hợp màu sắc vàng, nâu.
- Hợp các loại thức ăn có vị ngọt, các loại lúa, đậu.
- Về nhà cửa và nơi làm việc hợp ở những nơi như chõ cùng tận, ngõ tắt.
- Về súc vật là các loại như chó, cọp, chuột, beo.

Nếu có sao Bạch Hổ, Tham Lang, Liêm Trinh thì bè bạn làm hại nhau.

Nếu có sao Địa Không, Địa Kiếp, tọa thủ, và xung chiếu, là bè bạn, người giúp việc tình cảm không bền, đôi khi có sự dấu diếm, dối trá.

Nhưng nếu có sao Linh Tinh, Hỏa Tinh đứng giáp hai bên, tức là một sao ở Cung Mão, một sao ở Cung Sửu, là ít bè bạn, hoặc có nhiều nhưng không bền. Đời hay gặp tai nạn, rủi ro.

Cung Mão là Cung Âm Mộc, hạp mạng Mộc, mạng Thủy, mạng Hỏa. Khắc mạng Kim, mạng Thổ. Bất luận tuổi gì, mạng đóng ở cung này thì phải bôn ba, đi xa mới thành công.

Cung Mão thuộc quẻ Chấn, về ngũ hành là Mộc, có biểu tượng và ý nghĩa là sấm sét.

- Là người trưởng nam, người có tay nghề khéo, thông minh. Dù nam hay nữ có Cung

Mệnh đóng tại cung này thường vất vả buổi ban đầu, nay đây mai đó, dễ ly hương, xuất ngoại, đa tình, đa cảm.

- Hợp các ngành nghề có sự lưu động, công tác xa.
- Nếu đau bệnh thường gặp ở gan, mắt, gân, tóc, mật.
- Hợp tháng giêng, tháng hai, mùa xuân, hướng chánh Đông.
- Về súc vật là các loài rắn, các loại thú biết bay, bò sát.
- Thức ăn có vị chua, các món ăn thuộc đậu, hạt, các loại nẩy mầm, hoặc củ.
- Về nhà cửa và nơi làm việc hợp các nơi đông đảo, phồn hoa, đô hội, chợ búa. Nơi có thời tiết nắng ấm.
- Về vật dụng là cái điện thoại, các loại đồ vật tạo ra âm thanh, cái lò bếp, ông táo.
- Về tinh thần là tình cảm nội bộ gia đình, người thân. Nên gặp Kình Dương, Đà La, Địa Không, Địa Kiếp, Linh Tinh, Hỏa Tinh là gia đạo ly tán, mồ côi, cô độc, có thương tích, bất hòa, hay cãi nhau, duyên nợ chắp nối, góa bụa, số gian truân. Đời hay gặp sự đảo lộn bất ngờ ngoài dự tính.
- Hợp màu xanh lá cây.

Cung Thìn là Cung Dương Thổ, là loại đất nóng, hạp mạng Thổ, mạng Hỏa mạng Kim. Khắc mạng Mộc, mạng Thủy, rất cần Kình Dương làm kinh tế giỏi, mưu lược.

Cung Ty là Cung Âm Hỏa, hạp mạng Mộc, mạng Hỏa, mạng Thổ, khắc mạng Thủy, mạng Kim. Cung Mệnh ở cung này đáng sợ nhất là có Địa Không, Địa Kiếp đồng cung hoặc giáp Địa Không, Địa Kiếp. Nhưng tuổi Thìn, Tuất, được cách này thì làm giàu nhanh chóng, bôn ba xứ người.

Cung Ty thuộc quẻ Tốn, về ngũ hành là Mộc, có biểu tượng và ý nghĩa là Gió, cái quạt.

- Về người là con gái trưởng, tu sĩ, sản khoa, nhi khoa, khoa tâm thần, tâm lý.
- Hợp ngành nghề tiếp thị, quảng cáo, uốn tóc, thẩm mỹ, thủ công, làm môi giới, cho vay, bảo hiểm, nhà báo, viết văn, phóng viên, hay lưu động, đi xa.

- Về tánh tình, là người có tính ngang bướng, hay thay đổi, có niềm tin về thần thánh, tôn giáo, có tư tưởng thoát trần, thích hợp những sinh hoạt tâm linh, huyền bí. Hợp các người có dáng cao, nhanh nhẹn.
- Nếu đau bệnh thường xuất hiện ở tứ chi, thần kinh, những bệnh về tim và máu.
- Làm ăn gì thì hợp vào khoảng thời gian giữa xuân sang hè, hướng Đông Nam.
- Hợp các loại vật dụng có hình thù dài như tre, trúc, cây thông, vải vóc, gậy đánh golf, billard.
- Thức ăn có vị chua, các món ăn thuộc loài gia cầm, rau trái.
- Hợp màu xanh lục.

- Nhà cửa, nơi làm việc hợp gần ngã tư, vùng có nhiều đường đi xen kẽ, giao nhau như bàn cờ, hoặc nhà cao tầng có nhiều hành lang, có vườn hoa, gần chùa, nhà thờ, miếu thần, dài tưởng niệm, vườn bách thú.

Nếu có sao Địa Không, Địa Kiếp đồng cung, là bè bạn, người giúp việc tình cảm không bền, hay gây điều ai oán, cãi nhau, hại nhau.

Nếu có sao Địa Không, Địa Kiếp đứng giáp hai bên, một sao ở Cung Ngọ, một sao ở Cung Thìn, là dễ bị hại vì bè bạn, có bối thường do tai nạn của người giúp việc. Số họan nạn.

Cung Ngọ là Cung Dương Hỏa, là loại lửa nóng, hợp mạng Hỏa, mạng Thổ. Khắc mạng Kim, mạng Thủy. Người mạng Mộc, tuy hợp nhưng đồi hay gặp lầm chuyện trái ngang. Người mạng Thổ phát tài nhanh nhưng lầm tai nạn.

Cung Ngọ thuộc quẻ Ly, về ngũ hành là Hỏa, có biểu tượng và ý nghĩa là Lửa, điện, cầu vòng.

- Về người là con gái thứ, mắt có tướng lạ. Gặp sao Thái Dương giáp Linh Tinh, Hỏa Tinh, hay có bệnh về mắt, khoa nhän.
- Tánh tình nhạy cảm, thông minh, khiêm tốn. Vóc dáng sáng sủa.
- Nếu đau bệnh thường gặp ở mắt, bệnh tim mạch.

- Làm ăn gì thì hợp vào khoảng tháng 5, mùa hạ. Hợp hướng Nam.
- Nghề nghiệp thích hợp là văn học, nghệ thuật. Nếu có thêm Linh Tinh, Hỏa Tinh là nghề có liên quan đến hàng không, hàng hải.
- Thức ăn có vị đắng, các món ăn thuộc loài gia cầm, bò sát, các loại ở dưới nước như rùa, cua.
- Về nhà cửa, nơi làm việc hợp các nơi sáng sủa, nhiều cửa sổ. Đáng nhà cửa phía trên có hình nhọn, chóp nón, vùng đất của Long Thần, tức là vùng có thờ thần, hoặc mang tên đường người nữ linh thiêng. Ví dụ: nhà ở đường Hai Bà Trưng, Bùi Thị Xuân. Vùng thờ bà Chúa núi Sam, Bà Đen....
- Hợp màu đỏ, hồng.

Nếu có sao Linh Tinh, Hỏa Tinh, là bè bạn, người giúp việc, thuộc đủ mọi giới.

Nhưng nếu có sao Linh Tinh, Hỏa Tinh đứng giáp hai bên, tức là một sao ở Cung Tỵ, một sao ở Cung Mùi, là bè bạn nay có mai không, người khác chủng tộc, hay gây những điều ai oán.

Cung Mùi là Cung Âm Thổ, thuộc loại đất lạnh. Hợp mạng Hỏa, mạng Thổ, mạng Kim. Khắc mạng Mộc, mạng Thủy. Bất luận là tuổi gì đều phải có sao Mộc thì mới hay, bền vững.

Cung Thân là cung Dương Kim, thuộc loại Kim cứng, hợp mạng Kim, mạng Thủy, mạng Thổ. Khắc mạng Mộc, mạng Hỏa.

Cung Thân thuộc quẻ Khôn, về ngũ hành là Thổ, có biểu tượng và ý nghĩa là đất, sương, thôn dã.

- Về người là mẹ, người nữ lớn tuổi, người quản gia, người làm khoa sản, chăm sóc trẻ em, chủ nông trại, tính tình hiền lành, nhu thuận, hay giúp đỡ người khác.
- Nếu đau bệnh thường gặp ở bộ phận tiêu hóa.
- Làm ăn gì thì hợp tháng 7, hướng Tây Nam, cuối hè sang thu, thời tiết ẩm, mát.
- Về súc vật là trâu, bò, gia súc.

- Về vật dụng, tinh vật là vải, ngũ cốc, các loại làm bằng đất, cái gối.
- Hợp màu sắc vàng, nâu, màu đất.
- Về mùi vị và thức ăn là đồ ngọt, các loại lòng gia súc, gia cầm, các loại củ.
- Về ngũ quan là cái miệng.
- Về nhà cửa và nơi làm việc hợp vùng thôn dã, hoặc nhà có vườn, có cây bao quanh, trang trại, dáng nhà hình vuông và thấp.

Nếu có sao Bạch Hổ, Tham Lang, Liêm Trinh thì bè bạn làm hại nhau.

Nếu có sao Địa Không, Địa Kiếp, tọa thủ, và xung chiếu, là bè bạn, người giúp việc tình cảm không bền, đôi khi có sự dấu diếm, đối trá.

Nhưng nếu có sao Linh Tinh, Hỏa Tinh đứng giáp hai bên, tức là một sao ở Cung Mão, một sao ở Cung Sửu, là ít bè bạn, hoặc có nhiều nhưng không bền. Đời hay gặp tai nạn, rủi ro.

Cung Dậu là cung Âm Kim, thuộc loại Kim lỏng, hạp mạng Kim, mạng Thủy, mạng Thổ, khắc mạng Mộc, mạng Hỏa. Người tuổi Dậu nếu có sao Thiên Hình thì dễ bị tù, hoặc thời thế không thuận lợi cho mình.

Cung Dậu thuộc quẻ Đoài, về ngũ hành là Kim, có biểu tượng và ý nghĩa là mưa, trăng, sao, ao, đầm, bơi lội.

- Về người là con gái út, người nữ nhỏ tuổi, vợ nhở, người làm môi giới, người làm nghệ thuật, có tài năng, khéo tay, nghề tinh xảo, tánh tình vui vẻ, hòa thuận, hòa nhã, khéo ăn nói.
- Nếu đau bệnh thường gặp ở hệ hô hấp, tai, mũi, họng.
- Làm ăn gì thì hợp tháng 8, hướng chánh Tây, mùa thu, thời tiết mát.
- Về súc vật là con dê, con nai.
- Về vật dụng, tinh vật là con dao, các loại bình chứa nước như chén ăn cơm, tô canh, bình bát của khất sĩ.

- Hợp màu sắc trắng.
- Về mùi vị và thức ăn là đồ cay, các loại thức ăn có nước như cá lẩu, phở, hủ tíu.
- Về ngũ quan là cuống họng, đàm, hệ hô hấp.
- Về nhà cửa và nơi làm việc hợp ở những nơi có ao hồ, đầm lầy, thung lũng, giếng, rạch, sông, hòn non bộ, gần hồ bơi, rừng thiêng nhiên, khu du lịch, thánh địa, giáo xứ.

Cung Tuất là Cung Dương Thổ, thuộc loại đất nóng. Hợp mạng Hỏa, mạng Thổ, mạng Kim; Khắc mạng Thủy, mạng Mộc.

Cung Hợi là Cung Âm Thủy, thuộc loại nước lạnh, nên nếu có Linh Tinh, Hỏa Tinh, thì làm nghề cơ điện lạnh, tạo gen di truyền, vi sinh vật, men, nấm, ủ, rất nổi tiếng. Hợp mạng Thủy, mạng Kim, mạng Mộc. Khắc mạng Hỏa, mạng Thổ.

Cung Hợi thuộc quẻ Càn, về ngũ hành là Kim, có biểu tượng và ý nghĩa là Trời, bầu trời, băng đá.

- Về người là cha, người đàn ông lớn tuổi, ông già, người lãnh đạo, người làm quan, trí thức, trung trực, chuộng sự thông thái, tánh tình quả quyết nhưng độ lượng bao dung, hay làm phước.
- Nếu đau bệnh thường gặp ở hệ thần kinh, đầu, hệ hô hấp, mắt, xương, da, lông.
- Làm ăn gì thì hợp tháng 9 và tháng 10, hướng Tây Bắc, mùa đông.
- Về súc vật là voi, sư tử, ngựa, đua ngựa, nuôi ngựa, các loài chim.
- Về vật dụng, tinh vật là vàng ngọc, châu báu, cửa cải quý giá, các loại có hình tròn, hình cầu sáng bóng, hình bán nguyệt, vòng cung, cái gương soi hình tròn, vợt cầu lông, tennis, cây vợt, bóng bầu dục, bóng đá, bóng bàn, bóng rổ.
- Hợp màu sắc trắng.
- Về mùi vị và thức ăn là đồ cay, bánh canh, mì ống, các loại thịt, trái cây.
- Về ngũ quan là lỗ mũi.
- Về nhà cửa và nơi làm việc hợp ở vùng thủ đô, trung tâm thương mại, biệt thự, lầu

cao, gần các dinh có chức quyền.

Nếu có sao Địa Không, Địa Kiếp đồng cung, là bè bạn, người giúp việc tình cảm không bền, hay gây điều ai oán, cãi nhau, hại nhau.

Nếu có sao Địa Không, Địa Kiếp đứng giáp hai bên, một sao ở Cung Tý, một sao ở Cung Tuất, là dễ bị hại vì bè bạn, có bối thường do tai nạn của người giúp việc. Số hoạn nạn.

Cung Thân Cư tại 6 Cung Mệnh, Phúc Đức, Quan Lộc, Thiên Di, Tài Bạch, và Phu Thủ

Cung an Thân. Cũng là cung thứ 13 luôn nương gá vào một trong 6 Cung Mệnh, Phúc Đức, Quan Lộc, Thiên Di, Tài Bạch, và Phu Thủ. Cung diễn tả khác của Cung Mệnh có ảnh hưởng lớn đến cuộc đời, nhất là khi đương số trên 30 tuổi. Cung an Thân là Cường Cung.

Cung an Thân là Cường Cung có nghĩa là cung cần phải xét kỹ trước các Nhược Cung vì được xem là cung có ảnh hưởng quan trọng đến sự thịnh suy của số mệnh khi luận giải.

Bảy Cường Cung cho phái Nam là Cung Phúc Đức, Mệnh, an Thân, Quan Lộc, Tài Bạch, Thiên Di, Phu Thủ. Sáu Cường Cung cho phái Nữ theo thứ tự là Cung Phúc Đức, Mệnh, an Thân, Phu Thủ, Tài Bạch, Tử Túc.